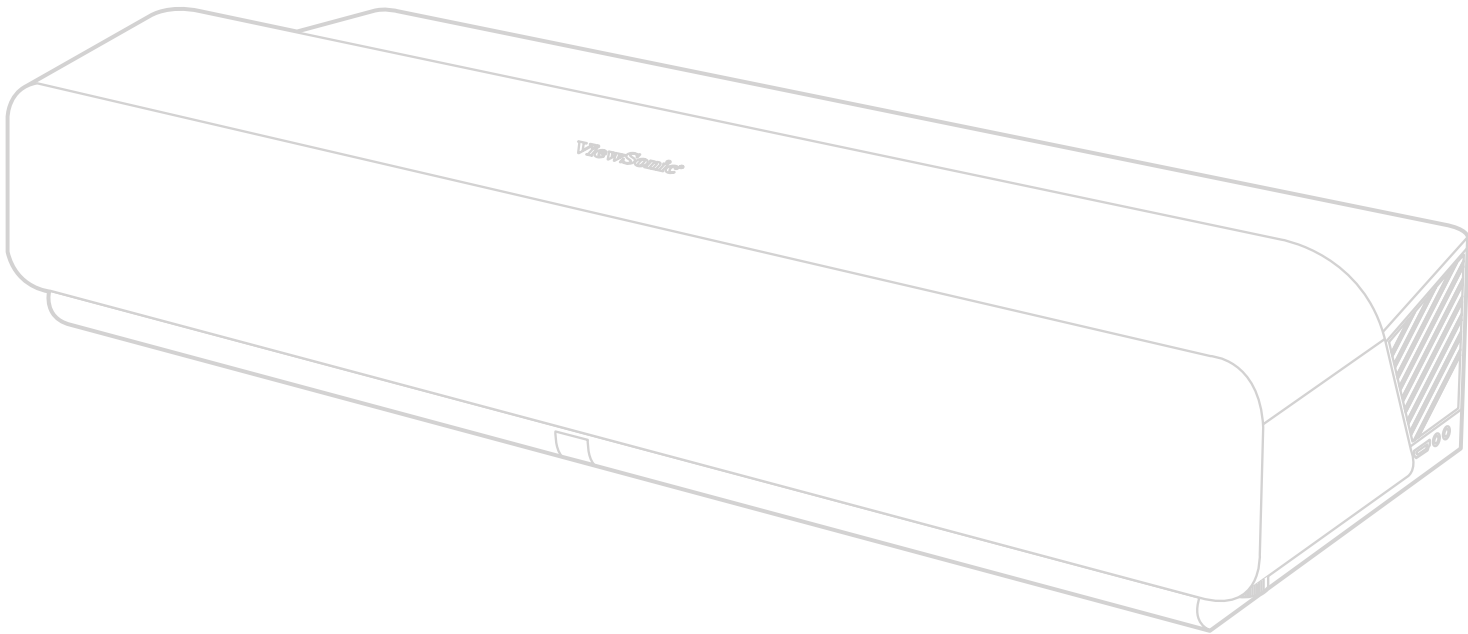


> **X1000-4K**

Máy Chiếu Loa Thanh Đèn LED Thông Minh
Sổ hướng dẫn sử dụng



Cảm ơn bạn đã lựa chọn ViewSonic®

Là nhà cung cấp hàng đầu thế giới về các giải pháp trực quan, ViewSonic® đã nỗ lực đáp ứng vượt quá những kỳ vọng của thế giới đối với sự phát triển, đổi mới và đơn giản về công nghệ. Tại ViewSonic®, chúng tôi tin rằng các sản phẩm của chúng tôi có tiềm năng tạo ra tác động tích cực trên thế giới và chúng tôi tin tưởng rằng sản phẩm ViewSonic® mà bạn đã lựa chọn sẽ phục vụ tốt cho nhu cầu bạn.

Một lần nữa xin cảm ơn bạn đã lựa chọn ViewSonic®!

> Biện pháp phòng ngừa an toàn

Hãy đọc **Biện pháp phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bạn bắt đầu sử dụng máy chiếu.

- Lưu giữ sổ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để tham khảo sau.
- Hãy đọc mọi cảnh báo và thực hiện theo mọi hướng dẫn.
- Cho phép khoảng trống tối thiểu 20 inch (50 cm) xung quanh máy chiếu để đảm bảo thông gió thích hợp.
- Đặt máy chiếu ở khu vực thông gió tốt. Không đặt bất cứ vật gì lên máy chiếu vốn sẽ cản trở sự tản nhiệt.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt gồ ghề hoặc thiếu ổn định. Máy chiếu có thể bị rơi đổ, gây thương tích cá nhân hoặc bị hỏng.
- Không sử dụng nếu máy chiếu bị nghiêng sang trái hoặc phải với một góc hơn 10 độ hay về phía trước hoặc phía sau với góc hơn 15 độ.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Các tia sáng mạnh có thể làm hỏng mắt của bạn.
- Luôn mở cửa trap ống kính hoặc tháo nắp ống kính khi bật đèn chiếu.
- Không chặn ống kính chiếu với bất kỳ vật thể nào khi máy chiếu đang hoạt động vì điều này có thể khiến các vật thể bị nóng và biến dạng hoặc thậm chí gây ra hỏa hoạn.
- Đèn trở nên cực nóng trong quá trình máy chiếu hoạt động. Để máy chiếu nguội khoảng 45 phút trước khi tháo cụm đèn để thay mới.
- Không sử dụng đèn quá thời hạn sử dụng định mức. Việc sử dụng các bóng đèn quá mức vượt khỏi thời hạn sử dụng định mức có thể khiến chúng bị hỏng trong những dịp hiếm hoi.
- Đừng bao giờ thay thế cụm đèn hoặc bất kỳ linh kiện điện tử nào trừ khi rút phích cắm máy chiếu.
- Không được cố tháo rời máy chiếu. Có điện áp cao nguy hiểm bên trong máy chiếu có thể gây tử vong nếu bạn tiếp xúc với các bộ phận dẫn điện.
- Khi di chuyển máy chiếu, cẩn thận không làm rơi hoặc va đập nó vào bất cứ vật gì.
- Không đặt bất kỳ vật thể nặng nào lên máy chiếu hoặc cáp kết nối.
- Không được dựng đứng máy chiếu. Nếu không, máy chiếu có thể bị rơi đổ, gây thương tích cá nhân hoặc làm hỏng máy chiếu.
- Tránh để máy chiếu tiếp xúc với ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc các nguồn nhiệt được duy trì liên tục khác. Không lắp đặt gần bất kỳ nguồn nhiệt nào như thiết bị tản nhiệt, cửa điều nhiệt, bếp lò hoặc thiết bị khác (kể cả bộ khuếch đại) vốn có thể tăng nhiệt độ máy chiếu lên mức nguy hiểm.

- Không đặt chất lỏng gần hoặc trên máy chiếu. Chất lỏng tràn vào máy chiếu có thể khiến nó bị hỏng. Nếu máy chiếu bị ướt, hãy ngắt kết nối khỏi nguồn điện và gọi đến trung tâm bảo hành tại địa phương để bảo hành máy chiếu.
- Khi máy chiếu đang hoạt động, bạn có thể cảm nhận được một ít không khí nóng và mùi thoát ra từ lưới tản nhiệt. Đó là hoạt động bình thường và không bị hỏng.
- Đừng cố bỏ qua các điều khoản an toàn của phích cắm loại phân cực hoặc tiếp đất. Phích cắm phân cực có hai chấu, trong đó có một chấu lớn hơn chấu còn lại. Phích cắm kiểu tiếp đất có hai chấu và một chấu tiếp đất thứ ba. Chấu lớn và chấu thứ ba được cung cấp nhằm đảm bảo an toàn cho bạn. Nếu phích cắm không vừa với ổ cắm điện của bạn, hãy dùng bộ chuyển đổi điện và không được cố ép phích cắm vào ổ cắm.
- Khi cắm vào ổ cắm điện, **KHÔNG** được tháo chấu tiếp đất. Đảm bảo **KHÔNG BAO GIỜ THÁO** chấu tiếp đất.
- Bảo vệ dây nguồn khỏi bị giẫm hoặc đè lên, đặc biệt ở phích cắm và điểm dẫn điện ra từ máy chiếu.
- Ở một số quốc gia, điện áp **KHÔNG** ổn định. Máy chiếu này được thiết kế để hoạt động an toàn trong phạm vi điện áp từ 100 đến 240 vôn AC, nhưng có thể bị hỏng nếu xảy ra sự cố cắt điện hoặc tăng điện áp ± 10 vôn. Ở những khu vực điện áp có thể tăng giảm hoặc bị cắt, bạn nên kết nối máy chiếu qua bộ ổn định nguồn, bộ bảo vệ tăng áp hoặc bộ cấp nguồn liên tục (UPS).
- Nếu phát hiện có khói, tiếng ồn bất thường hoặc mùi lạ, hãy tắt ngay máy chiếu và gọi cho đại lý bán hàng hoặc ViewSonic®. Việc tiếp tục sử dụng máy chiếu là rất nguy hiểm.
- Chỉ sử dụng các thiết bị phụ/phụ kiện theo quy định của nhà sản xuất.
- Ngắt kết nối dây nguồn khỏi ổ cắm điện AC nếu máy chiếu không được sử dụng trong một thời gian dài.
- Luôn sử dụng mọi dịch vụ từ nhân viên dịch vụ đủ trình độ.



THẬN TRỌNG: Bức xạ quang tiềm ẩn nguy hiểm được phát ra từ sản phẩm này. Tương tự như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn chằm vào chùm tia sáng máy chiếu, RG2 IEC 62471-5:2015

> **Biện pháp phòng ngừa an toàn - Treo trần**

Vui lòng đọc **Biện pháp phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bắt đầu sử dụng máy chiếu.

Nếu bạn muốn treo máy chiếu lên trần, cần phải sử dụng bộ treo máy chiếu phù hợp đồng thời phải lắp ráp sao cho chắc chắn và an toàn.

Nếu sử dụng bộ treo máy chiếu không phù hợp, mức độ an toàn sẽ bị giảm thiểu, máy chiếu có thể bị rơi xuống do lắp ráp không đạt chuẩn, đo đạc sai hoặc chiều dài các vít không đúng.

Bạn có thể mua bộ treo máy chiếu từ nơi mua máy chiếu.

> Mục lục

Biện pháp phòng ngừa an toàn.....	3
Giới thiệu	9
Các tính năng	9
Nội dung gói sản phẩm	10
Tổng quan về sản phẩm.....	11
Máy chiếu.....	11
Cổng kết nối	12
Điều khiển từ xa	14
Thiết lập ban đầu	16
Chọn vị trí - Hướng máy chiếu.....	16
Kích thước chiếu.....	17
Lắp đặt máy chiếu	18
Thực hiện các kết nối.....	19
Kết nối nguồn điện	19
Kết nối thiết bị ngoại vi.....	20
Kết nối HDMI	20
Kết Nối Âm Thanh	21
USB và Kết Nối Mạng.....	22
Phản chiếu màn hình không dây	23
Kết nối với mạng.....	24
Kết nối Wi-Fi.....	24
SSID tùy chỉnh.....	26
Kết Nối LAN Có Dây	28
Kết nối Bluetooth.....	29
Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth).....	29
Bluetooth Out (Bluetooth đầu ra)	31

Sử dụng máy chiếu	32
Khởi động máy chiếu	32
Kích hoạt lần đầu	32
Lấy nét hình ảnh	32
Preferred Language (Ngôn ngữ ưu tiên)	33
Hướng máy chiếu	33
Network Settings (Cài đặt mạng)	34
Ngõ vào nguồn	34
Chọn Nguồn Vào	35
Điều chỉnh hình chiếu	36
Điều chỉnh chiều cao máy chiếu và góc chiếu	36
Thiết lập kích thước hình mong muốn	36
Tinh chỉnh độ rõ nét hình ảnh	37
Tắt máy chiếu	38
Đã chọn nguồn tín hiệu vào - Sơ đồ menu hiển thị trên màn hình (OSD)	39
Vận hành máy chiếu	52
Home Screen (Màn hình chính)	52
Home Screen (Màn hình chính) - Sơ đồ menu hiển thị trên màn hình (OSD)	53
Thao tác menu	58
File Management (Quản lý tập tin)	58
Apps Center (Trung tâm ứng dụng)	63
Bluetooth	65
Setting (Cài đặt)	66
Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)	81

Phụ lục	84
Thông số kỹ thuật	84
Biểu đồ định giờ	86
Định giờ máy tính hỗ trợ cổng HDMI/USB C	87
Định giờ hỗ trợ 3D.....	89
Bảng chú giải.....	90
Khắc phục sự cố.....	93
Bảo dưỡng	94
Biện pháp phòng ngừa chung	94
Vệ sinh ống kính	94
Lau vỏ máy chiếu.....	94
Cất giữ máy chiếu.....	94
Đèn báo LED	95
Thông tin quy định và dịch vụ.....	96
Thông tin tuân thủ	96
Tuyên bố tuân thủ FCC.....	96
Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC.....	97
Nội Dung Cảnh Báo IC	97
Nội Dung Quy Định cấp Quốc Gia.....	97
Quy Định Phơi Nhiễm Phóng Xạ IC.....	98
Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu.....	98
Tuyên bố tuân thủ RoHS2	99
Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ.....	100
Thải bỏ sản phẩm khi kết thúc vòng đời sử dụng	100
Thông tin bản quyền.....	101
Dịch vụ khách hàng	102
Bảo hành hạn chế.....	103

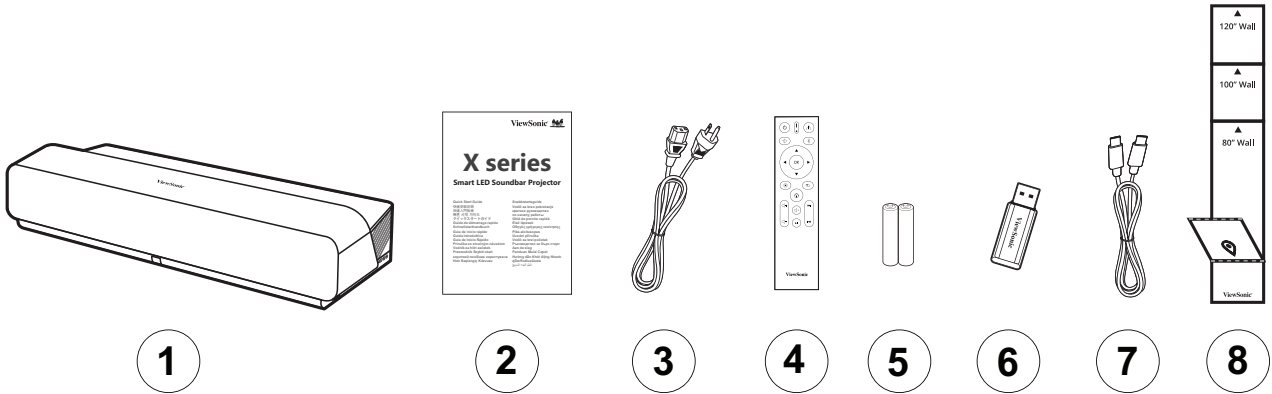
> Giới thiệu

Kết hợp độ phân giải 4K tuyệt đẹp với chức năng truyền phát thông minh, ViewSonic® X1000-4K là phân khúc máy chiếu phòng tối. Với thấu kính siêu gần, thật dễ dàng để bạn lắp đặt máy chiếu tại nhà. Ngoài ra, sản phẩm có nhiều cổng HDMI, kết nối đa dạng, giúp người dùng stream nội dung từ các nhà cung cấp ưa thích.

Các tính năng

- Thấu kính siêu gần rất phù hợp để chiếu tại nhà. Chiếu lên màn hình rộng 100 inch từ khoảng cách 0,379 mét (Đầu vào/ra mặt sau sát tường).
- Bộ nhớ trong 16 GB (Có sẵn tối đa 12 GB để người dùng lưu trữ).
- Nhiều chế độ màu khác nhau dùng cho các mục đích chiếu khác nhau.
- Các menu hiển thị trên màn hình (OSD) đa ngôn ngữ.

Nội dung gói sản phẩm



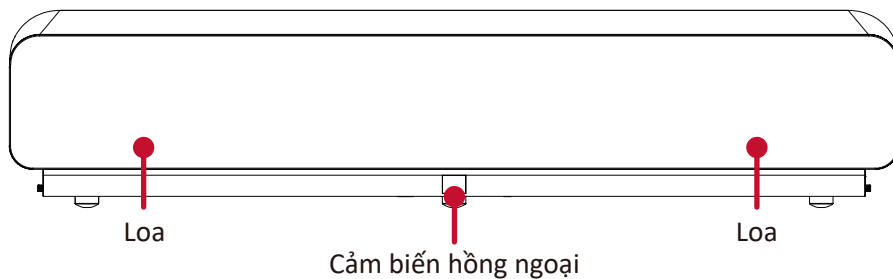
Mục	Mô tả
[1]	Máy chiếu X1000-4K
[2]	Hướng dẫn khởi động nhanh
[3]	Dây nguồn
[4]	Điều khiển từ xa
[5]	Pin
[6]	Bộ thu phát Wi-Fi
[7]	Cáp USB-C
[8]	Thẻ khoảng cách

LƯU Ý: Dây nguồn và bộ điều khiển từ xa đi kèm sản phẩm có thể khác nhau tùy vào quốc gia của bạn. Vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng tại địa phương để biết thêm thông tin.

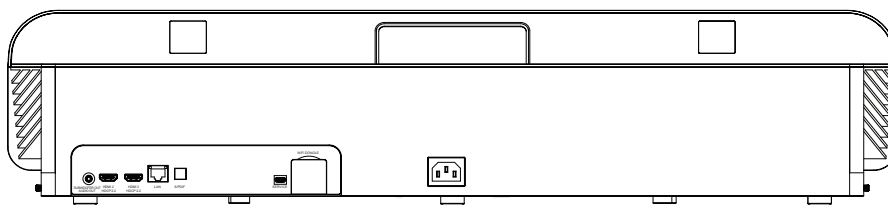
Tổng quan về sản phẩm

Máy chiếu

Mặt trước



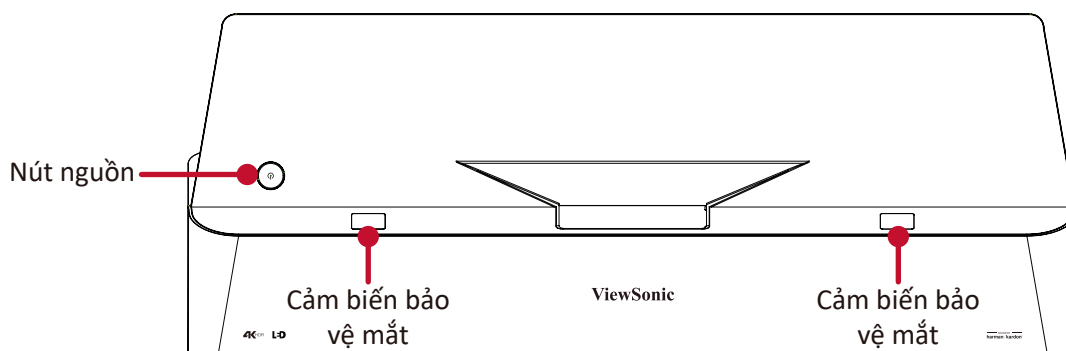
Mặt sau



Các cạnh

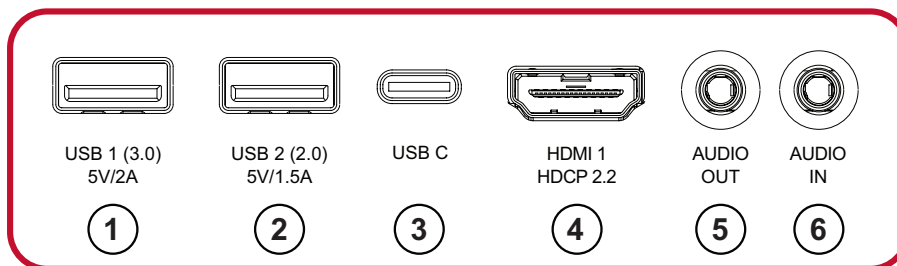
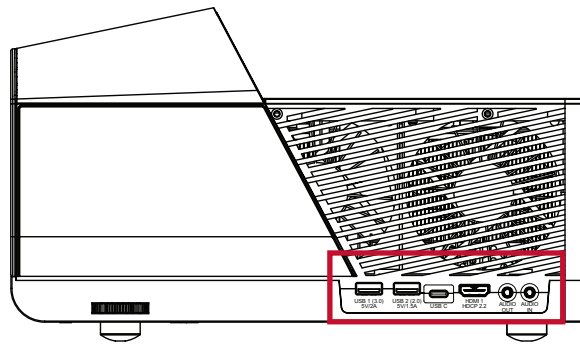


Mặt trên



Cổng kết nối

Đầu vào/ra bên cạnh



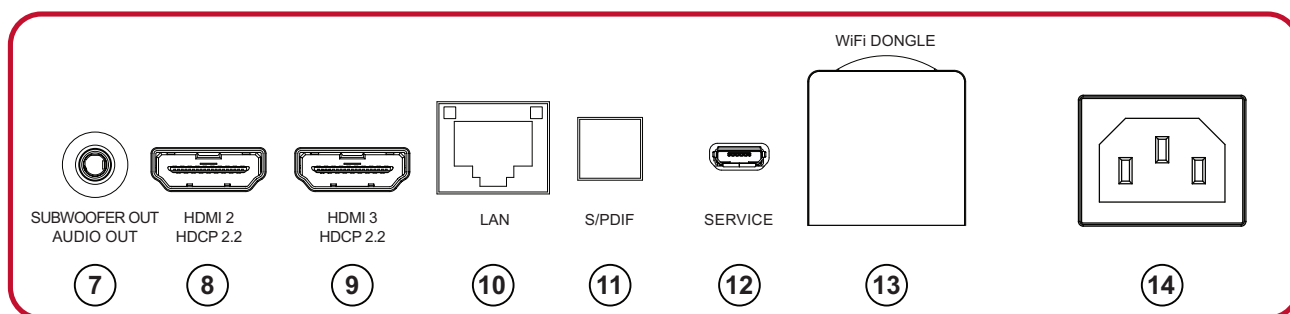
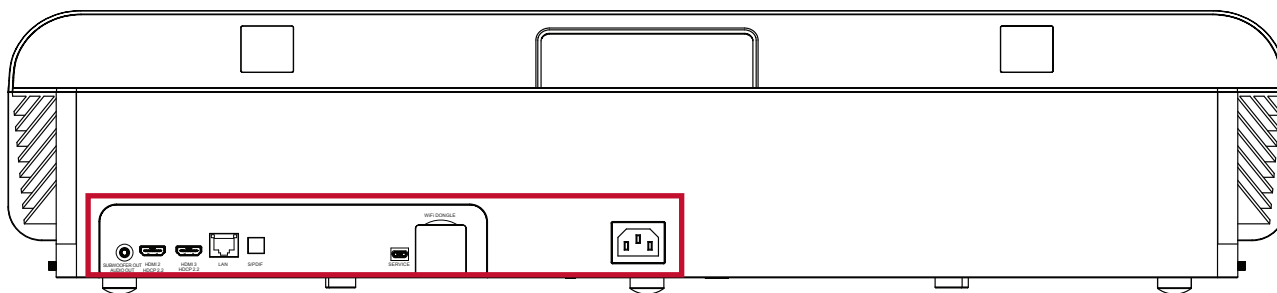
Cổng nối	Mô tả
[1] USB (Ngõ ra 5V/2A)	Cổng USB 3.0 Type-A (Đầu đọc USB - FAT32/NTFS ¹)
[2] USB (Ngõ ra 5V/1,5A)	Cổng USB 2.0 Type-A (Đầu đọc USB - FAT32/NTFS ¹)
[3] USB-C	Cổng USB Type-C
[4] HDMI 1 ²	Cổng HDMI ³
[5] AUDIO OUT (giắc cắm 3,5 mm)	Ngõ ra tín hiệu âm thanh
[6] AUDIO IN (giắc cắm 3,5 mm)	Ngõ vào tín hiệu âm thanh

¹ Đầu đọc USB hỗ trợ định dạng FAT32/NTFS. Để biết thêm thông tin, xem trang 62.

² Hỗ trợ chuẩn HDCP 2.0/HDMI 2.2.

³ Người dùng iPhone/iPad cần phải mua bộ tích hợp bổ sung. Để tránh các vấn đề tương thích, hãy sử dụng các phụ kiện chính hãng của Apple.

Đầu vào/ra mặt sau



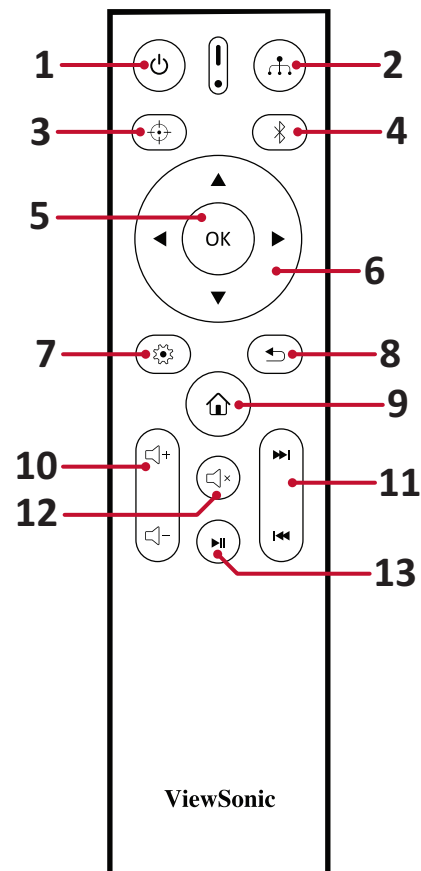
Cổng nối	Mô tả
[7] NGÕ RA ÂM THANH/LOA TRẦM PHỤ (giắc cắm 3,5 mm)	Ngõ ra tín hiệu âm thanh
[8] HDMI 2 ¹	Cổng HDMI ²
[9] HDMI 3 ¹	Cổng HDMI ²
[10] LAN	Cổng LAN RJ45
[11] S/PDIF	Ngõ ra tín hiệu S/PDIF
[12] Dịch vụ	Để cập nhật phần cứng
[13] Bộ thu phát Wi-Fi	USB 2.0 dùng cho Bộ thu phát Wi-Fi
[14] AC IN	Ổ cắm AC IN

¹ Hỗ trợ HDCP 2.0/HDMI 2.2.

² Người dùng iPhone/iPad cần phải mua bộ tích hợp bổ sung. Để tránh các vấn đề tương thích, hãy sử dụng các phụ kiện chính hãng của Apple.

Điều khiển từ xa

Nút		Mô tả
[1]	Nguồn điện	Bật hoặc Tắt máy chiếu
[2]	Nguồn tín hiệu	Hiển thị thanh lựa chọn nguồn tín hiệu vào.
[3]	Lấy nét	Tự động lấy nét hình ảnh.
[4]	Bluetooth	Bật dò tìm Bluetooth.
[5]	OK	Xác nhận lựa chọn.
[6]	Lên/Xuống/ Trái/Phải	Điều hướng và chọn các mục menu mong muốn và thực hiện các điều chỉnh.
[7]	Cài đặt	Hiển thị menu Cài đặt.
[8]	Trở về	Trở về màn hình trước.
[9]	Trang chủ	Truy cập màn hình chính.
[10]	Âm lượng	Tăng/giảm mức âm lượng.
[11]	Chuyển tiếp/ tua lại	Di chuyển nội dung chuyển tiếp/lùi về.
[12]	Tắt âm	Tắt âm/Bật âm.
[13]	Phát/tạm dừng	Phát/tạm dừng nội dung.

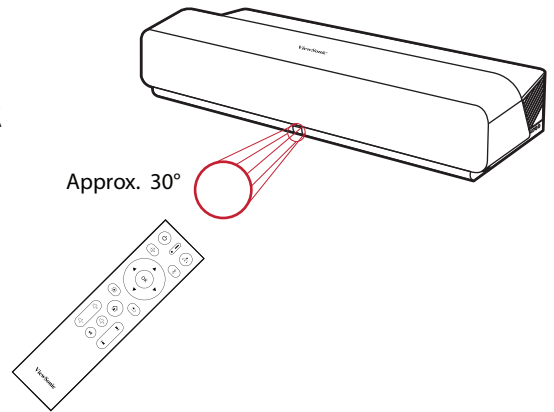


Điều Khiển Từ Xa - Phạm Vi Hoạt Động Bộ Nhận Tín Hiệu

Để đảm bảo chức năng điều khiển từ xa hoạt động thích hợp, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Điều khiển từ xa phải được giữ ở một góc 30 độ vuông góc với (các) cảm biến điều khiển từ xa IR (hồng ngoại) trên máy chiếu.
2. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và (các) cảm biến không được vượt quá 8 mét (26 foot)

LƯU Ý: Tham khảo hình minh họa về vị trí của (các) cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại.



Điều khiển từ xa - Thay pin

1. Tháo nắp pin ra khỏi phần dưới điều khiển từ xa bằng cách ấn bầu chặt ngón tay và trượt ra.
2. Tháo mọi viên pin hiện có (nếu cần) và lắp hai viên pin AAA.

LƯU Ý: Quan sát các cực pin như chỉ định.

3. Đậy nắp pin lại bằng cách căn nó thẳng với đế và đẩy trở về đúng vị trí.

LƯU Ý:

- Tránh để điều khiển từ xa và pin trong môi trường quá nóng hoặc ẩm ướt.
- Chỉ thay thế bằng loại pin giống nhau hoặc tương đương được nhà sản xuất pin khuyến dùng.
- Nếu các viên pin bị cạn kiệt hoặc nếu bạn không sử dụng điều khiển từ xa trong một thời gian dài, hãy tháo chúng ra để tránh làm hỏng điều khiển từ xa.
- Thải bỏ pin đã qua sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và các quy định về môi trường tại địa phương cho khu vực của bạn.

> Thiết lập ban đầu

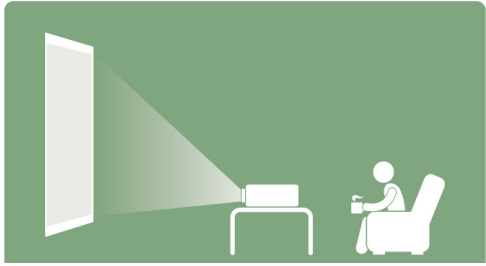
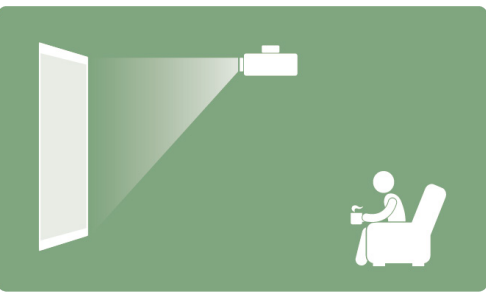
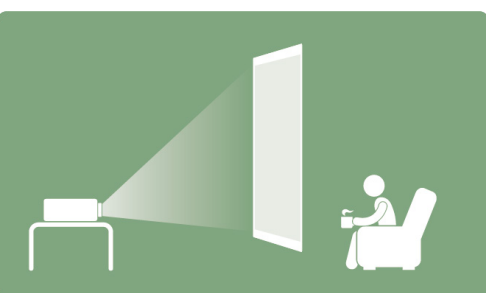
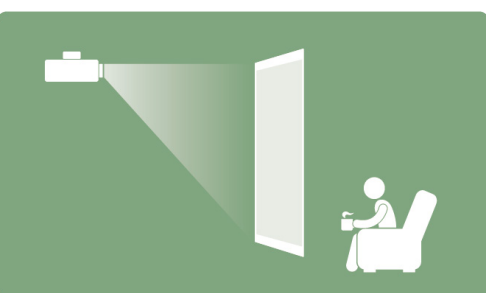
Phần này cung cấp hướng dẫn chi tiết về cách thiết lập ban đầu cho máy chiếu của bạn.

Chọn vị trí - Hướng máy chiếu

Sở thích cá nhân và cách bố trí phòng sẽ quyết định vị trí lắp đặt. Hãy xem xét những điều sau:

- Kích thước và vị trí màn hình của bạn.
- Vị trí ổ cắm điện phù hợp.
- Vị trí và khoảng cách giữa máy chiếu và các thiết bị khác.

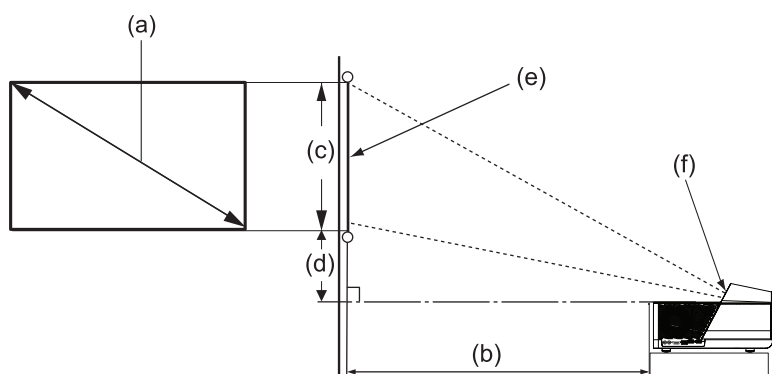
Máy chiếu được thiết kế để được cài đặt tại một trong các vị trí sau:

Vị trí	
<p>Bàn phía trước Máy chiếu được đặt gần sàn nhà phía trước màn hình.</p>	
<p>Trần phía trước Máy chiếu được treo ngược từ trần nhà xuống phía trước màn hình.</p>	
<p>Bàn phía sau¹ Máy chiếu được đặt gần sàn nhà phía sau màn hình.</p>	
<p>Trần phía sau¹ Máy chiếu được treo ngược từ trần nhà phía sau màn hình.</p>	

¹ Bắt buộc phải trang bị màn hình chiếu phía sau.

> Kích thước chiếu

- Hình 16:9 trên màn hình 16:9



LƯU Ý:

- (e) = Màn hình
- (f) = Tâm thấu kính
- Khoảng cách từ tâm thấu kính đến mặt sau máy chiếu là 17,35 cm (6,83 inch).

Hình 16:9 trên màn hình 16:9

(a) Kích thước màn hình		(b) Khoảng cách chiếu		(c) Chiều cao hình		(d) Độ Lệch Dọc	
inch	mm	inch	mm	inch	mm	inch	mm
60	1524	6,26	159	29,42	747	2,94	75
70	1778	8,41	214	34,32	872	3,43	87
80	2032	10,59	269	39,22	996	3,92	100
90	2286	12,78	325	44,12	1121	4,41	112
100	2540	14,92	379	49,03	1245	4,9	125
120	3048	19,33	491	58,83	1494	5,88	149
130	3302	21,48	546	64,73	1619	6,37	162
150	3810	25,85	657	73,54	1868	7,35	187

LƯU Ý:

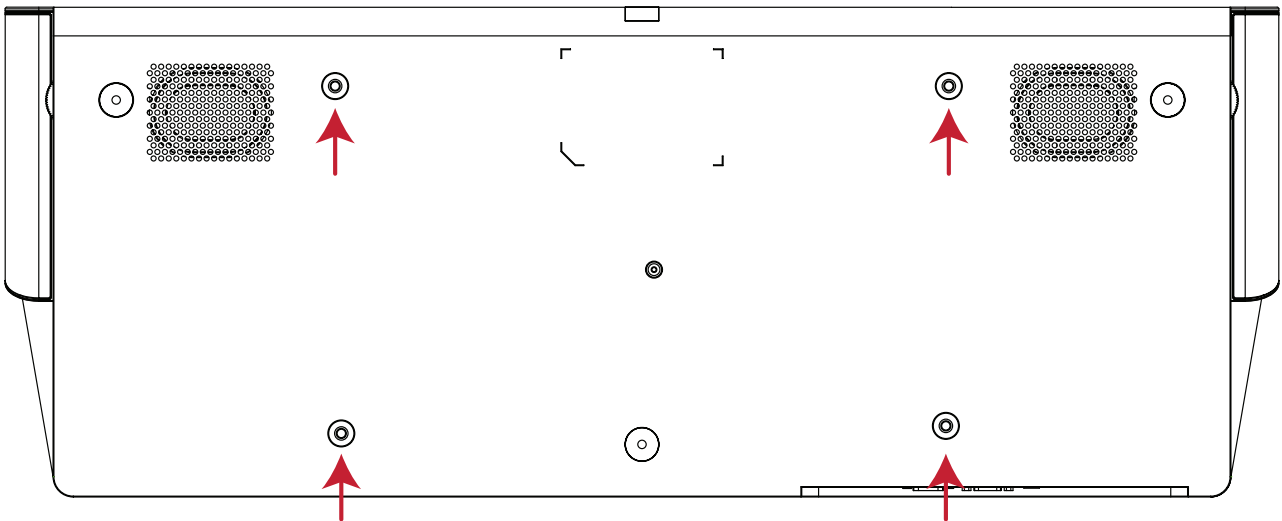
- Các hình ảnh này chỉ để tham chiếu. Vui lòng xem máy chiếu thực tế để biết kích thước chính xác.
- Để tìm hiểu thêm về cách thiết lập kích thước hình mong muốn, hãy xem trang 36.

THẬN TRỌNG: Hãy chừa khoảng trống tối thiểu 50 cm (20 inch) quanh máy chiếu để giúp thông gió thích hợp và tránh quá nhiệt.

Lắp đặt máy chiếu

LƯU Ý: Nếu bạn mua giá treo của bên thứ ba, hãy sử dụng kích thước vít chính xác. Cỡ vít sẽ khác nhau tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.

1. Để đảm bảo lắp đặt máy chiếu an toàn nhất, hãy sử dụng giá treo tường hoặc trần ViewSonic®.
2. Đảm bảo sử dụng các vít để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
 - Loại vít: M6 x 10
 - Chiều dài vít tối đa: 10 mm



THẬN TRỌNG:

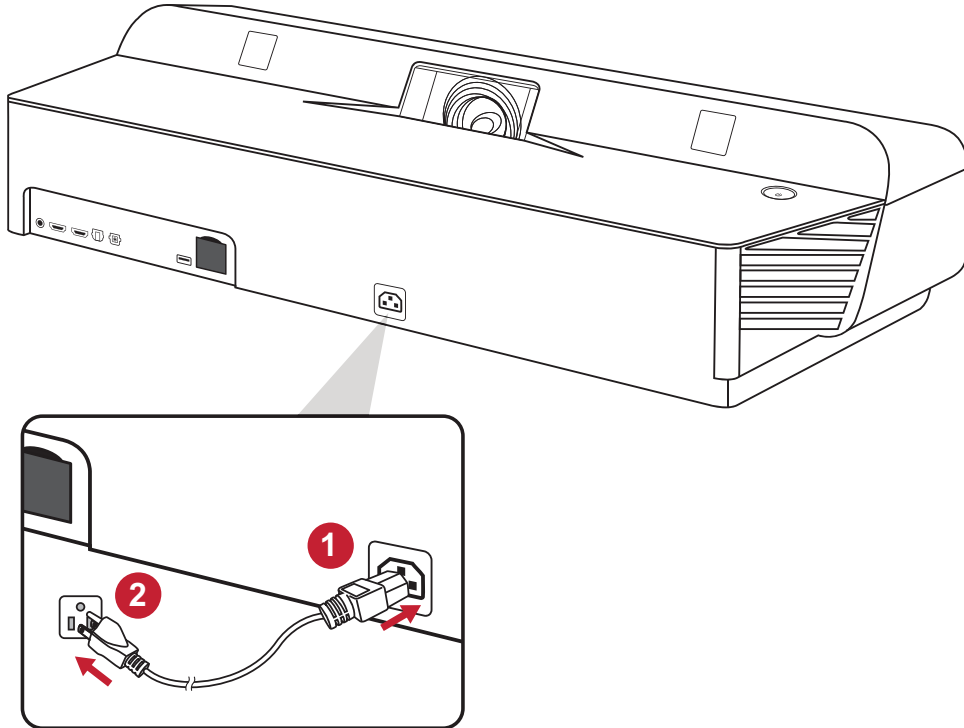
- Không lắp máy chiếu gần nguồn nhiệt hoặc máy điều hòa.
- Luôn chừa lại một khoảng hở ít nhất 10 cm (3,9 inch) giữa trần nhà và đáy máy chiếu.

> Thực hiện các kết nối

Phần này hướng dẫn bạn cách kết nối máy chiếu với các thiết bị khác.

Kết nối nguồn điện

1. Kết nối dây nguồn với jack AC IN ở phía sau của máy chiếu.
2. Cắm dây nguồn vào ổ cắm điện.



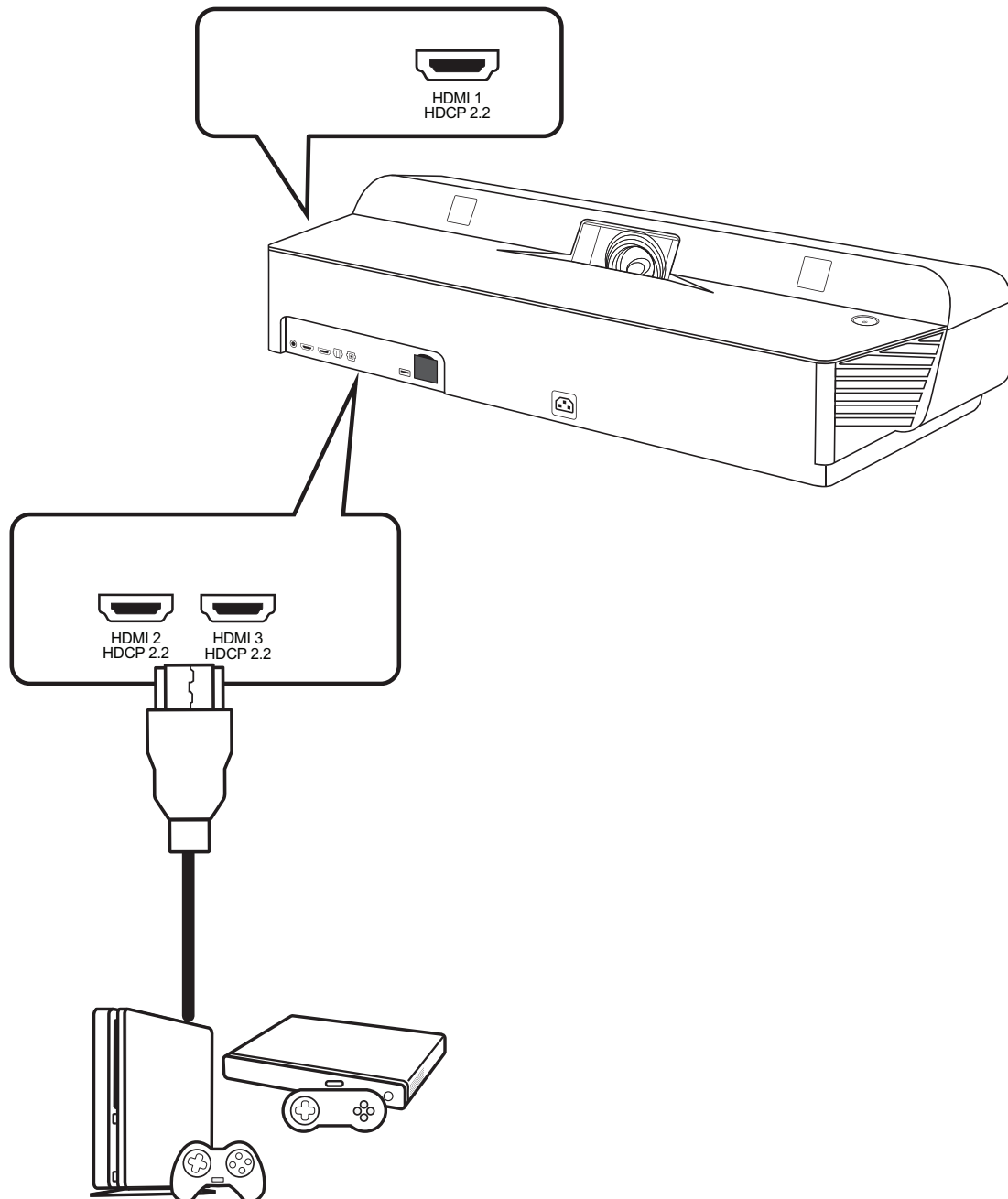
LƯU Ý: Khi lắp đặt máy chiếu, kết hợp thiết bị ngắt kết nối dễ tiếp cận nhanh trong hệ thống dây điện cố định hoặc cắm phích điện vào ổ cắm dễ tiếp cận gần thiết bị. Nếu xảy ra lỗi trong quá trình vận hành máy chiếu, hãy sử dụng thiết bị ngắt kết nối để tắt nguồn điện hoặc ngắt kết nối phích điện.

Kết nối thiết bị ngoại vi

Kết nối HDMI

Cắm một đầu cáp HDMI vào cổng HDMI trên thiết bị video. Sau đó cắm đầu cáp còn lại vào cổng **HDMI 1/2/3** (mỗi cổng đều hỗ trợ chuẩn HDCP 2.0/HDMI 2.2) trên máy chiếu của bạn.

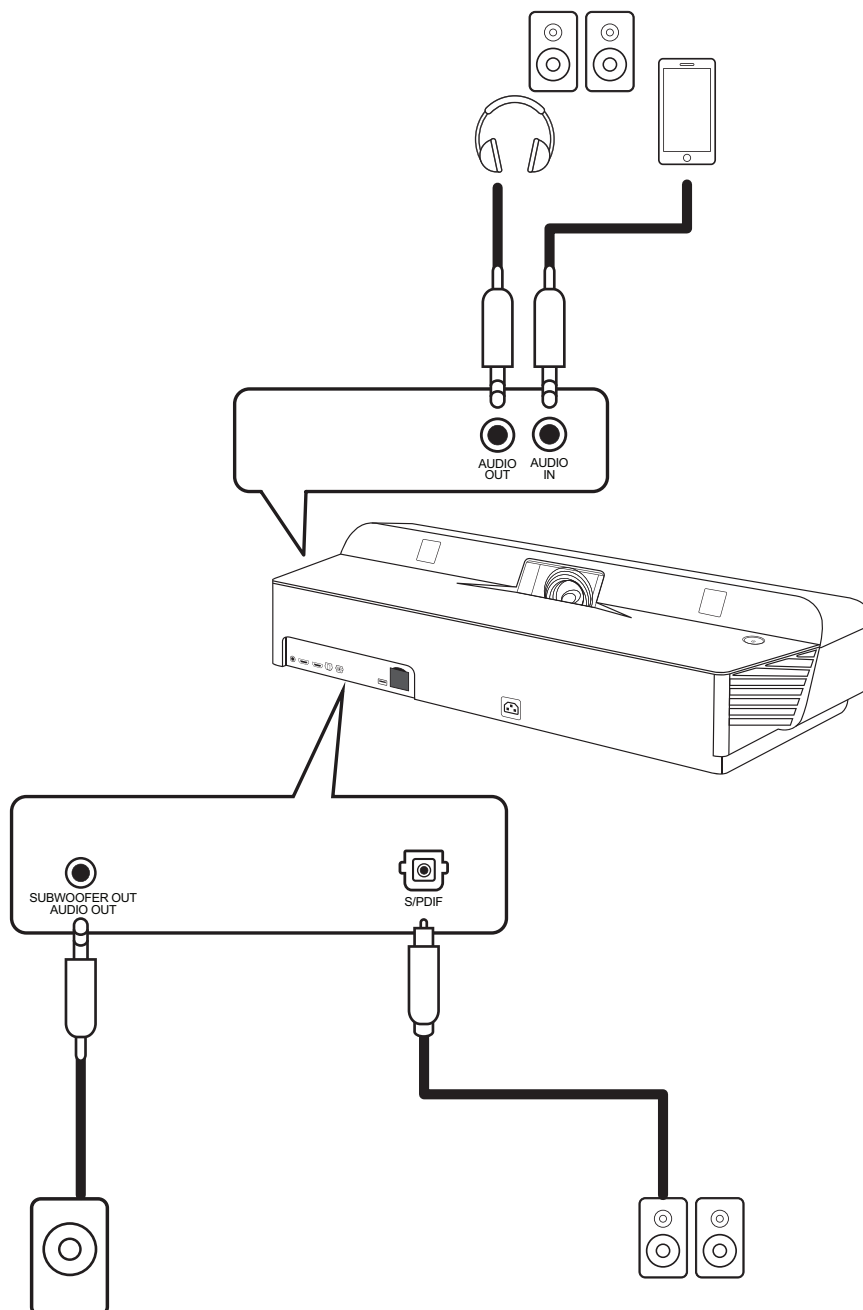
LƯU Ý: Người dùng iPhone/iPad sẽ cần mua thêm một bộ chuyển đổi.



Kết Nối Âm Thanh

Bạn có thể cắm vào nhiều thiết bị phát âm thanh khác nhau qua các cổng **Audio Out (Ngõ ra âm thanh)**, **Audio In (Ngõ vào âm thanh)**, **Subwoofer Out (Ngõ ra loa trầm phụ)** và **S/PDIF**.

- Để phát nhạc bằng cổng **Audio In**: hãy chọn **Bluetooth > Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth)**
- Để sử dụng cổng **Subwoofer Out**: hãy chọn **Settings (Cài đặt) > Advanced Setting (Cài đặt nâng cao) > harman/kardon > Internal Speaker (Loa trong) > Enable (Bật)**
- Để phát nhạc bằng cổng **Audio Out**: hãy chọn **Settings (Cài đặt) > Advanced Setting (Cài đặt nâng cao) > harman/kardon > Internal Speaker (Loa trong) > Disable (Tắt)**



LƯU Ý: Cổng Audio In chỉ khả dụng cho đầu vào Bluetooth.

USB và Kết Nối Mạng

Cũng như bất kỳ máy tính nào khác, rất dễ kết nối các thiết bị USB, cục Wifi và các thiết bị nối mạng.

Kết nối USB-C

Cắm một đầu cáp USB Type-C vào cổng USB-C trên thiết bị của bạn. Sau đó cắm đầu còn lại vào cổng USB-C trên máy chiếu.

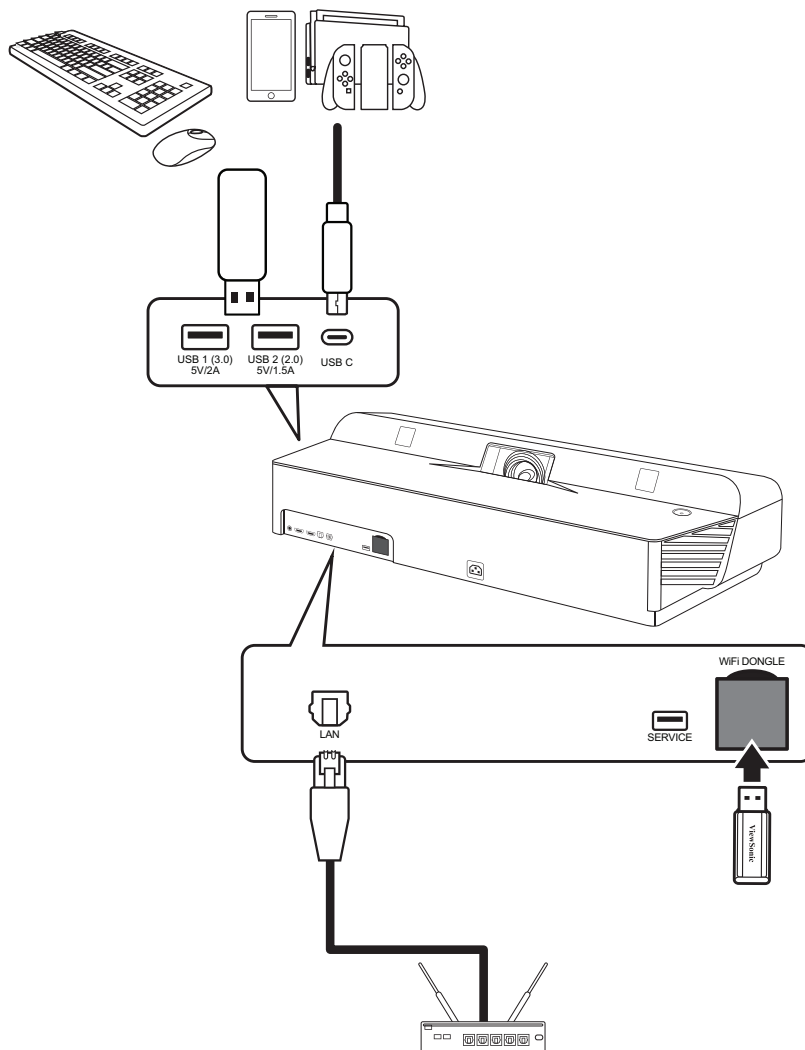
LƯU Ý: Đảm bảo thiết bị USB Type-C của bạn có thể hỗ trợ truyền video.

Kết nối USB Type-A

Hãy cắm bàn phím, chuột, bộ thu phát Wi-Fi, thiết bị lưu trữ, v.v... vào cổng USB Type-A trên máy chiếu. Để tìm hiểu thêm về cách quản lý thiết bị lưu trữ, (ví dụ: Ổ đĩa USB Flas, nội dung,...), hãy xem trang 58.

Kết nối mạng

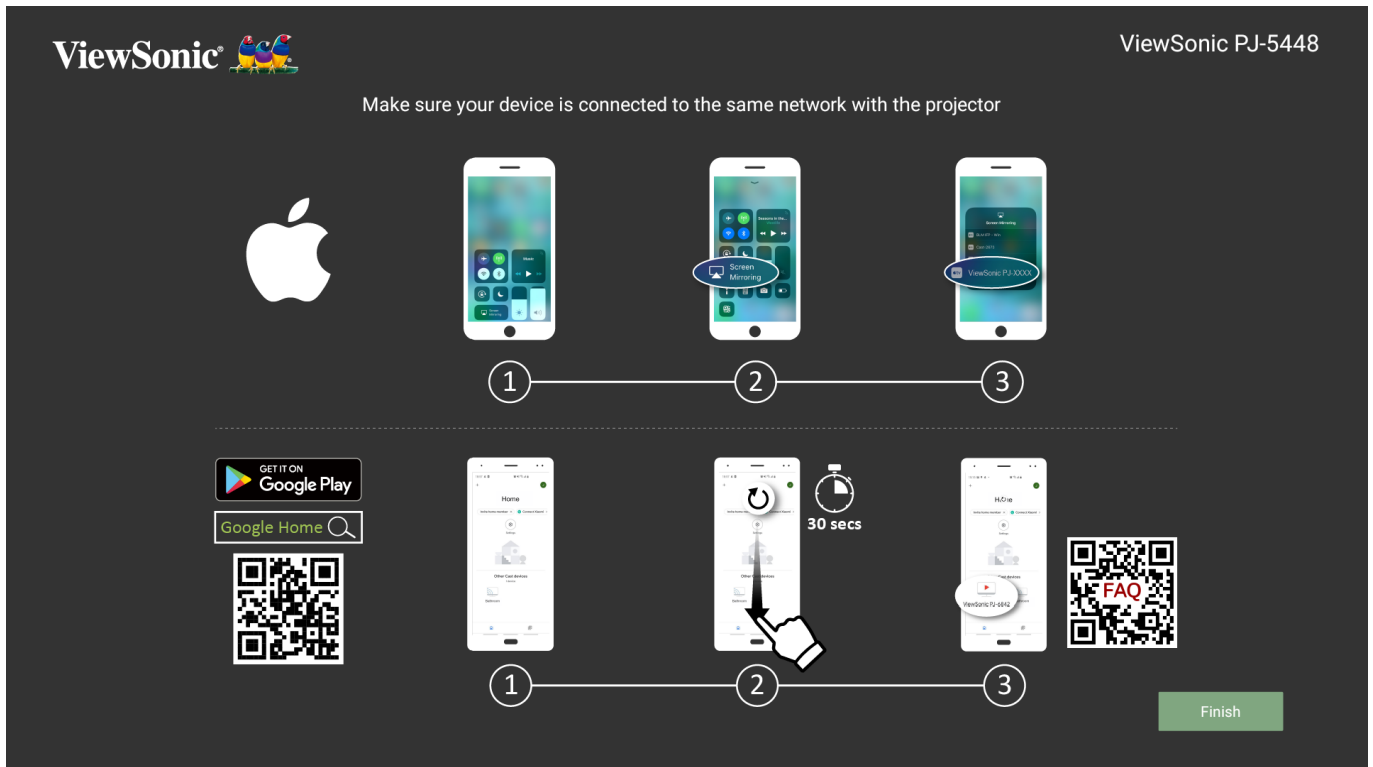
Hãy cắm cáp mạng vào cổng **LAN** hoặc cắm bộ thu phát Wi-Fi để kết nối mạng không dây.



Phản chiếu màn hình không dây

Phản chiếu màn hình cung cấp kết nối Wi-Fi 5GHz để người dùng phản chiếu màn hình trên thiết bị cá nhân của họ.

LƯU Ý: Đảm bảo thiết bị của bạn được kết nối cùng mạng với máy chiếu



Đối với iOS:

1. Truy cập menu điều khiển số xuống.
2. Chọn biểu tượng “Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)”.
3. Chọn “ViewSonic PJ-XXXX”.

Đối với Android:

1. Tải xuống và cài đặt ứng dụng “Google Home” và mở nó.
2. Kéo để làm mới ứng dụng và chờ 30 giây.
3. “ViewSonic PJ-XXXX” lúc này sẽ hiển thị. Bạn hãy chọn vào đó.

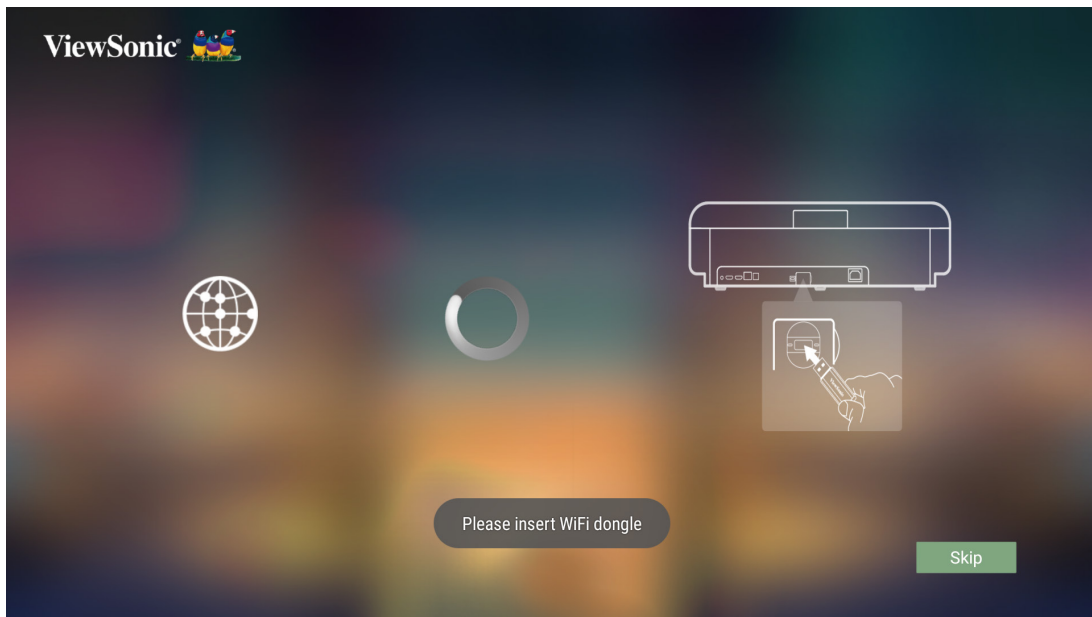
LƯU Ý: Một số thiết bị Android hỗ trợ “Casting (Truyền)” trực tiếp. Nếu thiết bị của bạn hoạt động, hãy vào tính năng Casting (Truyền) và chọn “ViewSonic PJ-XXX” từ danh sách các thiết bị khả dụng. Bạn cũng có thể quét mã QR Câu hỏi thường gặp và làm theo hướng dẫn để truyền trực tiếp thiết bị Android của mình.

Kết nối với mạng

Kết nối Wi-Fi

Để kết nối mạng Wi-Fi:

1. Cắm bộ thu phát Wi-Fi vào ổ cắm bộ thu phát Wi-Fi trên máy chiếu.



2. Vào: **Home (Trang chủ) > Settings (Cài Đặt) > Network Settings (Cài đặt mạng) > Wi-Fi**

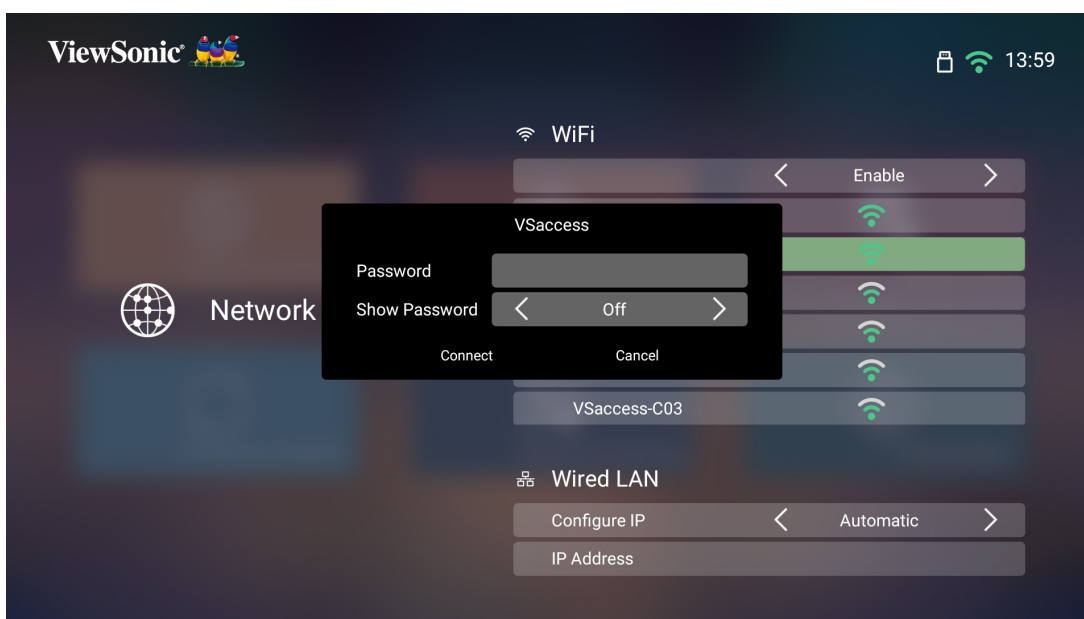
3. Nhấn nút **Trái** hoặc **Phải** trên điều khiển từ xa để chọn **Enable (Bật)**.



4. Lúc này các mạng Wi-Fi khả dụng sẽ hiển thị. Chọn một trong các mạng Wi-Fi khả dụng.



5. Nếu kết nối với mạng Wi-Fi an toàn, bạn phải nhập mật khẩu khi được nhắc.



SSID tùy chỉnh

1. Đảm bảo bộ thu phát Wi-Fi được cắm vào ổ cắm bộ thu phát Wi-Fi trên máy chiếu.
2. Vào: **Home (Trang chủ) > Settings (Cài Đặt) > Network Settings (Cài đặt mạng) > Wi-Fi**
3. Nhấn nút **Trái** hoặc **Phải** trên điều khiển từ xa để chọn **Enable (Bật)**.
4. Từ danh sách mạng Wi-Fi khả dụng, hãy chọn **Others (Khác)** và nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.



5. Nhập SSID và chọn cấp độ bảo mật.



6. Nhập mật khẩu khi được nhắc.



LƯU Ý: Bạn nên để hệ thống tự động định cấu hình cài đặt mạng bằng cách chọn Tự động cho Định cấu hình IP.

Kết Nối LAN Có Dây

Bạn có thể dễ dàng kết nối với các mạng Internet có dây và tùy biến kết nối.

1. Cắm cáp RJ45 vào cổng **LAN** của máy chiếu, sau đó cắm đầu còn lại vào nguồn Internet có dây.
2. Vào: **Home (Trang chủ) > Settings (Cài Đặt) > Network Settings (Cài đặt mạng) > Wired LAN Control (Điều Khiển LAN Không Dây)**



3. bạn có thể Cài Đặt IP tự động hoặc thủ công. Chọn **Manual (Thủ Công)** để truy cập vào **IP Address (Địa Chỉ IP)**, **Subnet Mask (Mặt Nạ Subnet)**, **Default Gateway (Cổng Mặc Định)**, và **DNS Server (Máy Chủ DNS)**.

LƯU Ý: Bạn nên để hệ thống tự động định cấu hình cài đặt mạng bằng cách chọn **Automatic (Tự động)** cho **Configure IP (Định cấu hình IP)**.

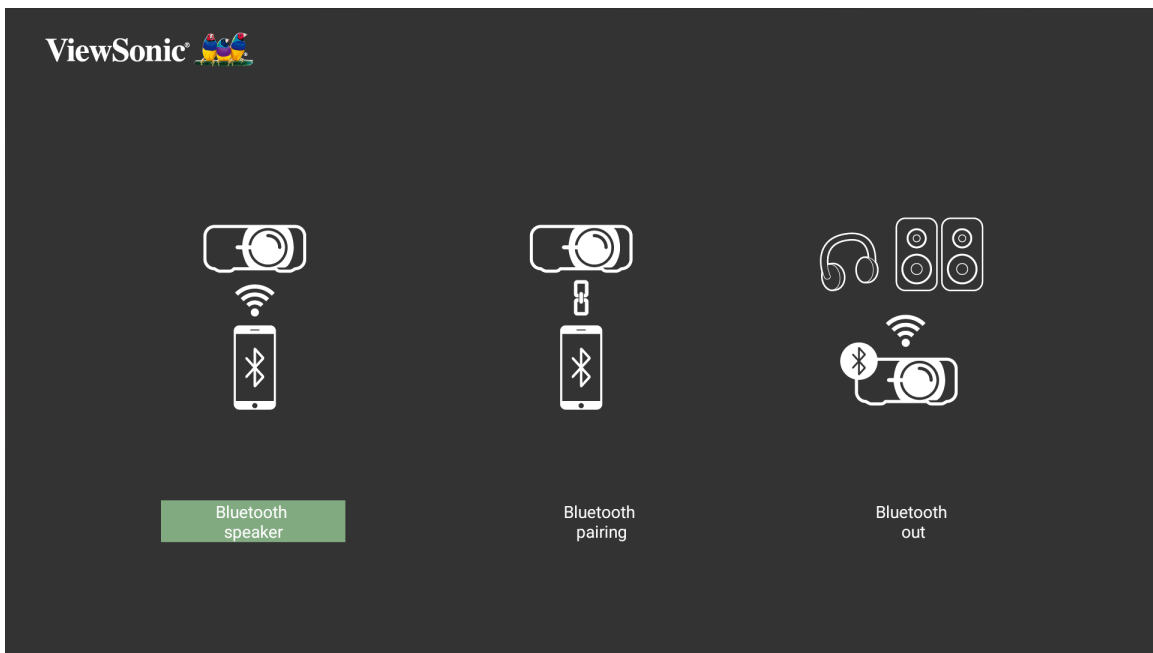
Kết nối Bluetooth

Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth)

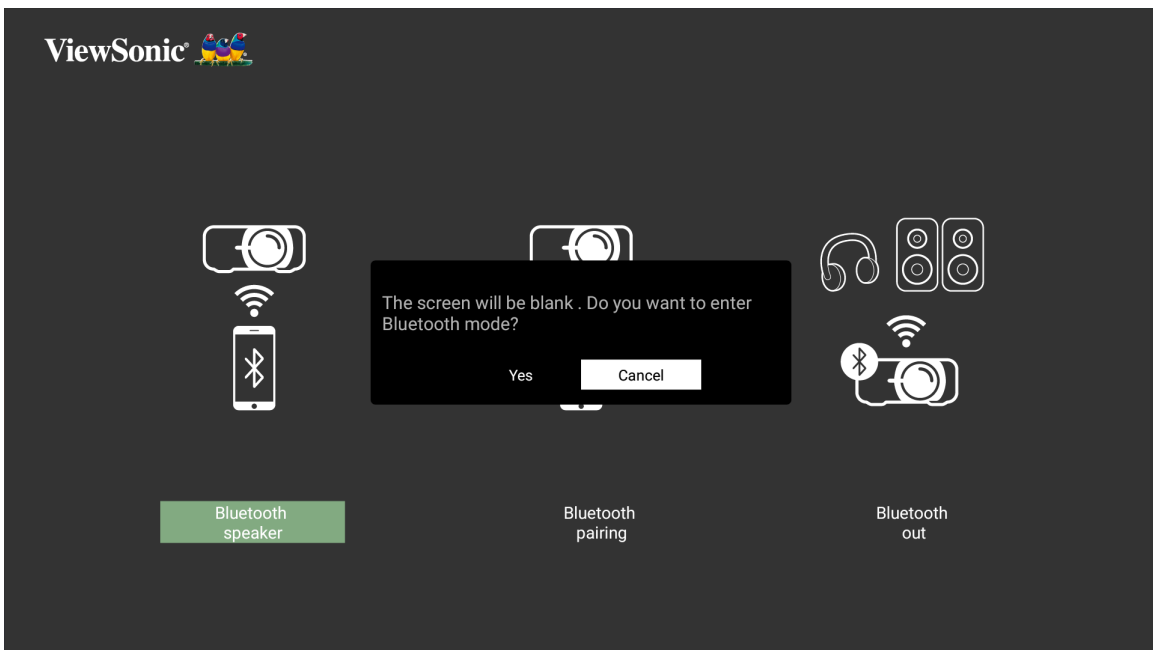
Máy chiếu này được trang bị Bluetooth. Nhờ vậy, người dùng có thể kết nối không dây thiết bị của mình để phát lại âm thanh.

Để kết nối và ghép nối thiết bị của bạn:

1. Vào: **Home (Trang chủ) > Bluetooth.**
2. Dùng nút chỉ hướng **Trái** và **Phải** trên điều khiển từ xa để chọn lựa chọn **Bluetooth Speaker (Loa Bluetooth)** hoặc **Bluetooth Pairing (Ghép nối Bluetooth)**. Sau đó nhấn nút **OK** trên điều khiển từ xa.



3. Khi hộp thoại bên dưới xuất hiện, chọn **Yes (Có)** rồi ấn **OK** trên điều khiển từ xa để vào chế độ Bluetooth.



4. Bạn sẽ nghe thấy hiệu ứng âm thanh khi vào chế độ ghép nối.

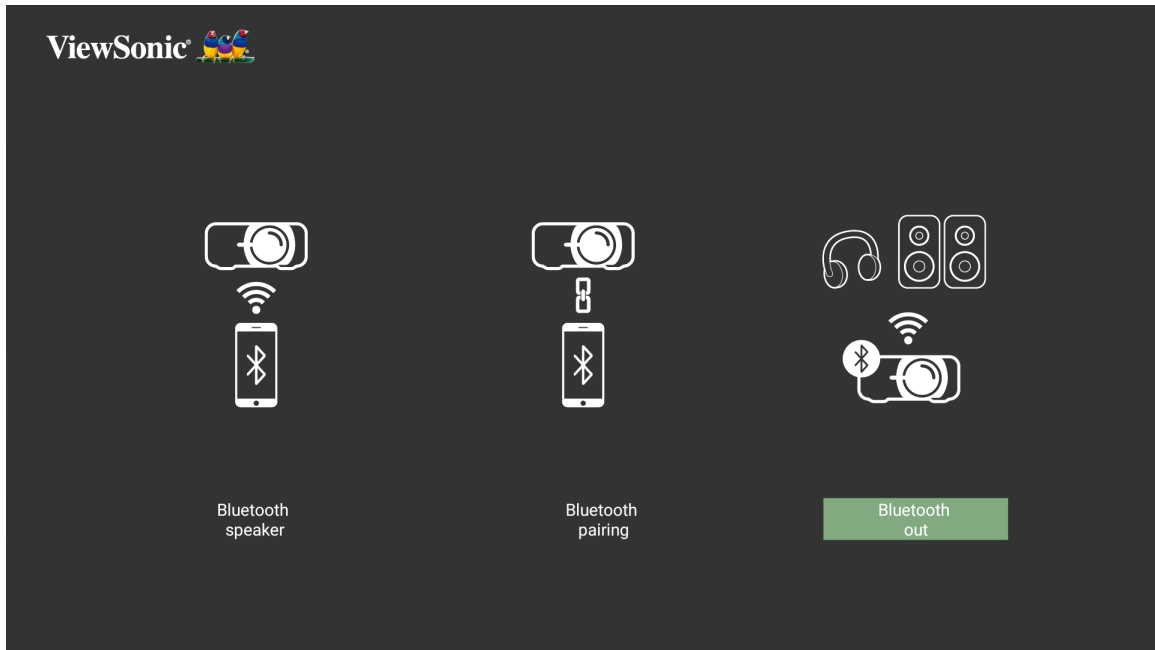
5. Sau khi kết nối thành công, bạn sẽ nghe thấy một hiệu ứng âm thanh khác nữa.

LƯU Ý:

- Sau khi đã ghép nối, nếu cả máy chiếu và thiết bị đều bật nguồn, chúng sẽ tự động kết nối qua Bluetooth.
- Tên máy chiếu sẽ được ghi nhận là “X1000-4K”.
- Chỉ các nút Power (Nguồn) và Return (Trở về) mới có thể thoát chế độ Bluetooth.

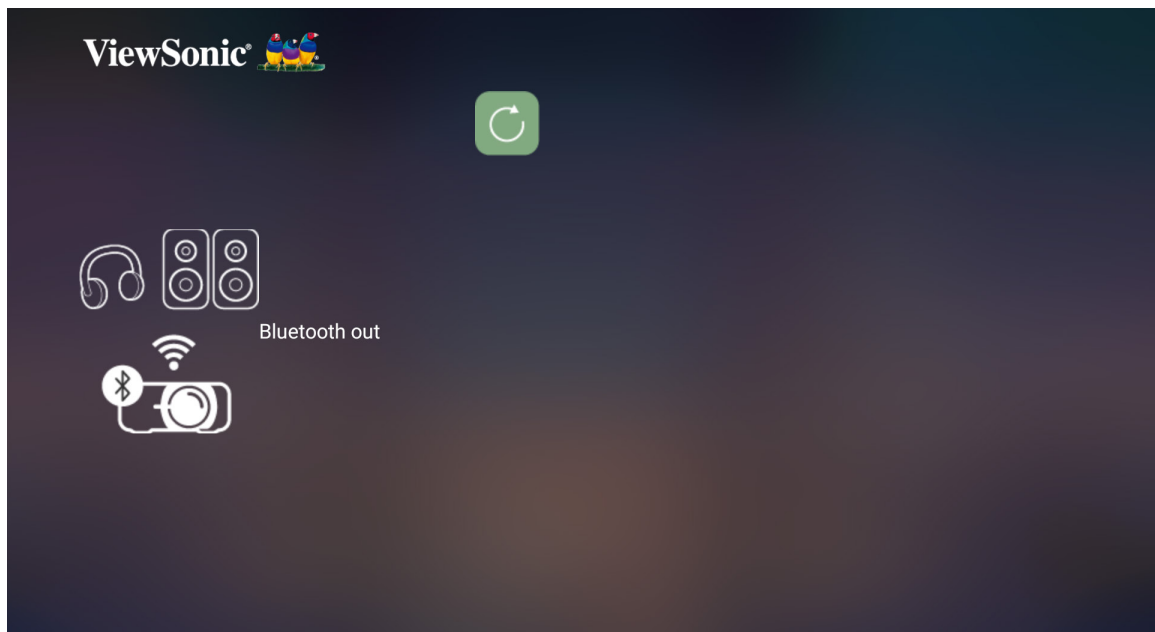
Bluetooth Out (Bluetooth đầu ra)

Kết nối máy chiếu với tai nghe hoặc loa bên ngoài có hỗ trợ Bluetooth.



Để kết nối và ghép nối thiết bị của bạn:

1. Vào: **Home (Trang chủ) > Bluetooth.**
2. Dùng nút chỉ hướng **Trái** và **Phải** trên điều khiển từ xa để chọn lựa chọn **Bluetooth Out (Bluetooth đầu ra).**



3. Máy chiếu sẽ tìm kiếm thiết bị Bluetooth ở gần. Chọn thiết bị của bạn từ danh sách và nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.

> Sử dụng máy chiếu

Khởi động máy chiếu

1. Đảm bảo dây nguồn máy chiếu được kết nối đúng cách với ổ cắm điện.
2. Nhấn nút **Power (Nguồn)** để bật máy chiếu.

LƯU Ý: Đèn LED trạng thái sẽ sáng màu xanh lam trong khi khởi động

Kích hoạt lần đầu

Nếu máy chiếu được kích hoạt lần đầu, bạn sẽ cần chọn Ngôn ngữ ưu tiên, Định hướng chiếu, Cài đặt mạng và Ngõ vào nguồn. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình bằng các nút **OK** và **Lên/Xuống/Trái/Phải** trên điều khiển từ xa. Khi màn hình hoàn tất hiển thị, điều này cho biết máy chiếu đã sẵn sàng sử dụng.

Lấy nét hình ảnh

Chọn nút **Focus (Lấy nét)** và nhấn các nút **Right (Phải)** hoặc **Left (Trái)** để điều chỉnh hình ảnh cho đến khi rõ nét.



Preferred Language (Ngôn ngữ ưu tiên)

Chọn ngôn ngữ ưu tiên và nhấn **OK** để xác nhận lựa chọn.



Hướng máy chiếu

Chọn hướng chiếu ưa thích và nhấn **OK** để xác nhận lựa chọn. Để biết thêm thông tin, xem trang 33.



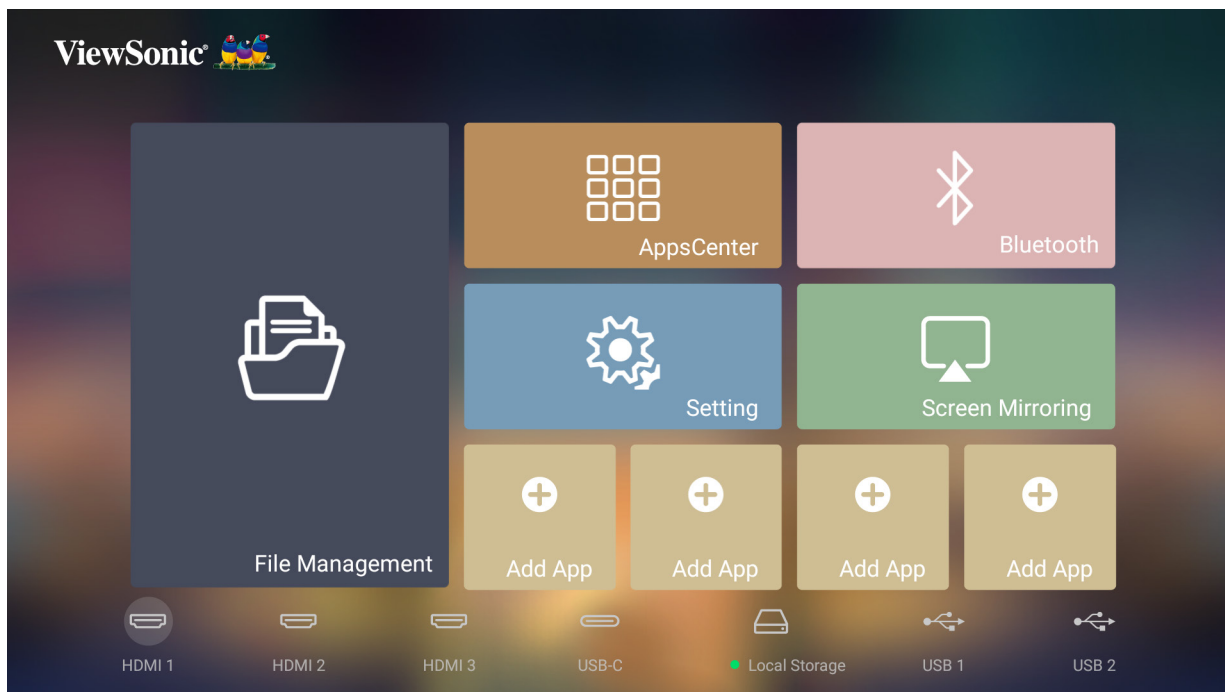
Network Settings (Cài đặt mạng)

Chọn một trong các tùy chọn khả dụng. Để biết thêm thông tin, xem trang 24.



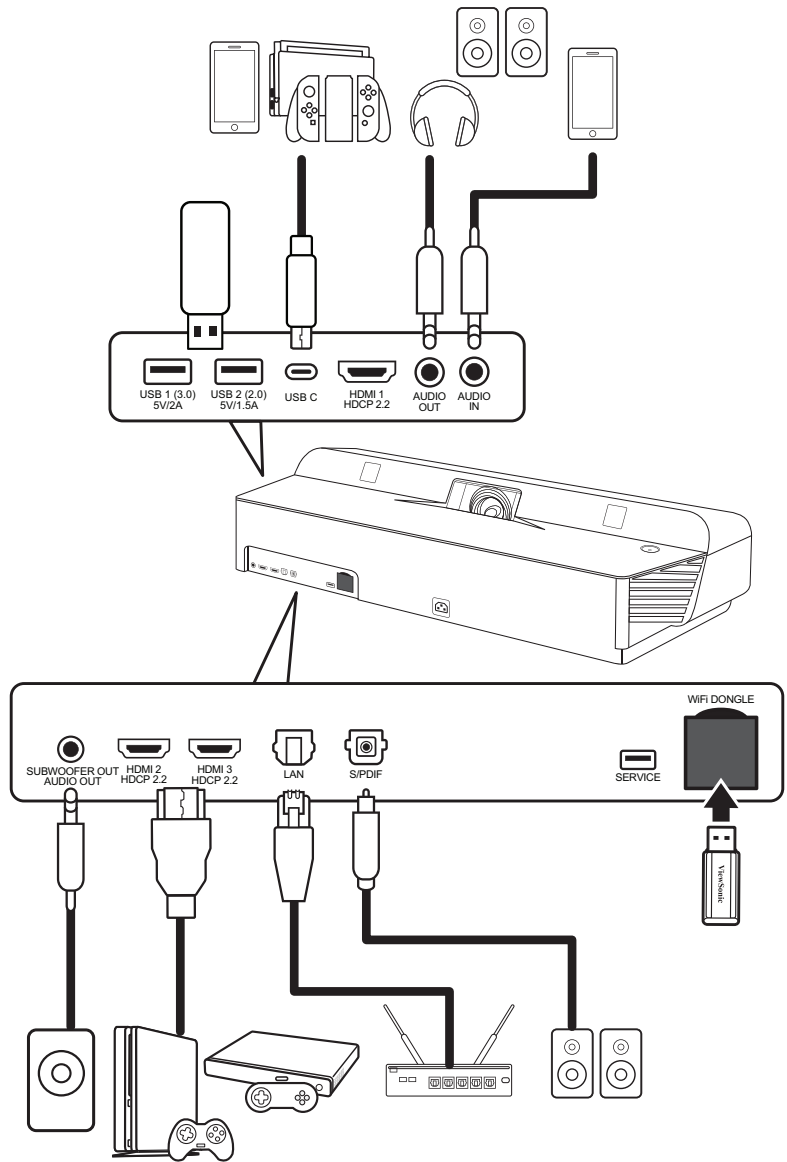
Ngõ vào nguồn

Truy cập nhanh menu **Source Input (Ngõ vào nguồn)** bằng cách nhấn nút **Xuống** trên điều khiển từ xa khi đang mở **Home Screen (Màn hình chính)**. Ngoài ra, bạn cũng có thể nhấn nút **Source (Nguồn tín hiệu)** trên điều khiển từ xa.



Chọn Nguồn Vào

Có thể kết nối máy chiếu với nhiều thiết bị cùng một lúc. Tuy nhiên, mỗi lần nó chỉ có thể hiển thị một màn hình đầy đủ.



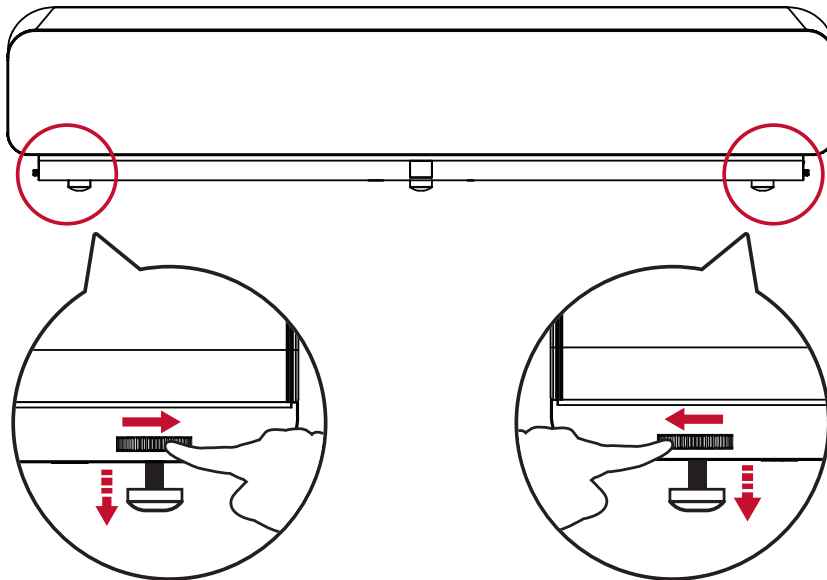
Máy chiếu sẽ tự động dò tìm các nguồn tín hiệu vào. Nếu đã kết nối với nhiều nguồn tín hiệu, hãy nhấn nút **Source (Nguồn tín hiệu)** trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn, hoặc nhấn nút **Xuống** khi đang mở **Home Screen (Màn hình chính)** cho đến khi danh sách nguồn tín hiệu hiển thị.

LƯU Ý: Ngoài ra, cũng đảm bảo đã bật các nguồn tín hiệu vừa kết nối.

Điều chỉnh hình chiếu

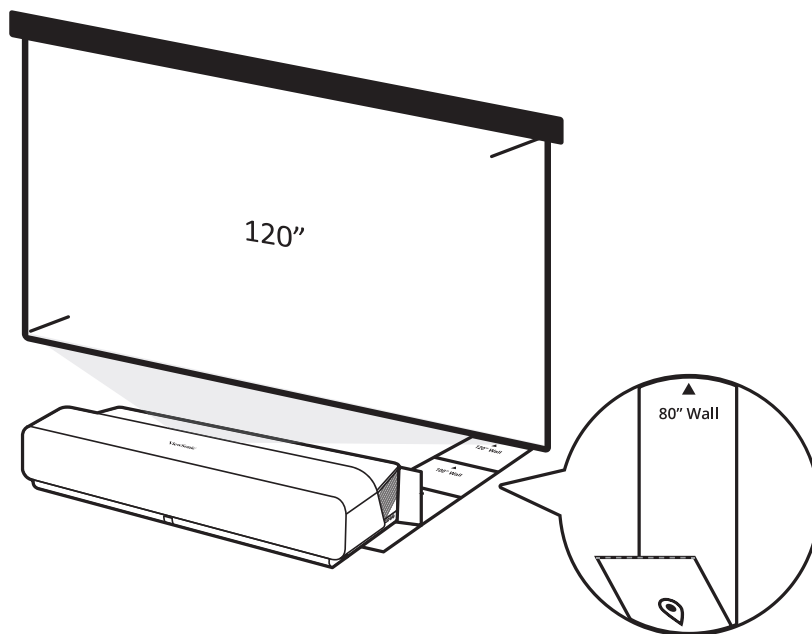
Điều chỉnh chiều cao máy chiếu và góc chiếu

Máy chiếu được trang bị hai (2) chân điều chỉnh. Khi điều chỉnh chân sẽ làm thay đổi chiều cao của máy chiếu và góc chiếu dọc.



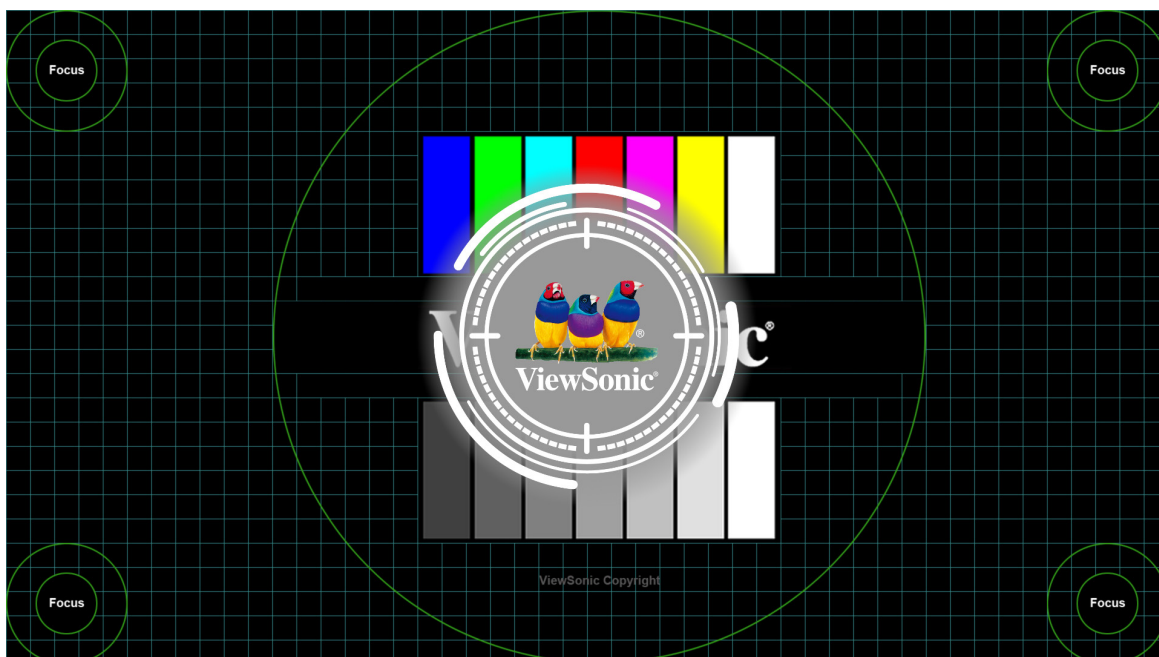
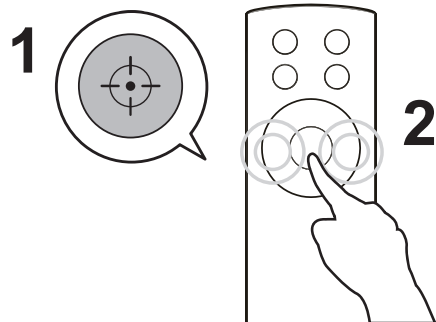
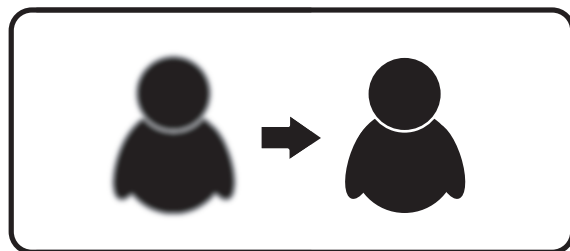
Thiết lập kích thước hình mong muốn

Bạn có thể sử dụng thẻ khoảng cách kèm theo để xác định kích thước mong muốn.



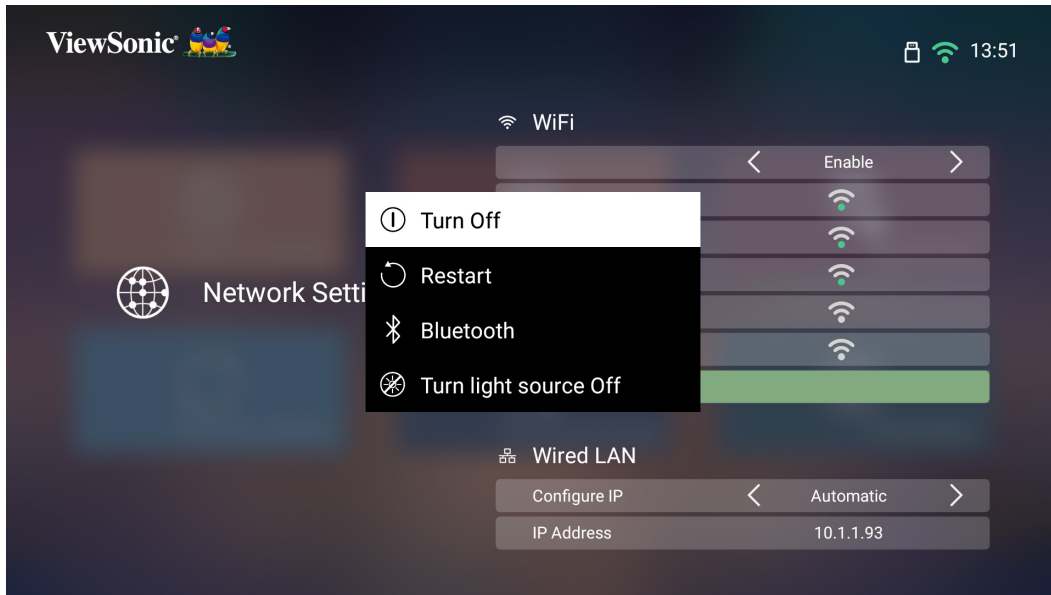
Tinh chỉnh độ rõ nét hình ảnh

Bạn cũng có thể cải thiện độ rõ nét hình ảnh bằng cách nhấn nút **Focus (Lấy nét)**, sau đó sử dụng các nút **Left (Trái)** và **Right (Phải)** trên điều khiển từ xa.



Tắt máy chiếu

1. Nhấn nút **Power (Nguồn)** trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa và thông báo sau đây sẽ xuất hiện:



2. Nhấn các nút **Lên/Xuống** trên điều khiển từ xa để chọn **Turn Off (Tắt)** và nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.

3. Đèn LED trạng thái sẽ chuyển sang màu đỏ cố định khi đã tắt.

LƯU Ý: Khi nhấn nút **Power (Nguồn)** trên điều khiển từ xa, bạn có thể chọn từ bốn (4) tùy chọn sau: **Turn Off (Tắt)**, **Restart (Khởi động lại)**, **Bluetooth** và **Turn light source Off (Tắt đèn)**.

Đã chọn nguồn tín hiệu vào - Sơ đồ menu hiển thị trên màn hình (OSD)

Sau khi chọn nguồn tín hiệu vào, bạn có thể điều chỉnh các menu **Image Setting (Cài đặt hình)** và **Advanced (Nâng cao)**.

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Image Setting (Cài đặt hình ảnh)	Color Mode (Chế độ màu)	Brightest (Sáng nhất)		
		TV (Tivi)		
		Movie (Phim)		
		Gaming (Chơi game)		
		User 1 (Người dùng 1)		
		User 2 (Người dùng 2)		
		TV-HDR		
		Phim-HDR		
	Wall Color (Màu tường)	Off (Tắt)		
		Pink (Hồng)		
		Yellow (Vàng)		
		Blue (Lam)		
	Brightness (Độ sáng)	(-/+ , 0~50)		
	Contrast (Độ tương phản)	(-/+ , 0~100)		
	Color Temp (Nhiệt độ màu)	6.500K		
		7.500K		
		9.300K		
		User (Người dùng)	Red Gain (Tăng sắc đỏ)	(-/+ , 0~199)
			Green Gain (Tăng sắc lục)	(-/+ , 0~199)
			Blue Gain (Tăng sắc lam)	(-/+ , 0~199)
			Red Offset (Bù đỏ)	(-/+ , 0~199)
			Green Offset (Bù lục)	(-/+ , 0~199)
			Blue Offset (Bù lam)	(-/+ , 0~199)
Tint (Sắc độ)	(-/+ , -50~50)			
Saturation (Độ bão hòa)	(-/+ , 0~100)			
Sharpness (Độ sắc nét)	(-/+ , 0~50)			

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Image Setting (Cài đặt hình ảnh)	Gamma	1.8		
		2.0		
		2.2		
		2.35		
		2.5		
		sRGB		
		Cubic (Hình khối)		
		HDR		
	Color Management (Quản lý màu sắc)	Primary Color (Màu chính)	Red (Đỏ)	
			Green (Lục)	
			Blue (Lam)	
			Cyan (Xanh ngọc)	
			Magenta (Đỏ thẫm)	
			Yellow (Vàng)	
		Hue (Độ màu)	(-/+ , -50~50)	
		Saturation (Độ bão hòa)	(-/+ , 0~100)	
	Gain (Tăng cường)	(-/+ , 0~100)		
	Light Source Level (Mức đèn)	Full (Đầy đủ)		
		Eco (T.kiệm)		
		Dynamic Black 1		
		Dynamic Black 2		
Test Pattern (Hình Thức Kiểm Tra)	OK			
Reset Current Color Settings (Tái thiết các cài đặt màu hiện tại)	OK			

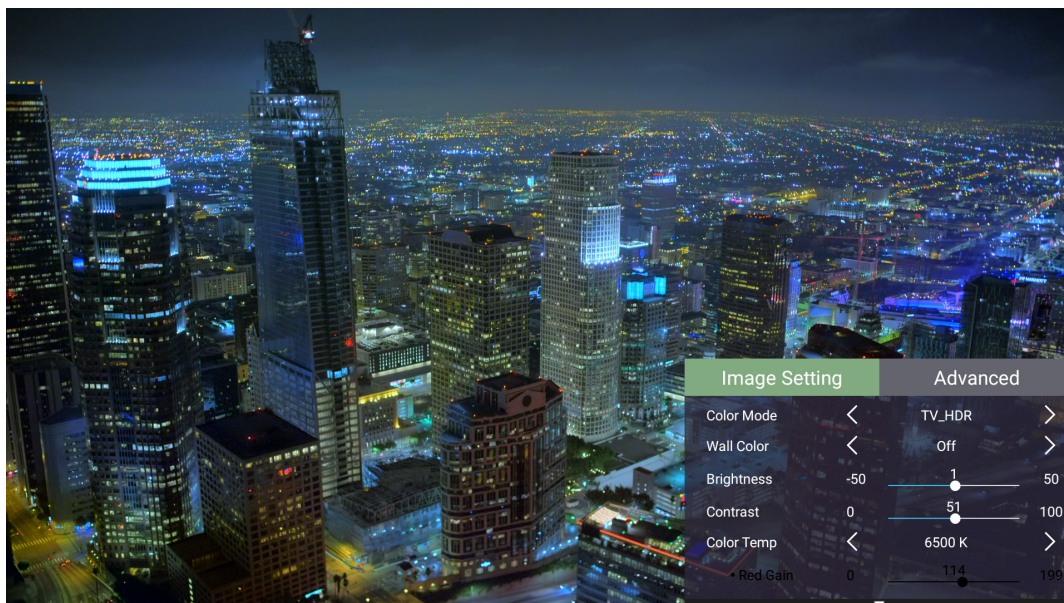
Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Advanced (Nâng cao)	Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	Auto (Tự động)		
		4:3		
		16:9		
		16:10		
		Native (Gốc)		
	HDR	Auto (Tự động)		
		SDR		
	EOTF	Low (Thấp)		
		Mid (Vừa)		
		High (Cao)		
	Frame Interpolation (Nội Suy Khung)	Low (Thấp)		
		Mid (Vừa)		
		High (Cao)		
		Off (Tắt)		
	HDMI Range (Phạm vi HDMI)	Auto (Tự động)		
		Full (Đầy đủ)		
		Limited (Giới hạn)		
	3D Settings (Cài đặt 3D)	3D Sync (Đồng bộ 3D)		Auto (Tự động)
				Disable (Tắt)
				Frame Sequential (Khung tuần tự)
Frame Packing (Gói khung)				
Top-Bottom (Trên dưới)				
Side-by-Side (Liền kề)				
3D Sync Invert (Đảo ngược đồng bộ 3D)		Disable (Tắt)		
		Invert (Đảo ngược)		

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Advanced (Nâng cao)	harman/kardon	Audio Mode (Chế độ âm thanh)	Movie (Phim)	
			Music (Nhạc)	
			User (Người dùng)	
		100Hz		
		500Hz		
		1.500Hz		
		5.000Hz		
		10.000Hz		
		Audio Volume (Âm lượng)	(-/+ , 0~50)	
		Mute (Tắt âm)	Enable (Bật)	
	Disable (Tắt)			
	S/PDIF	Enable (Bật)		
		Disable (Tắt)		
	Light Source Level (Mức đèn)	Full (Đầy đủ)		
		Eco (T.kiệm)		
		Dynamic 1 (Động 1)		
		Dynamic 2 (Động 2)		
	Information (Thông tin)	Source (Nguồn tín hiệu)		
		Resolution (Độ phân giải)		
		3D Format (Định dạng 3D)		
HDR/HLG				

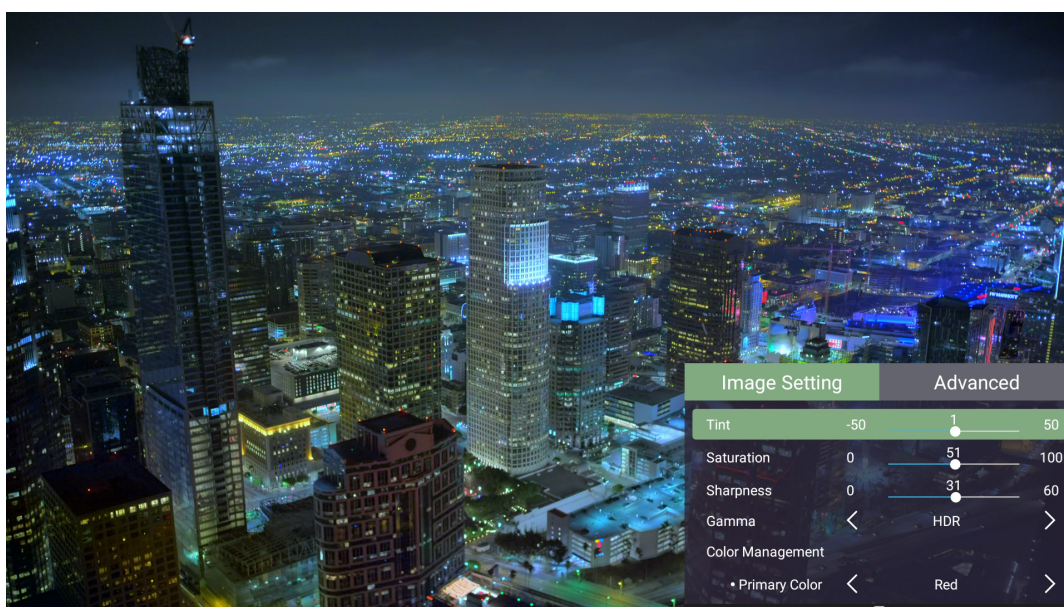
Menu Image Setting (Cài đặt hình) ảnh

Để truy cập menu **Image Setting (Cài đặt hình)**:

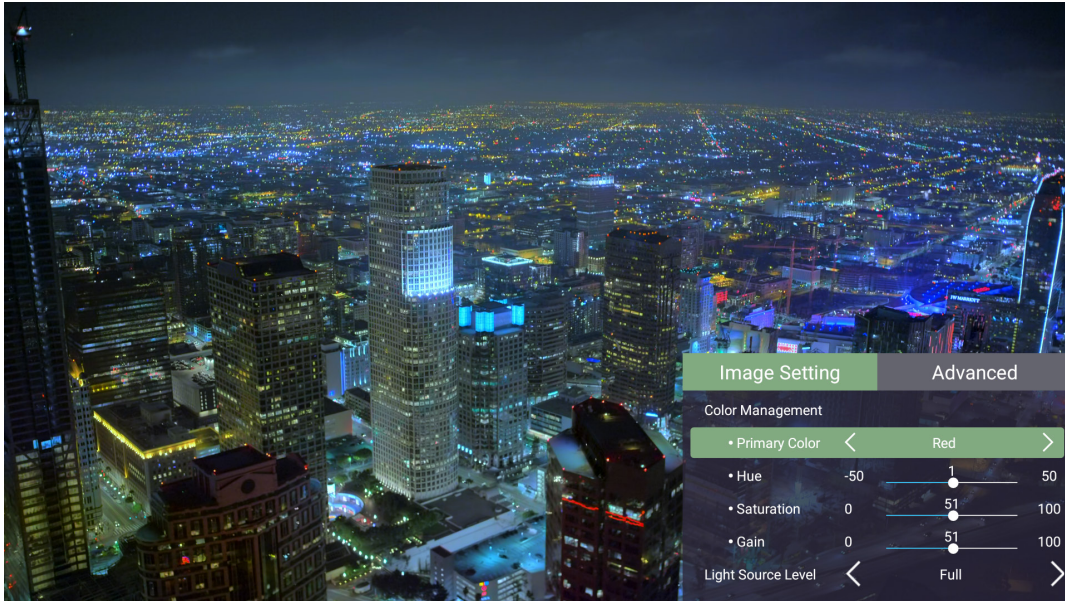
1. Nhấn **Setting (Cài đặt)** trên điều khiển từ xa.








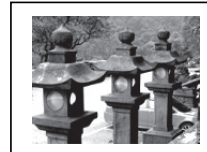
2. Sử dụng các nút **Lên/Xuống** để chọn menu.



3. Sau đó sử dụng các nút **Trái/Phải** để vào (các) menu phụ và/hoặc điều chỉnh các cài đặt.



4. Nhấn nút **Trở về** để trở về menu trước hoặc thoát.

Tùy chọn menu	Mô tả
<p>Color Mode (Chế độ màu)</p>	<p>Máy chiếu được cài sẵn một số chế độ hình ảnh xác định trước để bạn có thể chọn một chế độ phù hợp với môi trường hoạt động và tín hiệu đầu vào.</p> <p><u>Brightest (Sáng nhất)</u> Tối đa hóa độ sáng của hình chiếu. Chế độ này phù hợp với các môi trường cần độ sáng siêu cao, ví dụ: phòng đủ ánh sáng.</p> <p><u>TV (Tivi)</u> Tối ưu hóa để xem thể thao trong các môi trường đủ ánh sáng.</p> <p><u>Gaming (Chơi game)</u> Thiết kế để chơi các game video</p> <p><u>Movie (Phim)</u> Thích hợp cho các bộ phim, đoạn video đầy màu sắc từ máy ảnh kỹ thuật số hoặc video kỹ thuật số qua đầu vào máy tính. Tối ưu cho môi trường thiếu ánh sáng.</p> <p><u>User 1/User 2 (Người dùng 1/Người dùng 2)</u> Ghi nhớ các cài đặt người dùng tùy chỉnh.</p> <p><u>TV-HDR/Movie-HD (Phim-HDR)</u> Hãy chuyển sang HDR Picture Mode (Chế độ ảnh HDR) khi phát hiện nguồn đầu vào HDR.</p>
<p>Brightness (Độ sáng)</p>	<p>Giá trị càng cao, hình ảnh càng sáng. Giá trị càng thấp thì hình ảnh càng tối.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  <p>-30</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>50</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>+80</p> </div> </div>
<p>Contrast (Độ tương phản)</p>	<p>Sử dụng tính năng này để cài mức trắng tối đa sau khi bạn đã điều chỉnh cài đặt Brightness (Độ sáng) để phù hợp với đầu vào và môi trường xem đã chọn.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  <p>-30</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>0</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>+40</p> </div> </div>

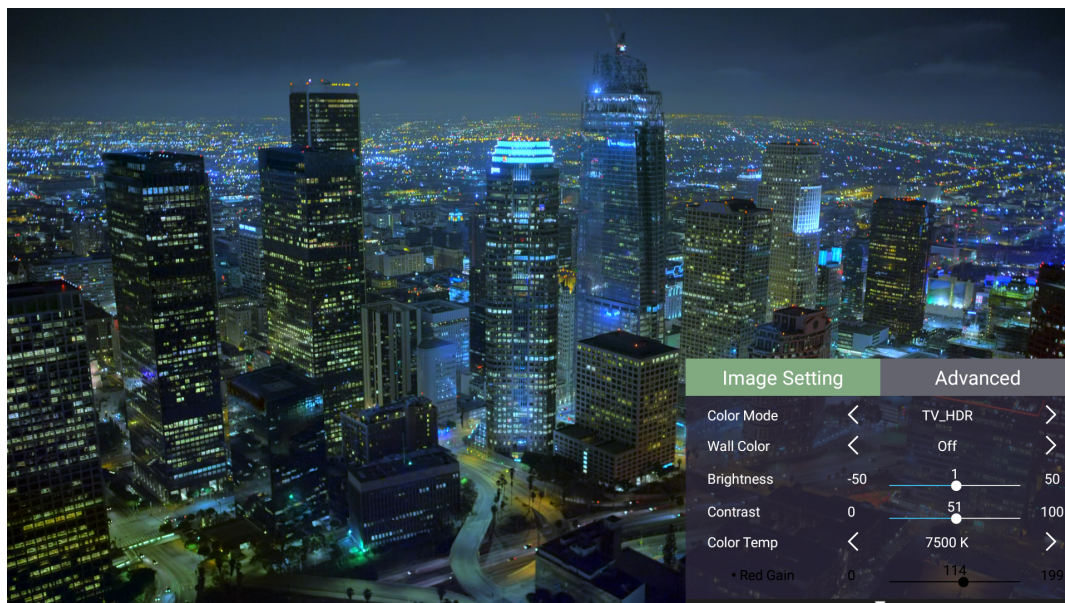
Tùy chọn menu	Mô tả
Color Temp (Nhiệt độ màu)	Chọn cài đặt nhiệt độ màu. <ul style="list-style-type: none"> • 6.500K: Duy trì màu trắng bình thường. • 7.500K: Nhiệt độ màu cao và dịu hơn 6.500K. • 9.300K: Nhiệt độ màu cao nhất - khiến hình ảnh xuất hiện màu trắng xanh nhất. • User Color (Màu người dùng): Điều chỉnh các giá trị đỏ, lục và lam tùy thích.
Tint (Sắc độ)	Giá trị càng cao thì hình ảnh càng xanh. Giá trị càng thấp thì hình ảnh càng đỏ.
Saturation (Độ bão hòa)	Tham khảo số lượng màu đỏ trong hình ảnh video. Cài đặt ở mức càng thấp thì màu sắc bão hòa càng ít; thực tế, cài đặt ở mức số "0" sẽ xóa toàn bộ màu đỏ khỏi hình ảnh. Nếu độ bão hòa quá cao, màu đỏ sẽ quá dư thừa và không thực tế.
Sharpness (Độ sắc nét)	Giá trị cao sẽ tạo ra hình ảnh sắc nét hơn và giá trị thấp sẽ làm dịu hình ảnh.
Gamma	Phản ánh sự liên hệ giữa nguồn tín hiệu vào và độ sáng hình ảnh.

Tùy chọn menu	Mô tả
Color Management (Quản lý màu sắc)	<p>Chỉ trong những nơi lắp đặt cố định với mức chiếu sáng có kiểm soát như: phòng họp, giảng đường hoặc rạp hát, thì mới phải cân nhắc đến Color Management (Quản lý màu sắc).</p> <div data-bbox="676 383 1246 920" data-label="Diagram"> </div> <p>Color Management (Quản lý màu sắc) giúp điều chỉnh kiểm soát màu sắc đẹp để cho phép tái tạo màu trung thực hơn nếu cần.</p> <p>Nếu đã mua một đĩa thử nghiệm chứa nhiều mẫu thử màu khác nhau và có thể dùng để thử nghiệm trình chiếu màu sắc trên màn hình, TV, máy chiếu, v.v..., bạn có thể chiếu bất kỳ hình ảnh nào từ đĩa lên màn hình và vào menu Color Management (Quản lý màu sắc) để thực hiện các điều chỉnh.</p>
Light Source Level (Mức đèn)	Chọn mức tiêu thụ điện phù hợp của LED.
Test Pattern (Hình Thức Kiểm Tra)	Kiểm tra hiển thị màu sắc của máy chiếu.
Reset Current Color Settings (Tái thiết các cài đặt màu hiện tại)	Chuyển các cài đặt màu hiện hành về giá trị mặc định.

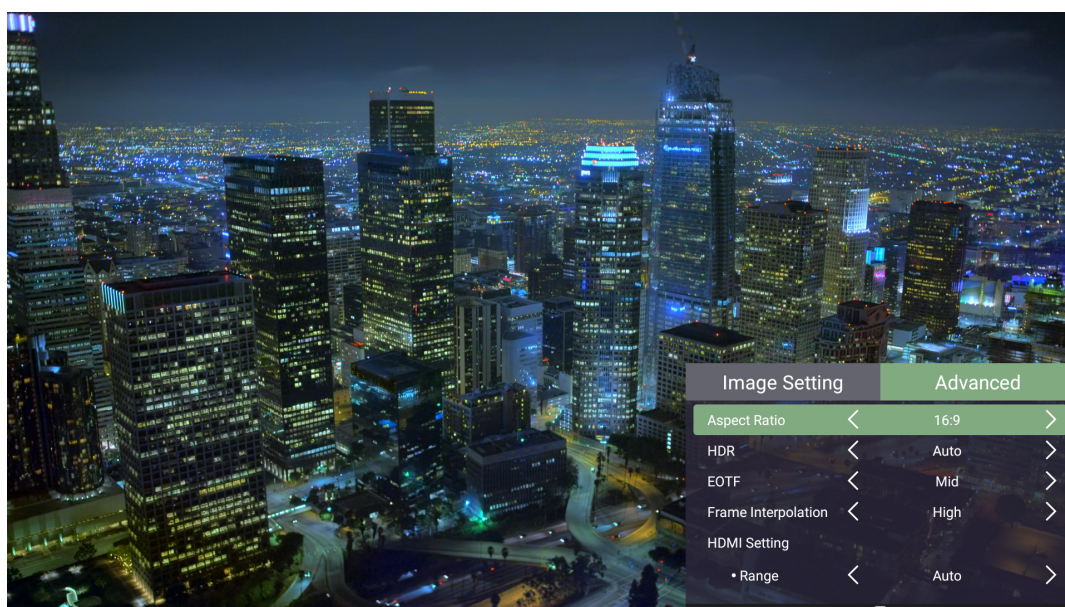
Menu cài đặt Advanced (Nâng cao)

Để truy cập menu **Advanced (Nâng cao)**:

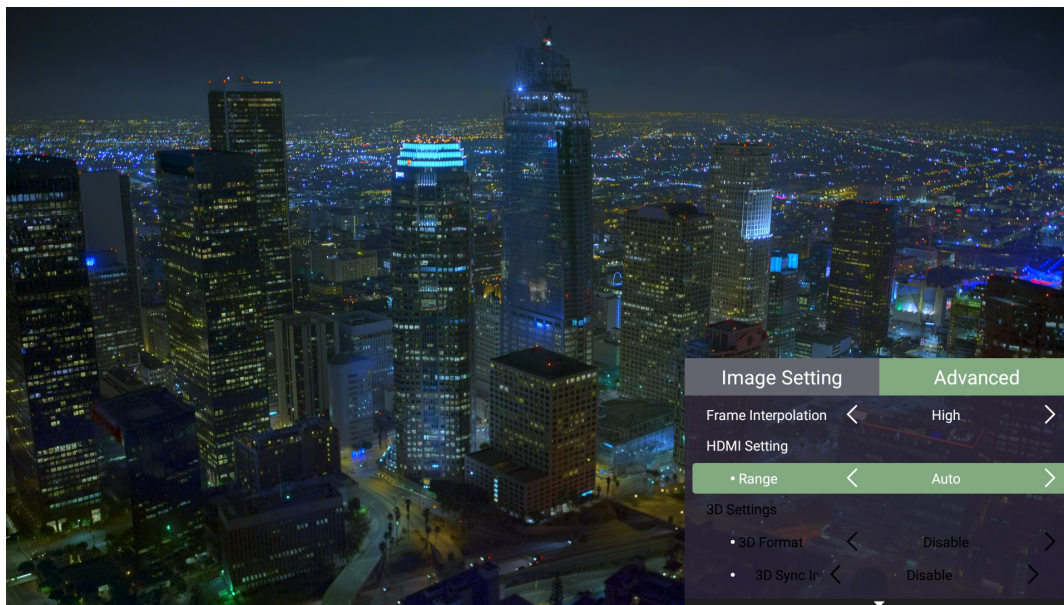
1. Nhấn **Setting (Cài đặt)** trên điều khiển từ xa.



2. Nhấn nút **Phải** để truy cập menu **Advanced (Nâng cao)**.



3. Sử dụng các nút **Lên/Xuống** để chọn menu.



4. Sau đó sử dụng các nút **Trái/Phải** để vào (các) menu phụ và/hoặc điều chỉnh các cài đặt.

5. Nhấn nút **Return (Trở về)** để trở về menu trước hoặc thoát.

Tùy chọn menu	Mô tả
Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	<p>Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) là tỷ lệ từ chiều rộng đến chiều cao hình. Với sự ra đời của công nghệ xử lý tín hiệu số, các thiết bị hiển thị kỹ thuật số như máy chiếu này có thể mở rộng hoạt động và chỉnh tỷ lệ đầu ra hình ảnh theo khung hình khác so với tín hiệu đầu vào hình ảnh.</p> <p>LƯU Ý: Chỉ hỗ trợ đầu vào tín hiệu HDMI/USB-C (video).</p> <p><u>Auto (Tự động)</u> Chỉnh tỷ lệ hình ảnh cân xứng để khớp với độ phân giải gốc của máy chiếu theo chiều rộng ngang. Điều này phù hợp với hình ảnh gửi vào không thuộc tỷ lệ khung hình 4:3 hoặc 16:9 và bạn muốn tận dụng tối đa màn hình mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình chiếu.</p> <p><u>4:3</u> Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 4:3. Điều này phù hợp nhất đối với hình ảnh 4:3 như màn hình máy tính, tivi độ nét chuẩn và phim DVD tỷ lệ khung hình 4:3 vì chúng hiển thị mà không cần thay đổi tỷ lệ khung hình.</p> <p><u>16:9</u> Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:9. Điều này phù hợp nhất cho các hình ảnh đã ở tỷ lệ 16:9, như TV độ nét cao.</p> <p><u>16:10</u> Chỉnh tỷ lệ hình ảnh để được hiển thị ở giữa màn hình với tỷ lệ khung hình 16:10. Điều này phù hợp nhất cho các hình ảnh đã ở tỷ lệ 16:10.</p>

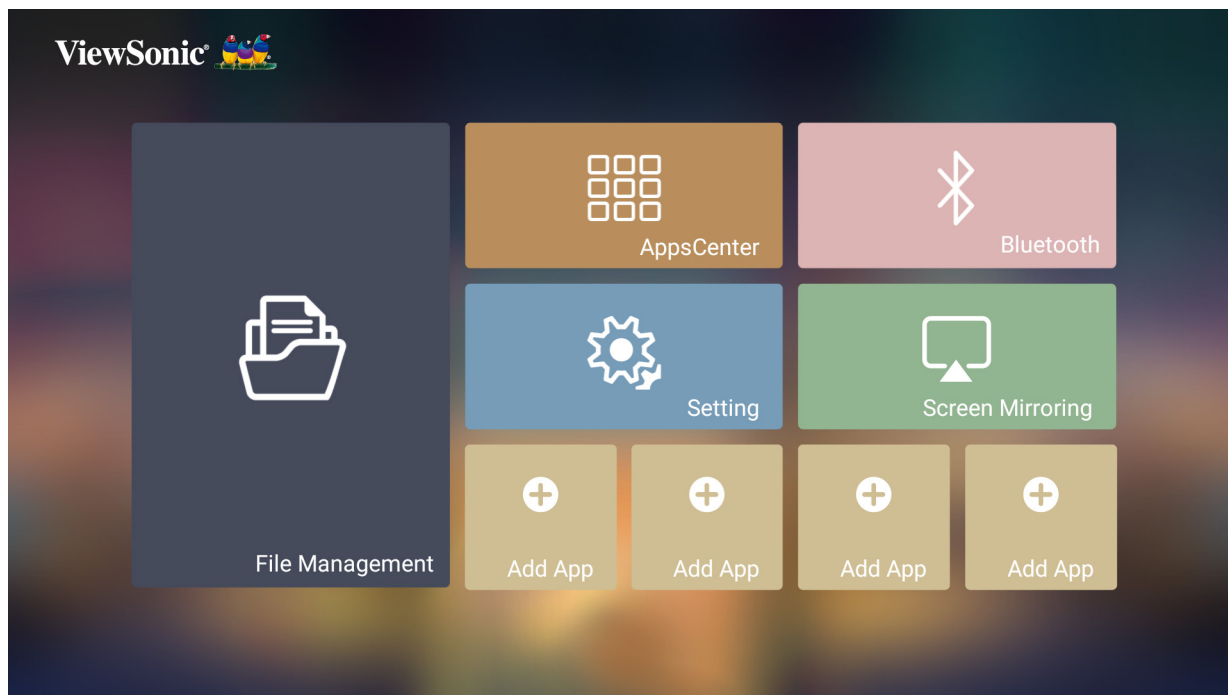
Tùy chọn menu	Mô tả
Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	<u>Native (Gốc)</u> Chiếu hình ảnh như độ phân giải gốc và chỉnh lại kích thước để khớp vào vùng màn hình. Đối với các tín hiệu đầu vào có độ phân giải thấp hơn, hình chiếu sẽ hiển thị theo kích thước gốc.
HDR	Máy chiếu hỗ trợ chụp ảnh HDR. Nó có thể tự động phát hiện dải động của nguồn tín hiệu từ các cổng HDMI 1/2/3 và tối ưu hóa các cài đặt để tái tạo nội dung trong nhiều điều kiện ánh sáng.
EOTF	Tự động điều chỉnh độ sáng hình ảnh theo nguồn tín hiệu vào. Bạn cũng có thể tự chọn một mức độ sáng để hiển thị hình ảnh chất lượng tốt hơn. LƯU Ý: Chức năng này không khả dụng khi chọn SDR trong menu HDR .
Frame Interpolation (Nội Suy Khung)	Nâng cao chất lượng hình ảnh cho các vật thể đang chuyển động với tốc độ nhanh. Tính năng này rất phù hợp với người dùng hay tham gia các sự kiện thể thao tốc độ nhanh.
HDMI Settings (Cài đặt HDMI)	<u>Range (Phạm vi)</u> Chọn dải màu phù hợp theo cài đặt dải màu trên thiết bị đầu ra đã kết nối. <ul style="list-style-type: none"> • Full (Đầy đủ): Cài dải màu từ 0 ~ 255. • Limited (Giới hạn): Cài đặt dải màu trong khoảng 16 ~ 235. • Auto (Tự động): Thiết lập máy chiếu để tự động phát hiện dải tín hiệu vào.
3D Settings (Cài đặt 3D)	Cho phép bạn thưởng thức các bộ phim 3D, video và sự kiện thể thao theo cách thực tế hơn bằng cách trình chiếu độ sâu hình ảnh trong khi đeo kính 3D. Cho Blu Ray 3D. <u>3D Sync (Đồng bộ 3D)</u> Điều chỉnh và chọn từ: Tự động, Tắt, Khung tuần tự, Góc khung, Trên dưới, Liền kề. <u>3D Sync Invert (Đảo ngược đồng bộ 3D)</u> Cho phép hiệu chỉnh nếu độ sâu hình 3D bị đảo ngược.
harman/kardon	Điều chỉnh cài đặt âm thanh.
Information (Thông tin)	Hiển thị Nguồn Đầu Vào, Độ Phân Giải, Định Dạng 3D và HDR.

> Vận hành máy chiếu

Phần này sẽ giới thiệu về **Home Screen (Màn hình chính)** và các menu liên quan.

Home Screen (Màn hình chính)

Home Screen (Màn hình chính) sẽ hiển thị mỗi khi bạn khởi động máy chiếu. Để điều hướng **Home Screen (Màn hình chính)**, chỉ cần sử dụng các nút điều hướng trên điều khiển từ xa. Bạn có thể trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất kỳ lúc nào bằng cách nhấn nút **Home (Trang chủ)** trên điều khiển từ xa, bất kể bạn đang truy cập ở trang nào.



Menu	Mô tả
File Management (Quản lý tập tin)	Cung cấp giao diện người dùng để quản lý các tập tin và thư mục.
Apps Center (Trung tâm ứng dụng)	Truy cập và xem mọi ứng dụng mà bạn đã cài đặt.
Bluetooth	Chọn chế độ Bluetooth phù hợp.
Setting (Cài đặt)	Quản lý nhiều danh mục như: Network settings (Cài đặt mạng), Basic and Advanced settings (Cài đặt cơ bản & nâng cao), Date & Time (Ngày giờ), Firmware update (Cập nhật firmware) và System Information (Thông tin hệ thống).
Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)	Phản chiếu màn hình thiết bị cá nhân của bạn lên máy chiếu.
Add App (Thêm ứng dụng)	Chọn ứng dụng ưa thích và thêm chúng vào Home Screen (Màn hình chính) .

Home Screen (Màn hình chính) - Sơ đồ menu hiển thị trên màn hình (OSD)

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
File Management (Quản lý tập tin)				
Apps Center (Trung tâm ứng dụng)				
Bluetooth				
Settings (Cài đặt)	Network Settings (Cài đặt mạng)	Wi-Fi	Disable (Tắt)	
			Enable (Bật)	SSID:
				Configure IP (Định cấu hình IP)
				IP Address (Địa chỉ IP)
				Subnet Mask (Mặt nạ mạng phụ)
				Default Gateway (Cổng vào mặc định)
				DNS Server (Máy chủ DNS)
				Others (Khác)
	Wired LAN (LAN Có Dây)	Configure IP (Định cấu hình IP)	Automatic (Tự động)	
			Manual (Thủ công)	
		IP Address (Địa chỉ IP)	xxx.xxx.xxx.xxx	
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng phụ)	xxx.xxx.xxx.xxx	
		Default Gateway (Cổng vào mặc định)	xxx.xxx.xxx.xxx	
		DNS Server (Máy chủ DNS)	xxx.xxx.xxx.xxx	

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Settings (Cài đặt)	Basic Settings (Cài đặt cơ bản)	Language (Ngôn ngữ)	English	
			French	
			German	
			Italian	
			Spanish	
			Russian	
			繁體中文	
			簡體中文	
			日本語	
			韓語	
			Swedish	
			Dutch	
			Turkish	
			Czech	
			Portuguese	
			Thai	
			Polish	
			Finnish	
		Arabic		
		Indonesian		
		Hindi		
		Vietnam		
		Greek		
		Projector Projection (Chiếu từ máy chiếu)	Front Table (Bàn phía trước)	
			Front Ceiling (Trần phía trước)	
			Rear Table (Bàn phía sau)	
			Rear Ceiling (Trần phía sau)	
		Keystone (Chỉnh vuông hình)	Manual (Thủ công)	
Focus (Lấy nét)	OK			
Eye Protection (Bảo vệ mắt)	Disable (Tắt)			
	Enable (Bật)			
Test Pattern (Hình Thức Kiểm Tra)	OK			

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu			
Settings (Cài đặt)	Date & Time (Ngày giờ)	Automatic Date & Time (Ngày giờ tự động)	Disable (Tắt)		
			Enable (Bật)		
		Date (Ngày)			
		Time (Thời gian)			
		Time Zone (Múi giờ)			
	Time Format (Định dạng giờ)	12 hours (12 giờ)			
		24 hours (24 giờ)			
	Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)	Software Update Online (Cập nhật p.mềm trực tuyến)			
		Software Update by USB (Cập nhật p.mềm bằng USB)			
		OTA Reminder (Báo nhắc OTA)	Disable (Tắt)		
			Enable (Bật)		
	Software Version (Phiên bản phần mềm)				
	Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)	Power On Source (Bật nguồn tín hiệu)	Home (Trang chủ)		
			HDMI 1		
			HDMI 2		
			HDMI 3		
		USB-C			
Auto Power On (Bật nguồn tự động)		CEC	Disable (Tắt)		
		Enable (Bật)			

Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu		
Settings (Cài đặt)	Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)	Smart Energy (Năng lượng th.minh)	Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)	Disable (Tắt)
				10 minutes (10 phút)
				20 minutes (20 phút)
				30 minutes (30 phút)
			Sleep Timer (Hẹn giờ tắt máy)	Disable (Tắt)
				30 minutes (30 phút)
				1 hour (1 tiếng)
				2 hours (2 giờ)
		Power Saving (Tiết kiệm điện)	3 hours (3 giờ)	
			4 hours (4 giờ)	
			8 hours (8 giờ)	
			12 hours (12 giờ)	
		harman/kardon	Audio Mode (Chế độ âm thanh)	Enable (Bật)
				Disable (Tắt)
				Movie (Phim)
			100Hz	Music (Nhạc)
	User (Người dùng)			
	500Hz			
	1.500Hz			
	5.000Hz			
	10.000Hz			
	Volume (Âm lượng)		(-/+ , 0~50)	
	Mute (Tắt âm)		Disable (Tắt)	
			Enable (Bật)	
	Internal Speaker (Tích hợp loa)		Disable (Tắt)	
			Enable (Bật)	
	S/PDIF		Disable (Tắt)	
			Enable (Bật)	
	Light Source Level (Mức đèn)	Full (Đầy đủ)		
		Eco (T.kiệm)		
		Dynamic Black 1		
		Dynamic Black 2		

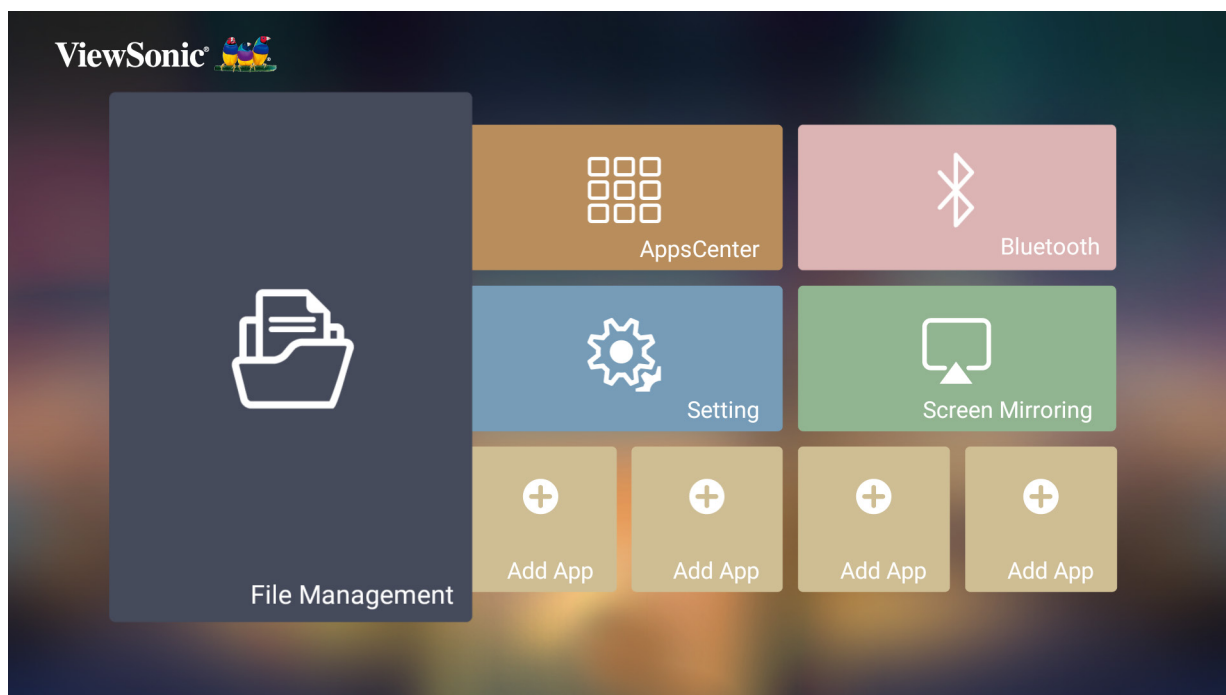
Menu chính	Menu phụ	Tùy chọn menu			
Settings (Cài đặt)	Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)	High Altitude Mode (Chế độ cao trình)	Disable (Tắt)		
			Enable (Bật)		
		Reset Settings (Cài lại các cài đặt)	OK		
			Cancel (Hủy)		
	Information (Thông tin)	Reset To Factory Default (Cài về mặc định gốc)	OK		Cancel (Hủy)
		Light Source Hours (Số giờ đèn)			
		System Version (P.bản hệ thống)			
		Memory Information (Thông tin bộ nhớ)			
		Network Mac Address (Địa chỉ Mac Mạng)			
		Wi-Fi Mac Address (Địa chỉ MAC Wi-Fi)			
		Serial Number (Số Seri)			
	Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)				
Add App (Thêm ứng dụng)					
Add App (Thêm ứng dụng)					
Add App (Thêm ứng dụng)					
Add App (Thêm ứng dụng)					

Thao tác menu

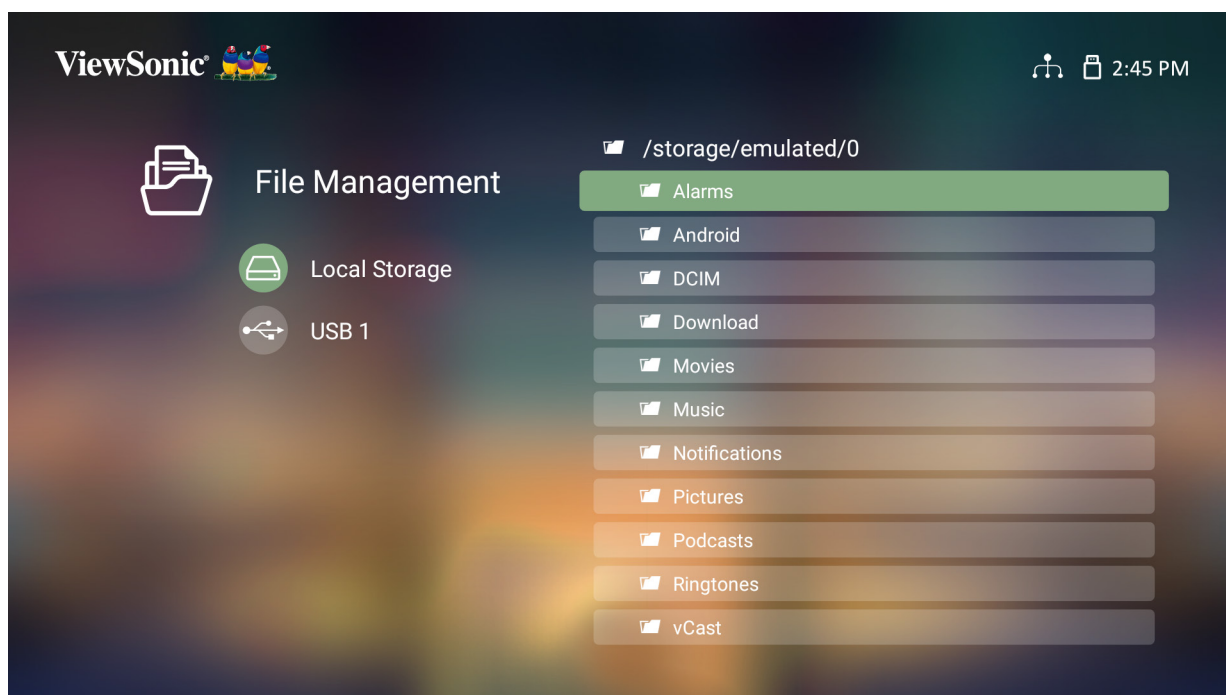
File Management (Quản lý tập tin)

Để dàng quản lý các tập tin và thư mục

1. Chọn: **Home (Trang chủ) > File Management (Quản lý tập tin).**



2. Chọn một thiết bị trên danh sách nguồn: USB, Bộ Nhớ Trong... Sử dụng các nút chỉ hướng để chọn tệp đích. Sau đó nhấn nút **OK** trên điều khiển từ xa để mở tập tin đã chọn.



3. Nhấn nút **Trở về** để trở về mức trước.

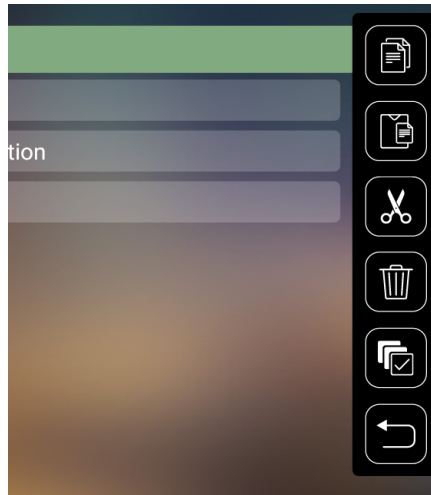
LƯU Ý: Nhấn nút **Home (Trang chủ)** trên điều khiển từ xa để trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất cứ lúc nào.

Cách sửa một file

1. Khi đang ở cửa sổ **File Management (Quản lý tập tin)**, nhấn và giữ nút **OK** trong ba (3) giây.
2. Một ô kiểm sẽ xuất hiện phía trước mỗi tập tin. Sử dụng các nút chỉ hướng và nhấn **OK** để chọn một hoặc nhiều tập tin.

























3. Khi nhấn nút **Phải**, các ô Sao Chép, Dán, Cắt, Xóa, Chọn Tất Cả và Quay Lại sẽ được hiển thị.



4. Chọn thao tác mong muốn và nhấn **OK** để thực hiện.
5. Nếu bạn đang sao chép hoặc cắt, hãy chọn thư đích để hoàn tất quy trình.

Cách sử dụng các nút trên thanh điều khiển

Các nút trên thanh điều khiển sẽ hiển thị trên màn hình nếu chọn mở tập tin video, nhạc hoặc ảnh chụp.

Hình ảnh		Video		Music (Nhạc)	
	Trở về		Trở về		Trở về
	Phát		Tua lại		Phát
	Kế tiếp		Phát		Tạm dừng
	Phóng to		Tạm dừng		Kế tiếp
	Thu nhỏ		Chuyển nhanh		Phát ngẫu nhiên
	Xoay (trái)		Kế tiếp		Lặp lại tất cả
	Xoay (phải)				Lặp lại một
					D.sách phát
					Thông tin

Mẹo sử dụng USB

Khi sử dụng USB để đọc và/hoặc lưu trữ, hãy lưu ý những điều sau:

1. Một số thiết bị lưu trữ USB có thể không tương thích.
2. Nếu bạn sử dụng cáp mở rộng USB, thiết bị USB có thể không nhận dạng USB.
3. Chỉ sử dụng các thiết bị lưu trữ USB được định dạng bằng hệ thống file FAT32 hoặc NTFS trên Windows.
4. Các file lớn hơn sẽ cần thêm thời gian để tải.
5. Dữ liệu trên các thiết bị lưu trữ USB có thể bị hỏng hoặc mất. Hãy sao lưu các file quan trọng.

Định dạng file được hỗ trợ

Các định dạng văn phòng hỗ trợ:

	Mục	Chỉ báo
Chức năng xem tài liệu	doc/docx	Có thể mở và đọc tài liệu ở định dạng doc/docx
	xls/xlsx	Có thể mở và đọc tài liệu ở định dạng xls/xlsx
	ppt/pptx	Có thể mở và đọc tài liệu ở định dạng ppt/pptx
	Pdf	Có thể mở và đọc tài liệu ở định dạng pdf
Hỗ trợ ngôn ngữ giao diện	Hỗ trợ 44 ngôn ngữ giao diện	Anh, Trung Giản thể, Trung (Đài Loan), Trung (Hồng Kông), Tây Ban Nha (Los Angeles), Pháp (EU), Bồ Đào Nha (EU), Bồ Đào Nha (Braxin), Đức, Nga, Ý, Thụy Điển, Tây Ban Nha (EU), Hàn, Ả Rập, Farsi, Serbia, Bosnia, Macedonia, Bungari, Ukraina, Hy Lạp, Na Uy, Đan Mạch, Séc, Hungary, Slovak, Ba Lan, Rumani, Phần Lan, Estonia, Latvia, Lithuania, Anh Anh, Slovenia, Croatia, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt, Bahasa Indonesia, Hà Lan, Malaysia, Thái, Hindi, Do Thái, Myanmar, Catalan.

Các định dạng đa phương tiện hỗ trợ:

Đuôi mở rộng	Bộ mã hóa - giải mã	
.xvid	Video	Xvid, H.264, H.265
.avi	Âm thanh	MP3
.mp4 .m4v .mov	Video	H.264, H.265/MPEG 4
.mkv	Video	H.264, H.265
.ts .trp .tp .mts .m2ts	Video	H.264, H.265, MPEG2
.vob	Video	MPEG1, MPEG2
	Âm thanh	DVD-LPCM
.mpg	Video	MPEG1

LƯU Ý: Định dạng âm thanh AAC không được hỗ trợ.

Các định dạng ảnh hỗ trợ:

Định dạng	Loại	Độ phân giải tối đa
.jpg/.jpeg	JPEG tăng dần	7680 x 4320
	JPEG cơ bản	7680 x 4320
.bmp		9600 x 6400
.png		7680 x 4320

Định dạng hỗ trợ cho thiết bị kết nối bên ngoài:

Thiết bị	Kích thước hỗ trợ (Kích thước tối đa)	Định dạng NTFS		Định dạng FAT32		exFAT	
		Đọc	Ghi	Đọc	Ghi	Đọc	Ghi
Thanh nhớ USB	256 GB	V	Không có	V	V	Không có	Không có
Ổ cứng USB	2 TB	V	Không có	V	V	Không có	Không có

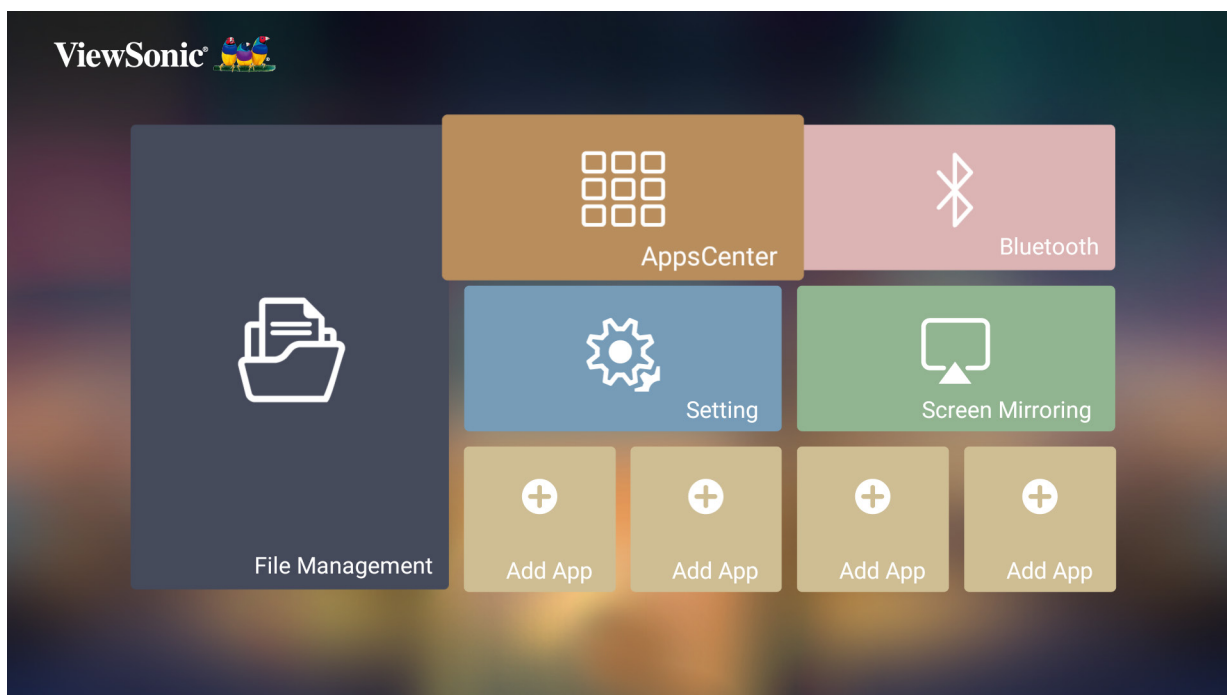
LƯU Ý:

- Công cụ định dạng tích hợp trên Windows 10 chỉ hỗ trợ định dạng FAT32 tối đa 32 GB.
- Bản nâng cấp firmware chỉ hỗ trợ định dạng FAT32.

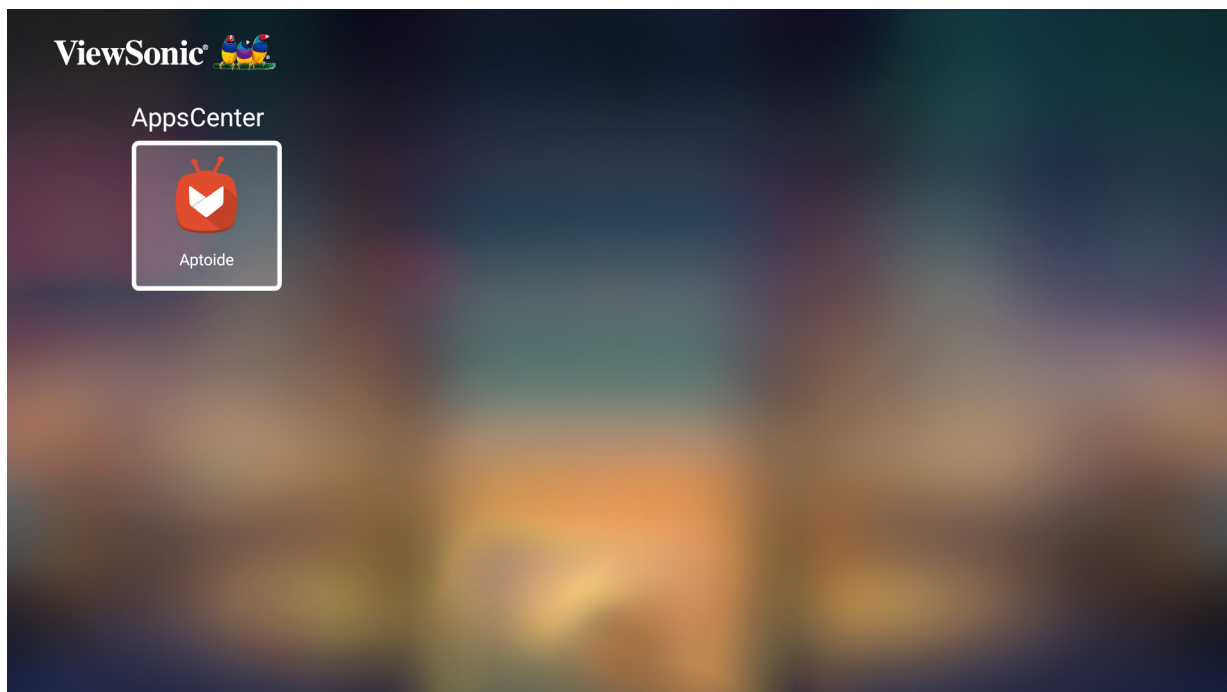
Apps Center (Trung tâm ứng dụng)

Xem, khởi chạy và gỡ cài đặt ứng dụng.

1. Để xem các ứng dụng, hãy chọn: **Home (Trang chủ) > Apps Center (Trung tâm ứng dụng)**.



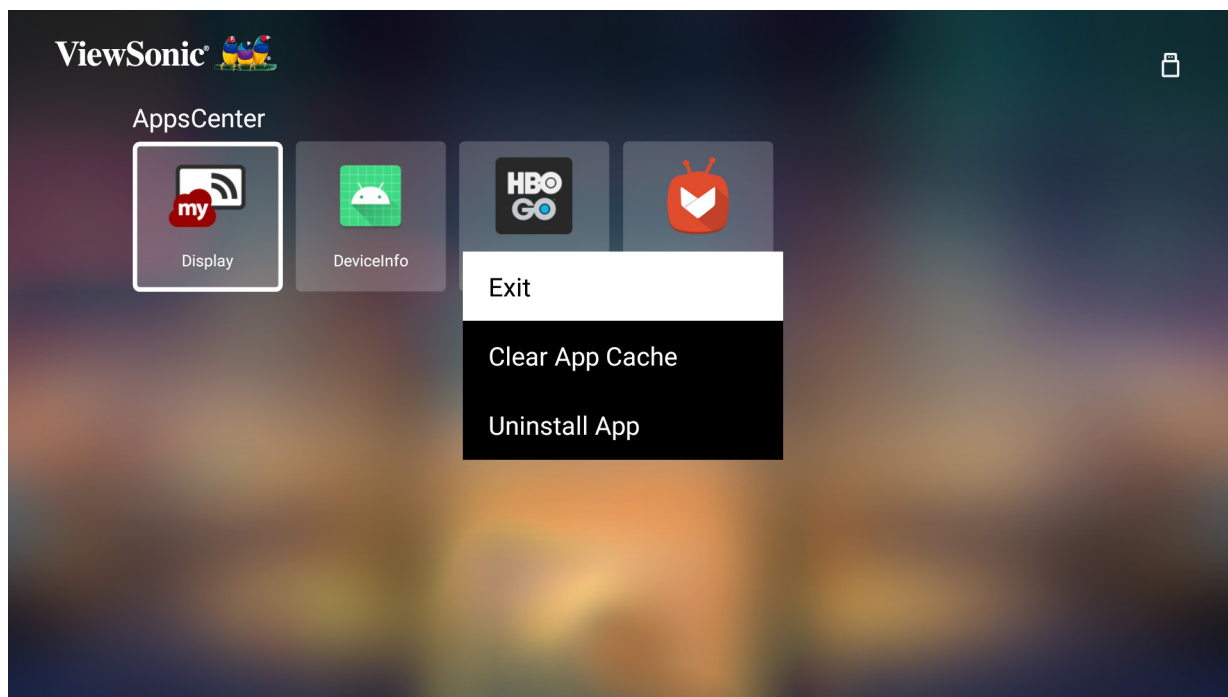
2. Sử dụng các nút chỉ hướng để chọn ứng dụng mong muốn. Sau đó nhấn nút **OK** trên điều khiển từ xa để khởi chạy ứng dụng.



LƯU Ý: Nhấn nút **Home (Trang chủ)** trên điều khiển từ xa để trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất cứ lúc nào.

Để gỡ cài đặt ứng dụng

1. Mở **Apps Center (Trung tâm ứng dụng)** bằng cách chọn: **Home (Trang chủ) > Apps Center (Trung tâm ứng dụng)**.
2. Sử dụng các nút chỉ hướng để chọn ứng dụng mong muốn.
3. Nhấn và giữ nút **OK** trên điều khiển từ xa trong ba (3) giây. Hộp thoại dưới đây sẽ hiển thị:

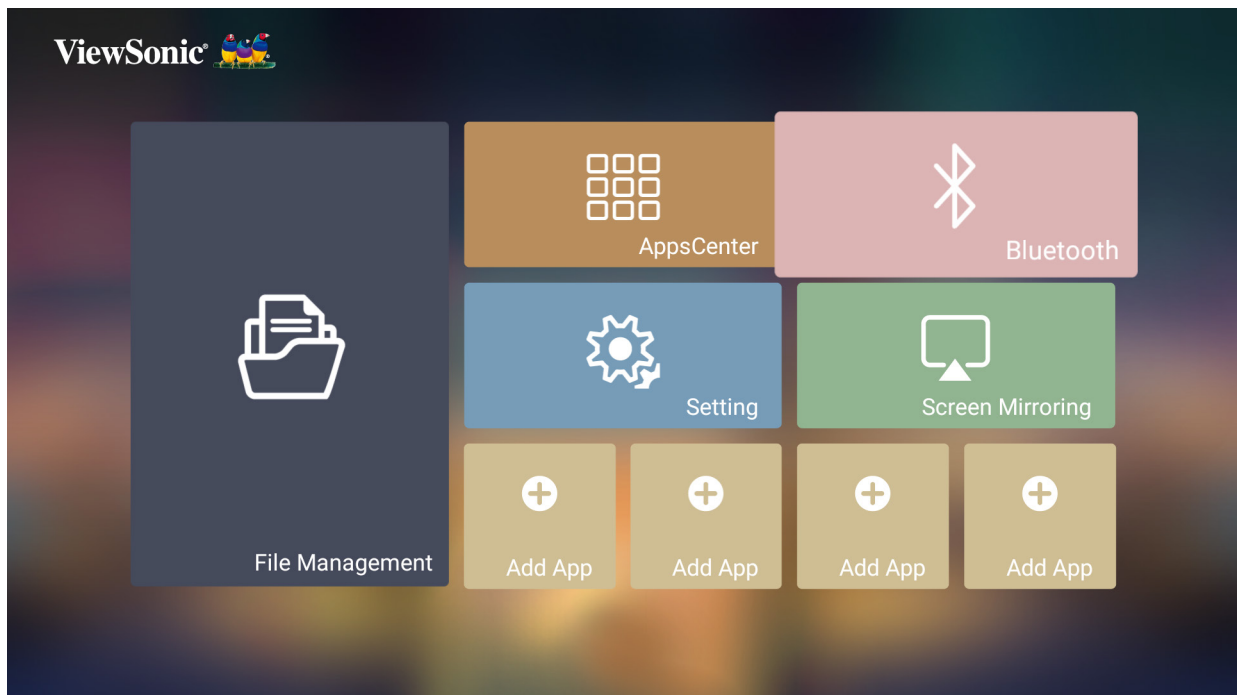


4. Chọn **OK** để gỡ cài đặt ứng dụng.

LƯU Ý: Nhấn nút **Home (Trang chủ)** trên điều khiển từ xa để trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất cứ lúc nào.

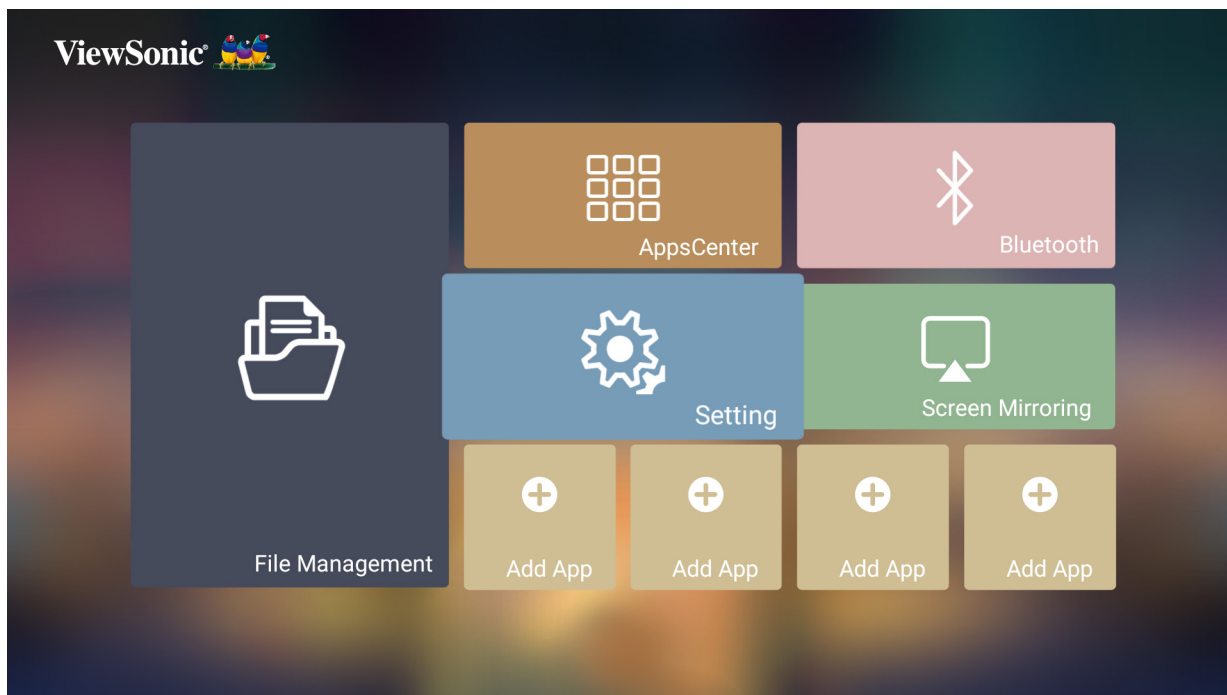
Bluetooth

Máy chiếu này được trang bị Bluetooth. Nhờ vậy, người dùng có thể kết nối không dây thiết bị của mình để phát lại âm thanh. Để biết thêm thông tin, xem trang 29.



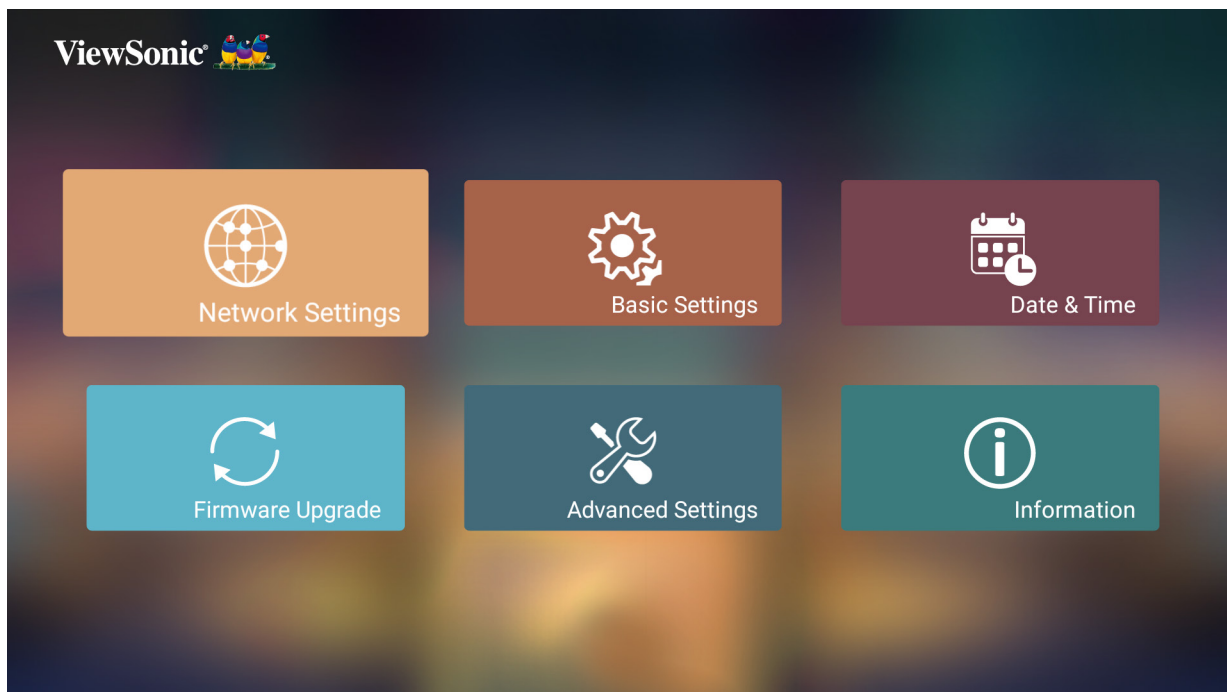
Setting (Cài đặt)

Trong **Setting (Cài đặt)**, bạn có thể điều chỉnh Network (cài đặt mạng), Basic and Advanced Settings (Cài đặt cơ bản & nâng cao), Date & Time (Ngày giờ), Firmware update (Cập nhật firmware) và xem Information (Thông tin).

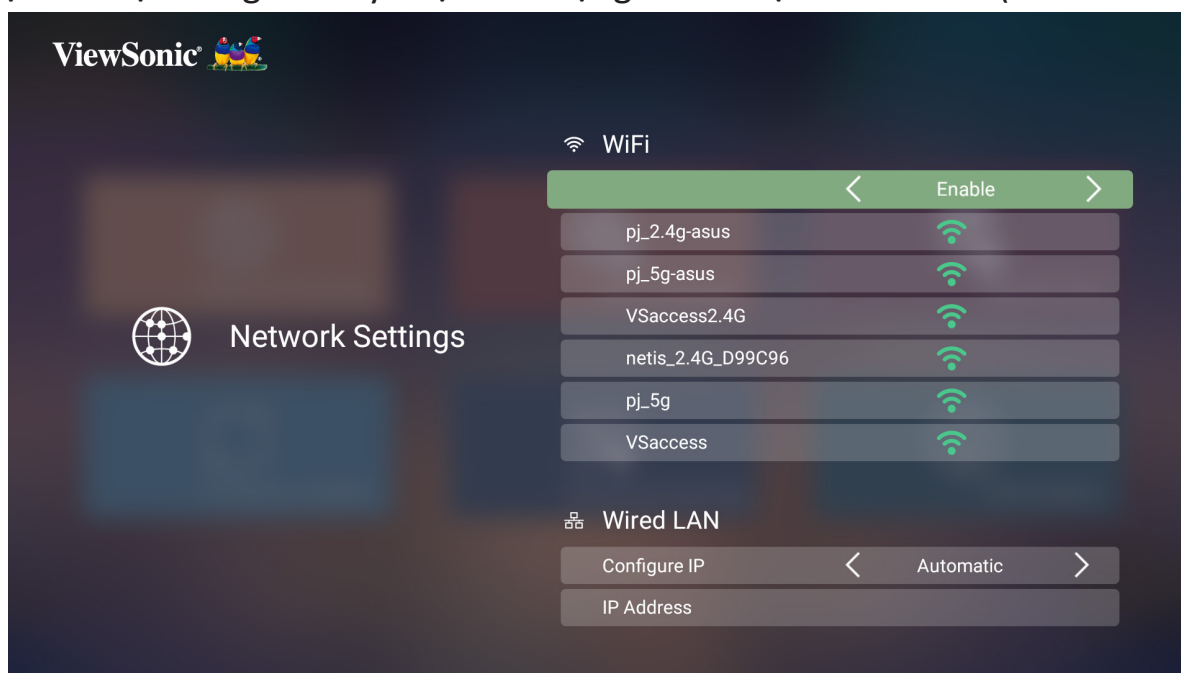


Network Settings (Cài đặt mạng)

1. Chọn: **Home (Trang chủ) > Setting (Cài đặt) > Network Settings (Cài đặt mạng)**.



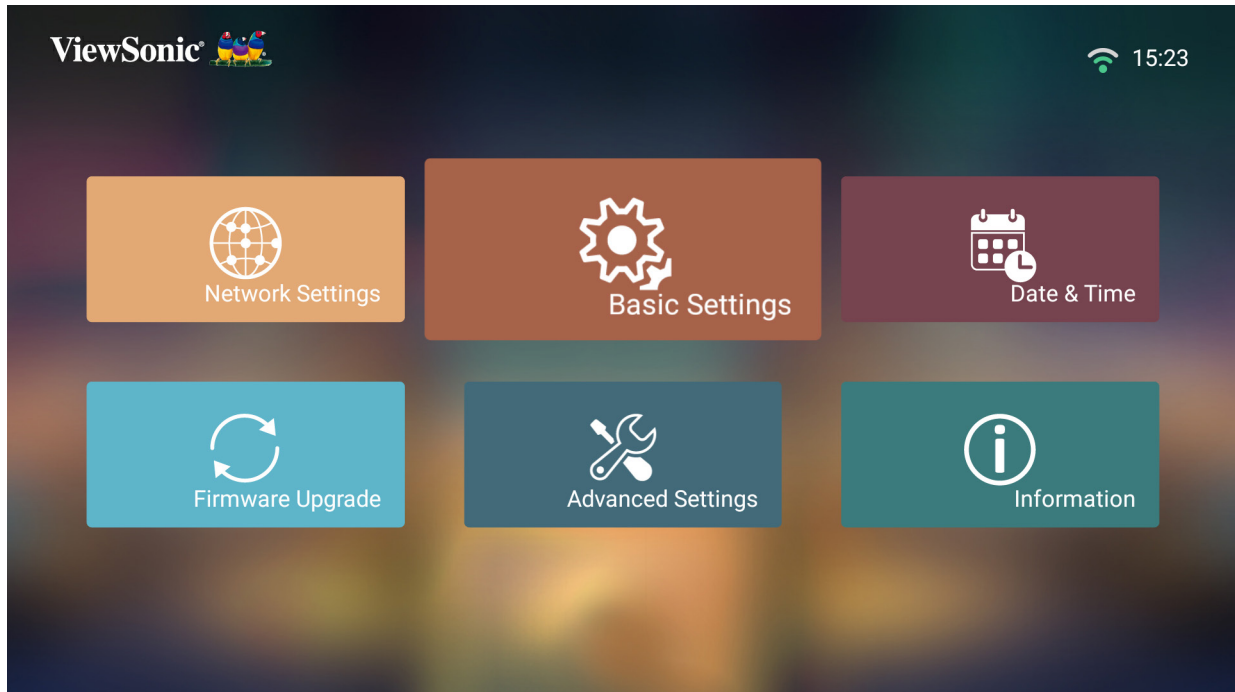
2. Chọn từ một trong các tùy chọn khả dụng: Wifi hoặc Wired LAN (LAN Có Dây).



3. Để cài đặt Kết Nối Wifi hoặc LAN Có Dây, xem “Kết nối với mạng” ở trang 24.

Basic Settings (Cài đặt cơ bản)

1. Chọn: **Home (Trang chủ) > Setting (Cài đặt) > Basic Settings (Cài đặt cơ bản)**.



2. Sử dụng các nút **Lên** và **Xuống** để chọn tùy chọn mong muốn và nhấn **OK**. Sau đó sử dụng các nút **Trái** và **Phải** để thực hiện các điều chỉnh hoặc lựa chọn.



3. Để trở về menu trước, hãy nhấn nút **Return (Trở về)**.

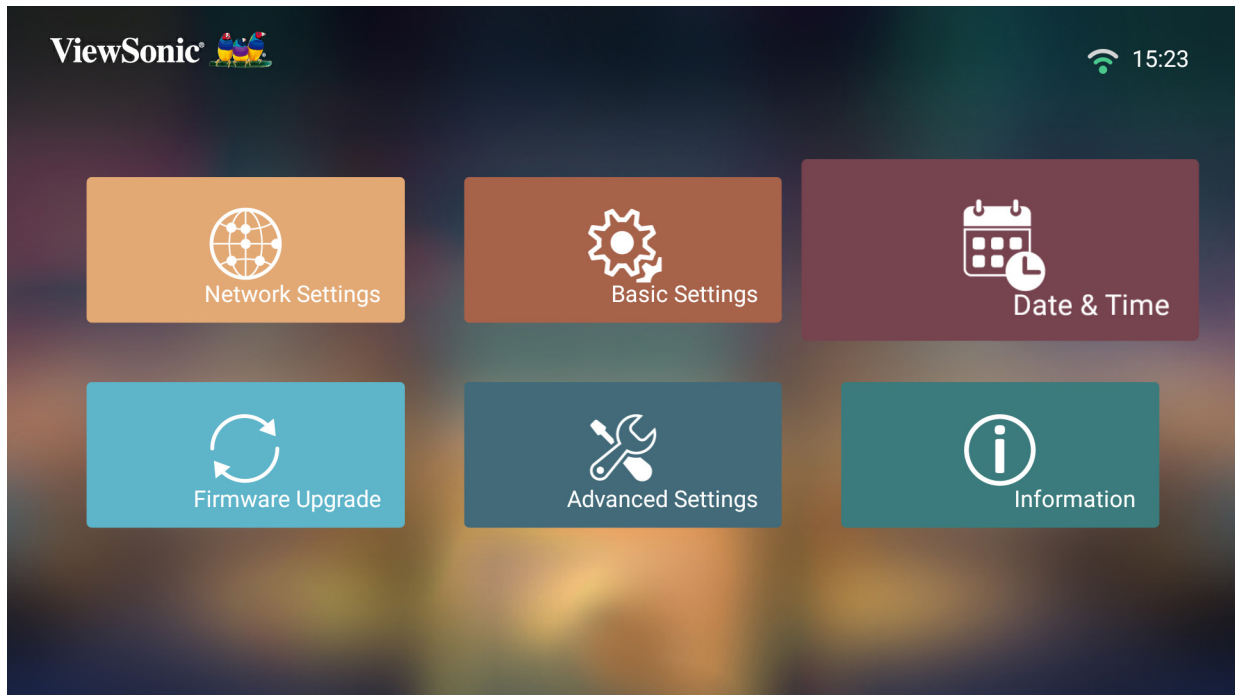
Menu	Mô tả
Language (Ngôn ngữ)	Chọn ngôn ngữ mong muốn.
Projector Position (Vị trí máy chiếu)	Chọn vị trí chiếu ưa thích.
Keystone (Chỉnh vuông hình)	Hiệu chỉnh độ méo hình thang. Có thể tự tay chỉnh vuông hình từ -14 đến 14.
Focus (Lấy nét)	Chỉnh lấy nét ảnh trên màn hình. Sử dụng các nút Directional (Chỉ Hướng) trên điều khiển từ xa để điều chỉnh bắt nét.
Eye Protection (Bảo vệ mắt)	Để bảo vệ mắt khỏi ánh sáng trực tiếp từ máy chiếu, khi có đối tượng ở gần ống kính, cảm biến sẽ phát hiện nó và tự động tắt đèn. LƯU Ý: Khi kích hoạt tính năng Eye Protection (Bảo vệ mắt), hãy nhấn bất kỳ nút nào trên điều khiển từ xa để hủy tính năng đó.
Test Pattern (Hình Thức Kiểm Tra)	Kiểm tra cách hiển thị màu sắc của máy chiếu và/hoặc điều chỉnh lấy nét hình ảnh đã chiếu.

Date & Time (Ngày giờ)

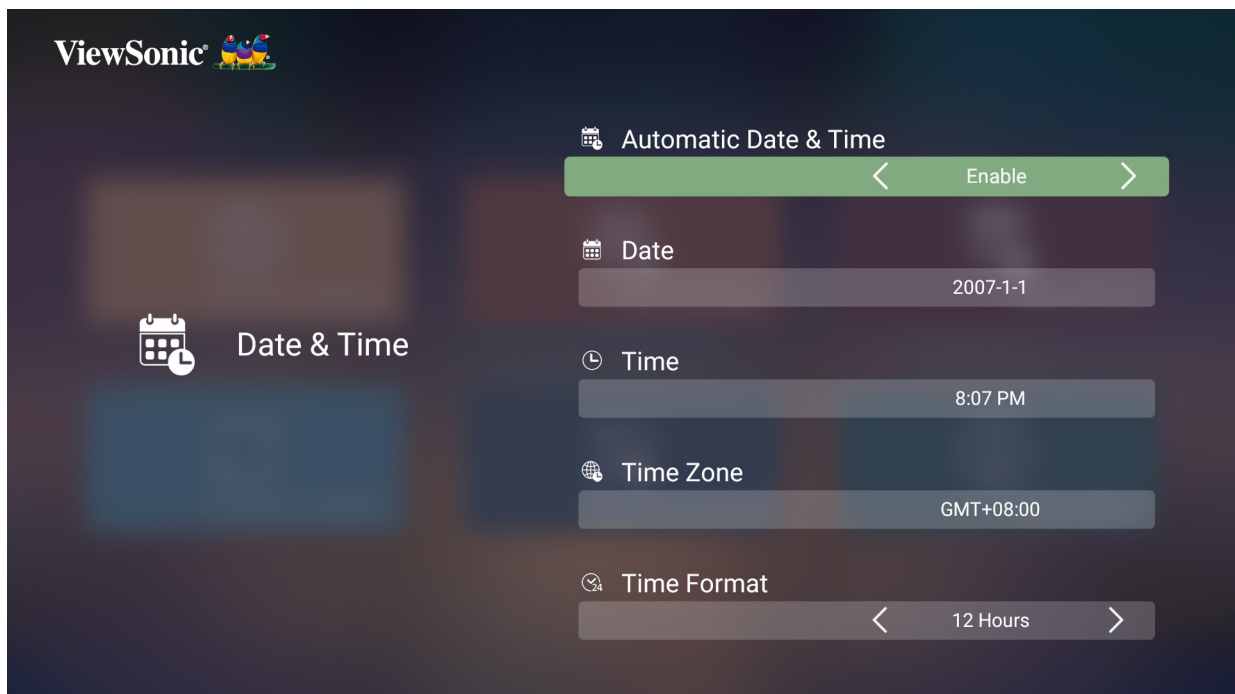
Điều chỉnh ngày, giờ, múi giờ và định dạng giờ.

LƯU Ý: Giờ sẽ hiển thị ở góc trên bên phải sau khi kết nối internet.

1. Chọn: **Home (Trang chủ) > Setting (Cài đặt) > Date & Time (Ngày giờ)**.



2. Sử dụng các nút **Lên** và **Xuống** để chọn tùy chọn mong muốn và nhấn **OK**. Sau đó sử dụng các nút **Trái** và **Phải** để thực hiện các điều chỉnh hoặc lựa chọn.



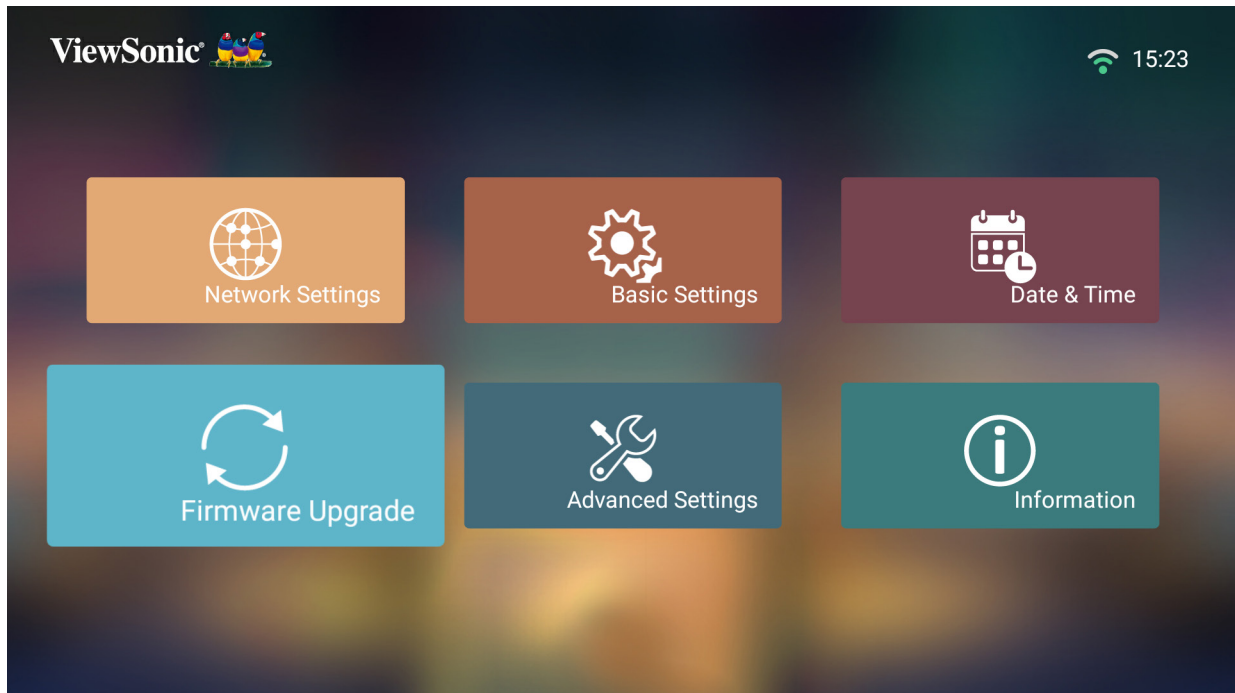
Menu	Mô tả
Automatic Date & Time (Ngày giờ tự động)	<p>Người dùng có thể đồng bộ ngày giờ tự động sau khi kết nối internet.</p> <p><u>Enable (Bật)</u> Bật đồng bộ hóa.</p> <p><u>Disable (Tắt)</u> Tắt đồng bộ hóa.</p>
Time Zone (Múi giờ)	Chọn vị địa điểm mong muốn.
Time Format (Định dạng giờ)	<p>Chọn định dạng giờ hiển thị khác nhau.</p> <p><u>12 Hours (12 giờ)</u> Đồng hồ 12 giờ</p> <p><u>24 Hours (24 giờ)</u> Đồng hồ 24 giờ</p>

Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)

Người dùng có thể cập nhật phần cứng qua internet hoặc USB, và kiểm tra mã phiên bản.

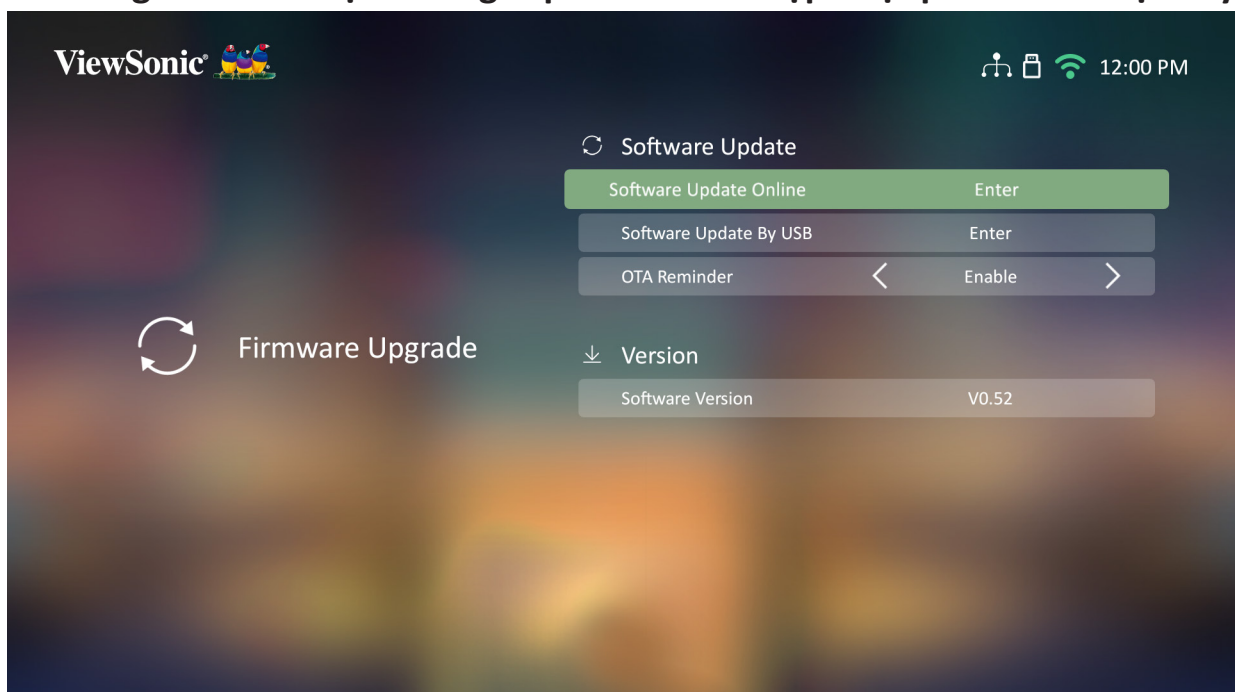
LƯU Ý: Không rút dây nguồn, USB hoặc ngắt kết nối internet trong quá trình nâng cấp.

1. Trước khi vào menu **Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**, đảm bảo máy chiếu đã được kết nối internet.
2. Để vào menu, chọn: **Home (Trang chủ) > Setting (Cài đặt) > Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**.



Firmware Update Online (Cập nhật firmware trực tuyến)

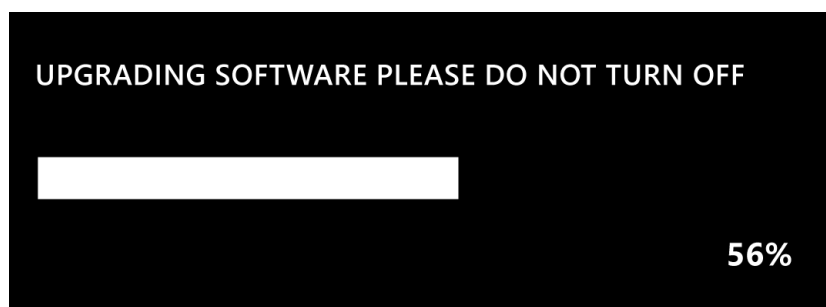
1. Vào: **Trang chủ > Cài đặt > Nâng cấp firmware > Cập nhật phần mềm Trực tuyến.**



2. Chọn **Enter (Vào)** bằng cách nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.
3. Hệ thống sẽ kiểm tra trang web ViewSonic (OTA) và hiển thị hộp thoại thông báo bên dưới nếu có firmware mới.



4. Sau khi chọn **Yes (Có)**, một thanh tiến trình sẽ hiển thị khi quá trình cập nhật bắt đầu.



5. Sau khi đạt được 100%, máy chiếu sẽ khởi động lại và màn hình sẽ chuyển sang màu đen trong một vài phút. Toàn bộ quá trình sẽ mất khoảng 10 phút.
6. Sau khi cập nhật firmware, việc khởi động lại máy chiếu sẽ mất vài phút.

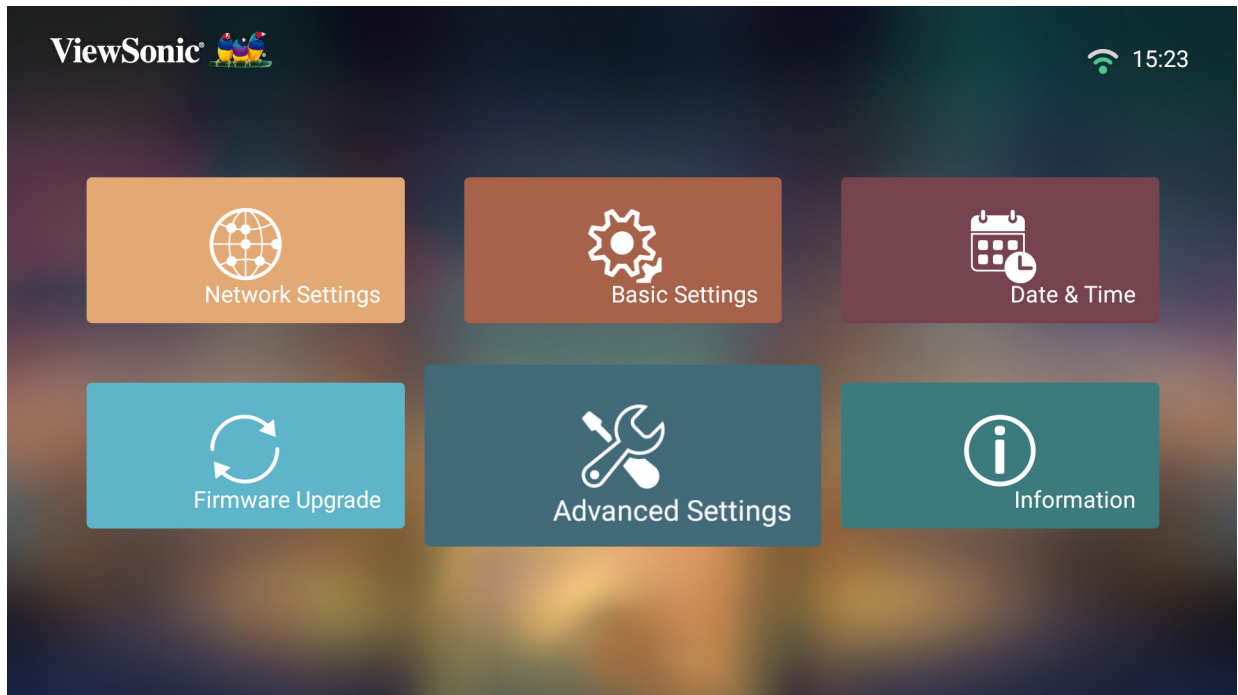
Cập Nhật Phần Cứng bằng USB có Định Dạng FAT32

LƯU Ý: Định dạng NTFS, chỉ đọc.

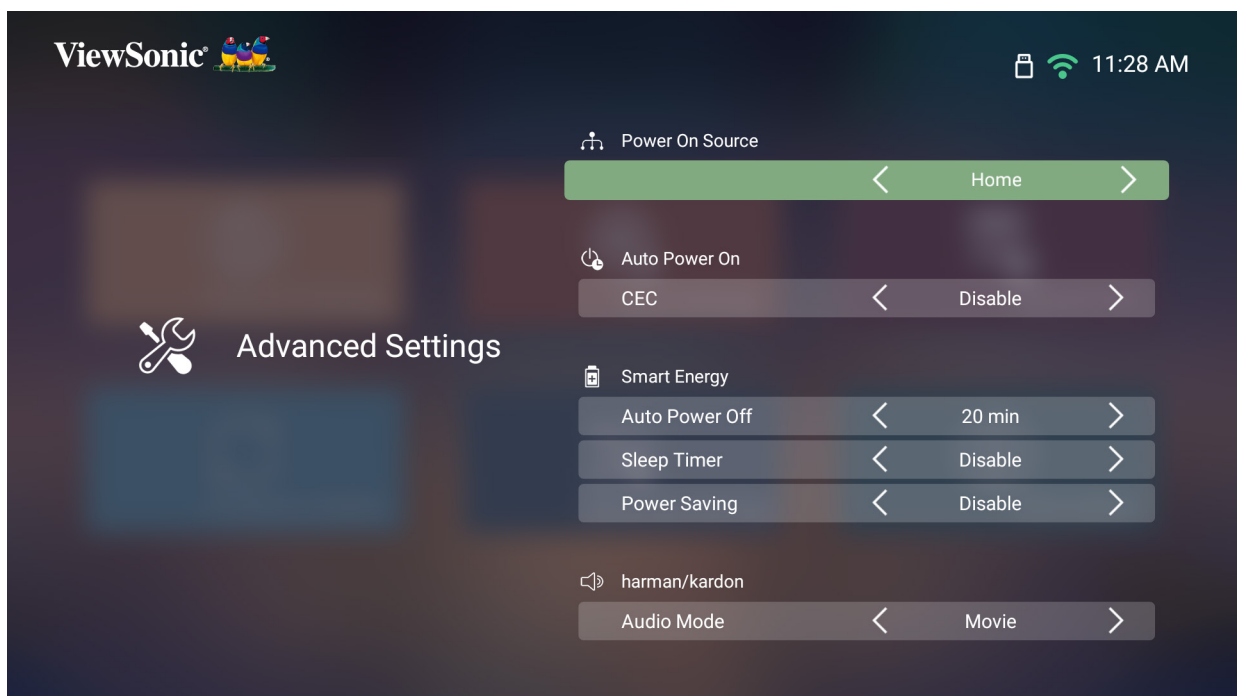
1. Tải xuống phiên bản mới nhất từ trang web ViewSonic và sao chép file vào thiết bị USB.
2. Cắm USB vào máy chiếu, sau đó vào: **Home (Trang chủ) > Setting (Cài đặt) > Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware) > Software Update By USB (Cập nhật phần mềm Bằng USB)**.
3. Chọn **Enter (Vào)** bằng cách nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.
4. Hệ thống sẽ phát hiện phiên bản firmware và hiển thị hộp thoại thông báo như trên.
5. Sau khi chọn **Yes (Có)**, một thanh tiến trình sẽ hiển thị khi quá trình cập nhật bắt đầu.
6. Sau khi đạt được 100%, máy chiếu sẽ khởi động lại và màn hình sẽ trở thành màu đen trong một vài phút. Toàn bộ quá trình sẽ mất khoảng 10 phút.
7. Sau khi cập nhật firmware, việc khởi động lại máy chiếu sẽ mất vài phút.

Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)

1. Chọn: **Home (Trang chủ) > Setting (Cài đặt) > Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.




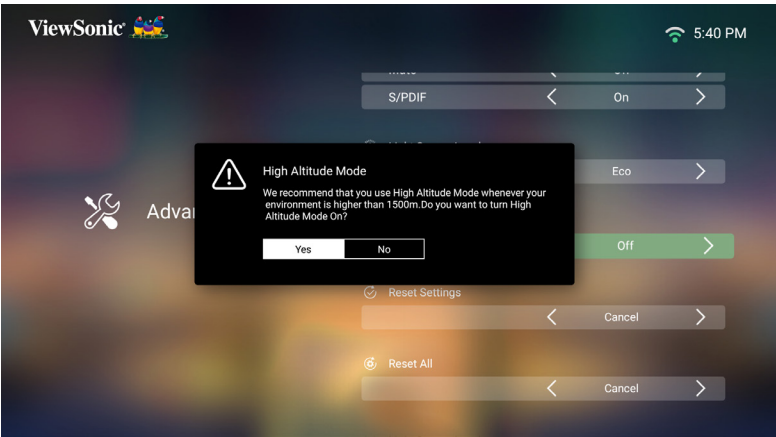
2. Sử dụng các nút **Lên** và **Xuống** để chọn tùy chọn mong muốn và nhấn **OK**. Sau đó sử dụng các nút **Trái** và **Phải** để thực hiện các điều chỉnh hoặc lựa chọn.



3. Để trở về menu trước, hãy nhấn nút **Return (Trở về)**.

Menu	Mô tả
Power On Source (Bật nguồn tín hiệu)	Cho phép người dùng truy cập trực tiếp nguồn tín hiệu mong muốn sau khi bật máy chiếu.
Auto Power On (Bật nguồn tự động)	<p><u>CEC</u> Máy chiếu này hỗ trợ chức năng Điều Khiển Điện Tử Người Dùng (CEC - Consumer Electronics Control) để đồng bộ bật/tắt nguồn qua kết nối HDMI. Nghĩa là, nếu một thiết bị hỗ trợ chức năng CEC được kết nối với đầu vào HDMI trên máy chiếu, thì khi tắt nguồn máy chiếu, nguồn điện của thiết bị vừa kết nối cũng sẽ tự động tắt. Khi bật nguồn cho thiết bị kết nối, máy chiếu sẽ tự động được bật nguồn.</p> <p>LƯU Ý: Cần đảm bảo chức năng CEC của cả máy chiếu và thiết bị kết nối đã được bật. Nếu máy chiếu không tự bật nguồn, hãy tắt máy chiếu trước và sau đó nó sẽ hoạt động bình thường.</p>
Smart Energy (Năng lượng th.minh)	<p><u>Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)</u> Máy chiếu có thể tự động tắt sau một khoảng thời gian đã đặt khi không phát hiện thấy nguồn tín hiệu vào.</p> <p><u>Sleep Timer (Hẹn giờ tắt máy)</u> Tắt tự động sau một khoảng thời gian đã đặt.</p> <p><u>Power Saving (Tiết kiệm điện)</u> Mức tiêu thụ điện thấp hơn nếu không phát hiện nguồn tín hiệu vào sau năm (5) phút.</p>

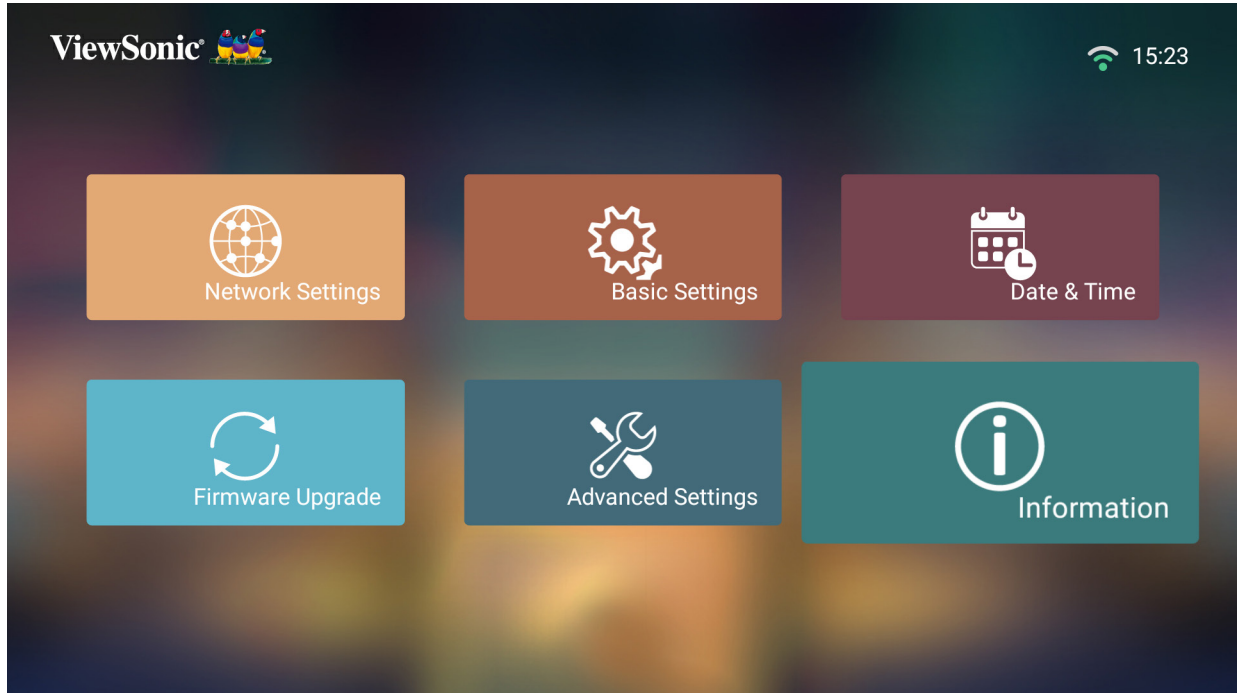
Menu	Mô tả
<p>harmon/kardon</p>	<p><u>Audio Mode (Chế độ âm thanh)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Movie (Phim): Chế độ âm thanh mặc định. • Music (Nhạc): Được tinh chỉnh cho phát nhạc. • User (Người dùng): Cho phép người dùng tùy chỉnh bộ chỉnh âm. <p>LƯU Ý: Ở chế độ Tùy Biến, có thể chọn 100Hz, 500Hz, 1.500Hz, 5.000Hz, và 10.000Hz.</p>  <p><u>Audio Volume (Âm lượng)</u> Điều chỉnh mức âm lượng từ 0 đến 50.</p> <p><u>Mute (Tắt âm)</u> Tắt hoặc bật âm lượng.</p> <p><u>Internal Speaker (Tích hợp loa)</u> Chuyển đổi giữa cổng loa trong và ngõ ra âm thanh. <u>Enable (Bật):</u> Kích hoạt cổng Subwoofer Out (Ngõ ra loa trầm phụ). <u>Disable (Tắt):</u> Kích hoạt cổng Audio Out (Ngõ ra âm thanh).</p> <p><u>S/PDIF</u> Chọn để xuất âm thanh qua cổng S/PDIF.</p>

Menu	Mô tả
<p>Light Source Level (Mức đèn)</p>	<p>Chọn mức tiêu thụ điện phù hợp của LED.</p> <p>Full (Đầy đủ) 100%</p> <p>Eco (T.kiệm) 70%</p> <p>Dynamic Black 1 Xem thêm chi tiết về cảnh tối theo mức độ sáng của các cảnh khác nhau trong nội dung đầu vào.</p> <p>Dynamic Black 2 Hiệu suất tương phản cao theo mức độ sáng của các cảnh khác nhau trong nội dung đầu vào.</p>
<p>High Altitude Mode (Chế độ cao trình)</p>	<p>Bạn nên sử dụng Chế độ cao trình khi sử dụng máy chiếu trong môi trường ở độ cao từ 1.500-3.000 mét so với mực nước biển và có nhiệt độ từ 5°C-25°C.</p>  <p>LƯU Ý: Nếu bạn sử dụng máy chiếu này trong các điều kiện khắc nghiệt khác, ngoại trừ các điều kiện vừa nêu, nó có thể hiển thị các sự cố tự động tắt - vốn được thiết kế để bảo vệ máy chiếu khỏi bị quá nóng. Trong các trường hợp như vậy, bạn nên chuyển sang Chế độ cao trình để khắc phục các sự cố này. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là máy chiếu này có thể hoạt động trong bất kỳ và mọi điều kiện khó khăn hoặc khắc nghiệt.</p>

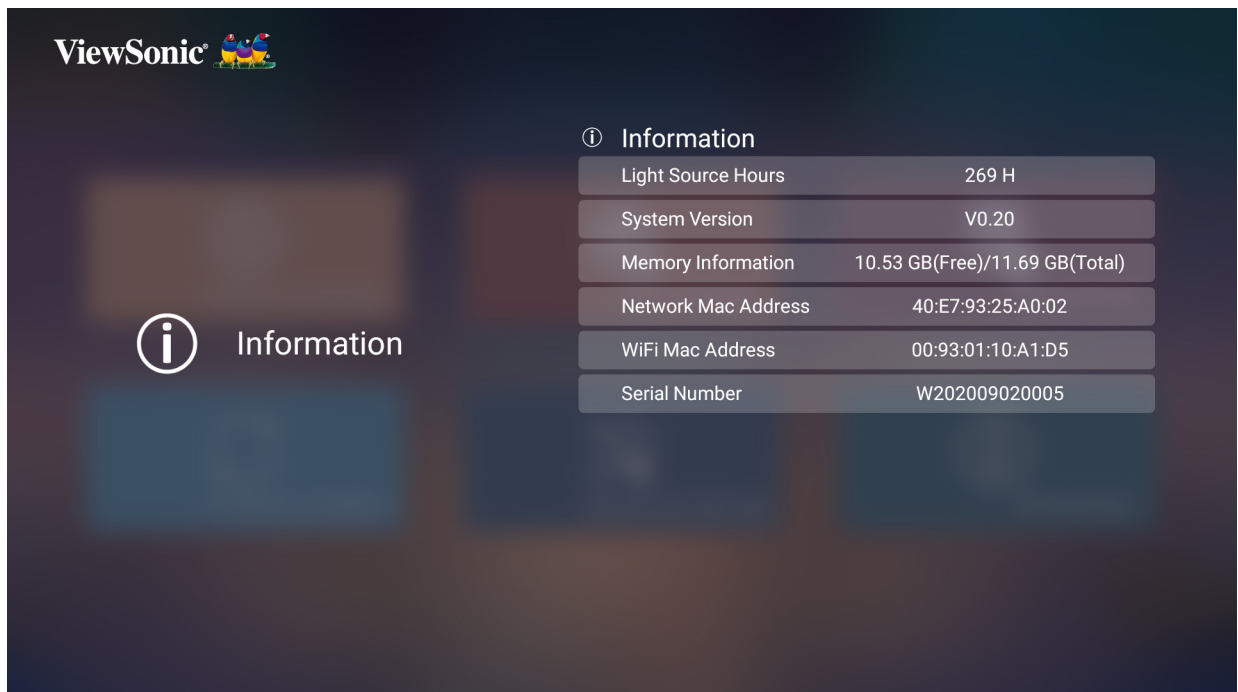
Menu	Mô tả
Reset Settings (Cài lại các cài đặt)	Cài lại các cài đặt về mặc định. LƯU Ý: Language (Ngôn ngữ), High Altitude Mode (Chế độ cao trình), Projector Position (Vị trí máy chiếu), Network Settings (Cài đặt mạng), Mọi ứng dụng đã cài đặt trong Apps Center (Trung tâm ứng dụng), Add App (Thêm ứng dụng), Bluetooth, V.Keystone (Chỉnh vuông hình dọc) và Light Source Hours (Số giờ đèn) sẽ không thay đổi.
Reset to Factory Default (Cài về mặc định gốc)	Cài đặt lại thông số của nhà sản xuất. LƯU Ý: Số giờ đèn sẽ không thay đổi.

Information (Thông tin)

1. Chọn: **Home (Trang chủ)** > **Setting (Cài đặt)** > **Information (Thông tin)**.



2. Xem trạng thái hệ thống và thông tin.

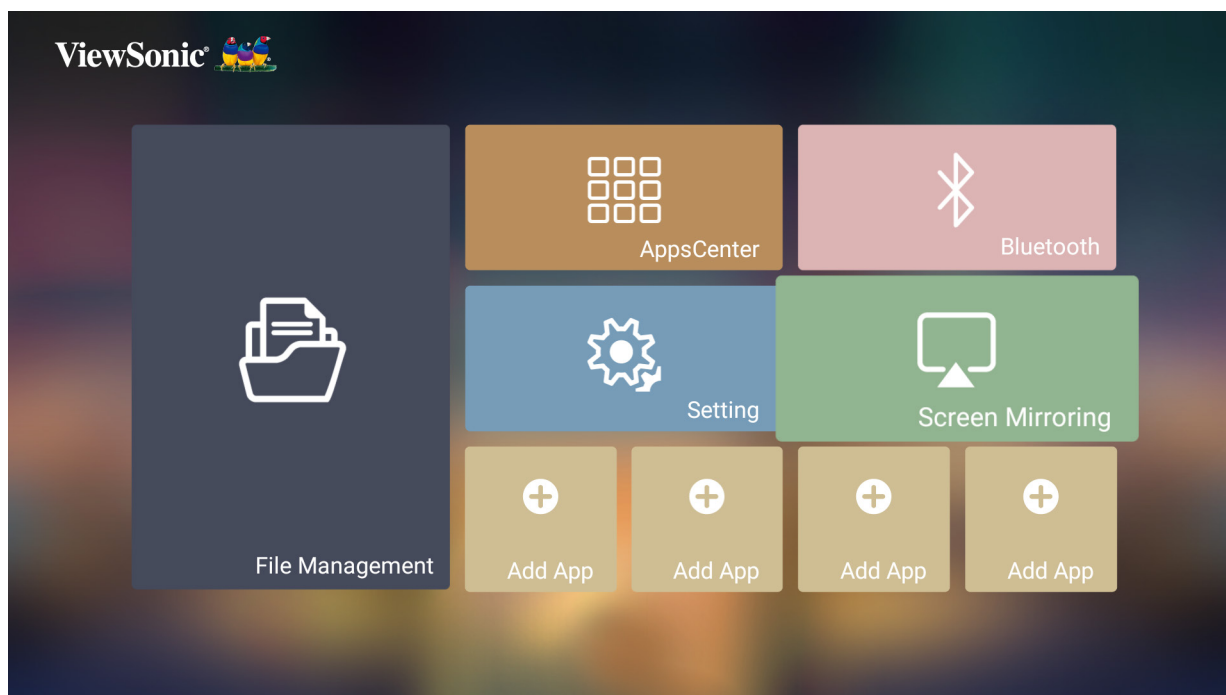


LƯU Ý: Nhấn nút **Home (Trang chủ)** trên điều khiển từ xa để trở về **Home Screen (Màn hình chính)** bất cứ lúc nào.

Screen Mirroring (Phản chiếu màn hình)

Phản chiếu màn hình thiết bị cá nhân của bạn. Để thiết lập phản chiếu màn hình không dây, hãy xem trang 23.

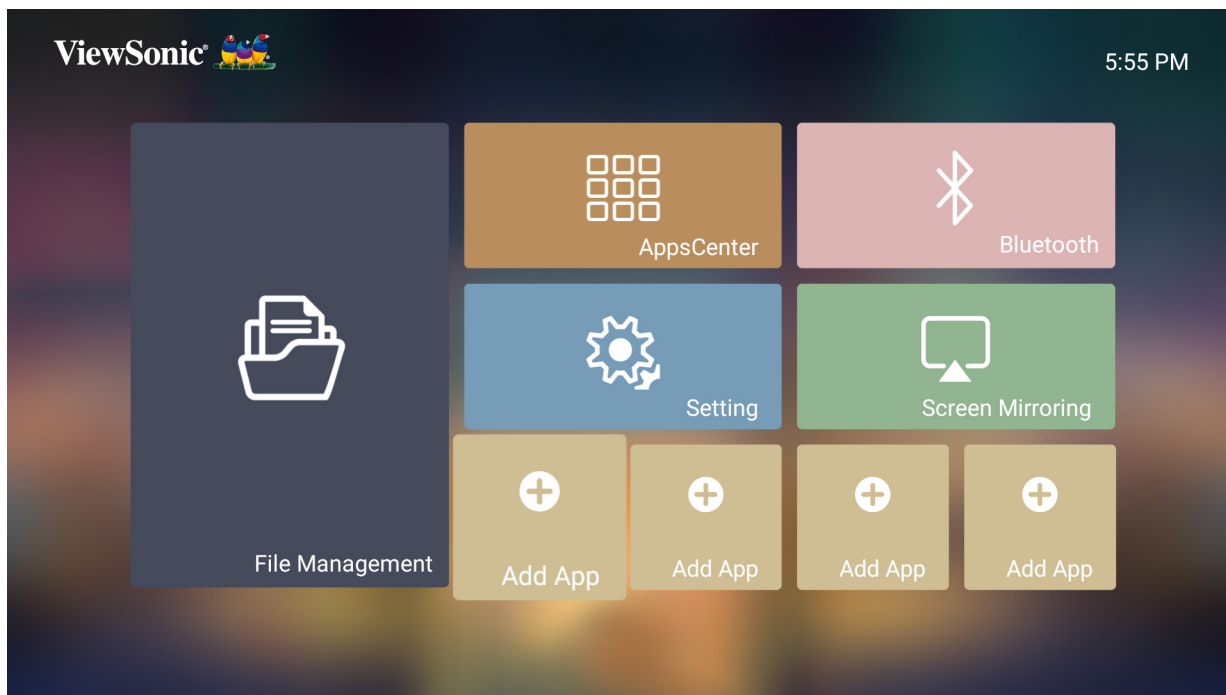
LƯU Ý: Đảm bảo thiết bị của bạn được kết nối cùng mạng với máy chiếu



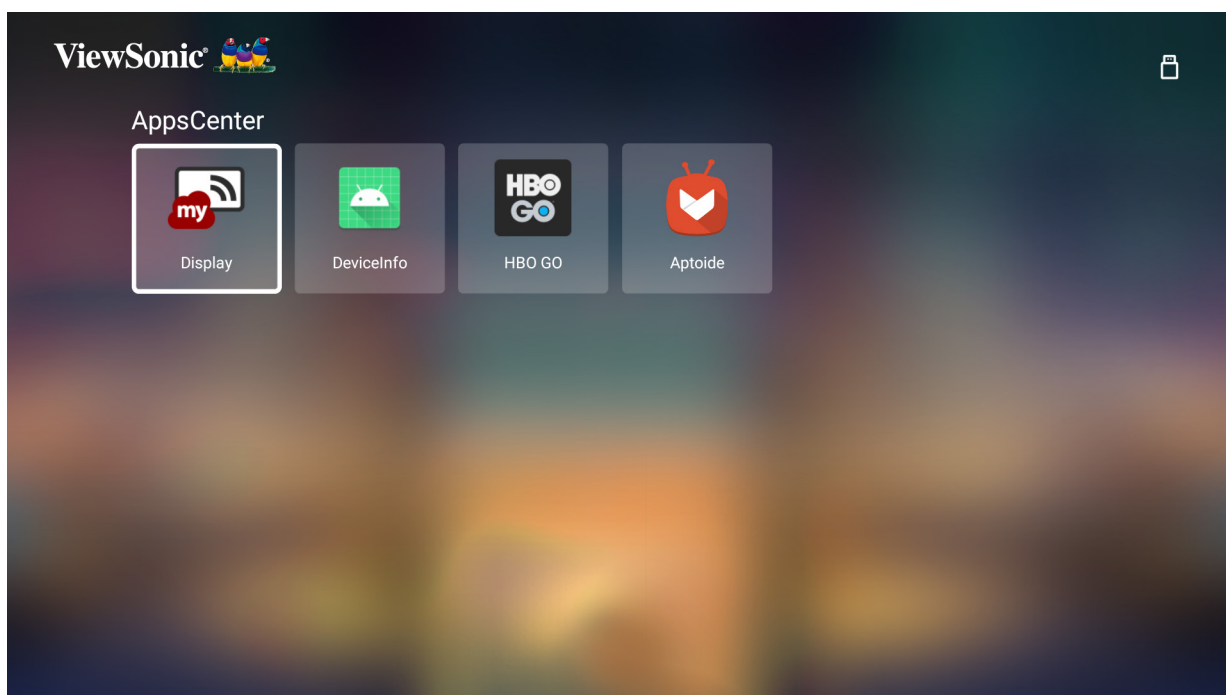
Thêm ứng dụng

Thêm ứng dụng ưa thích vào **Home Screen (Màn hình chính)**.

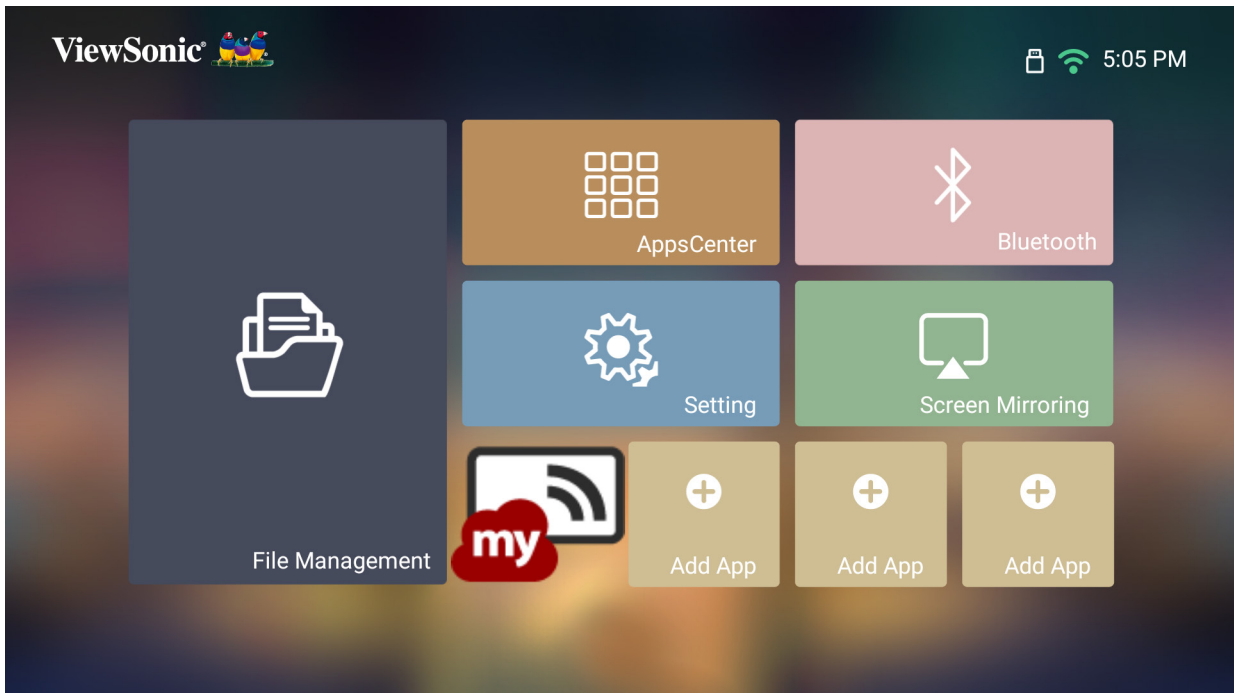
1. Từ **Home Screen (Màn hình chính)**, chọn **Add App (Thêm ứng dụng)** và sau đó nhấn **OK** trên điều khiển từ xa.



2. Sử dụng các nút chỉ hướng để chọn ứng dụng mong muốn và nhấn **OK**.

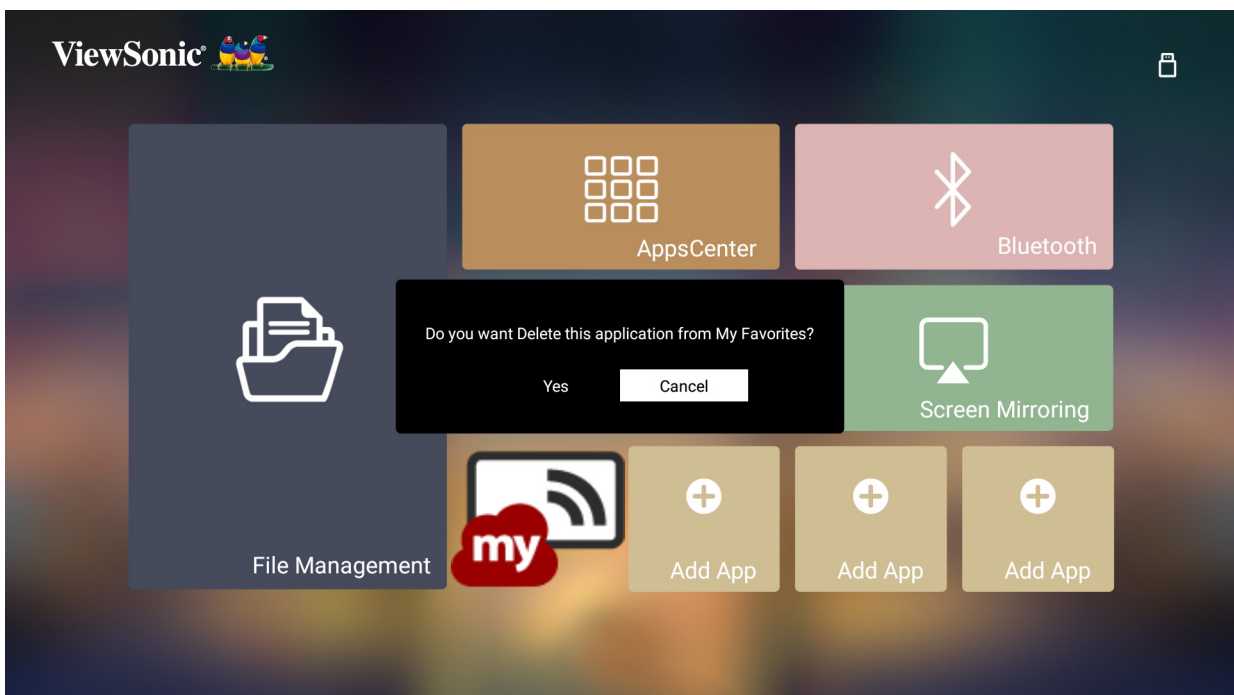


3. Bây giờ ứng dụng ưa thích của bạn sẽ xuất hiện trên **Home Screen (Màn hình chính)**.



Xóa ứng dụng khỏi màn hình chính

1. Từ **Home Screen (Màn hình chính)**, chọn ứng dụng bạn muốn xóa rồi nhấn giữ **OK** trong ba (3) giây.
2. Thông báo “Do you want Delete this application from My Favorites (Bạn có muốn xóa ứng dụng này khỏi Mục yêu ưa không)?” sẽ hiển thị.



3. Chọn **Yes (Có)** và nhấn **OK** để xóa ứng dụng.

> Phụ lục

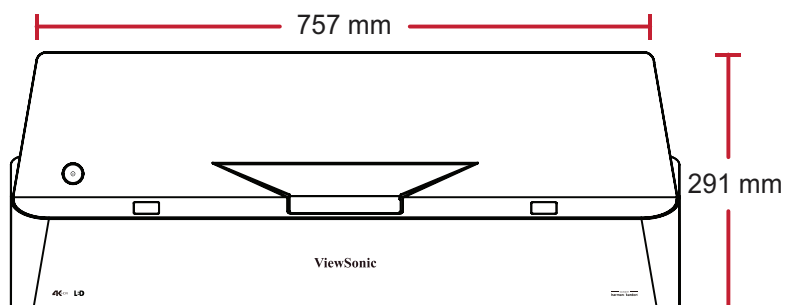
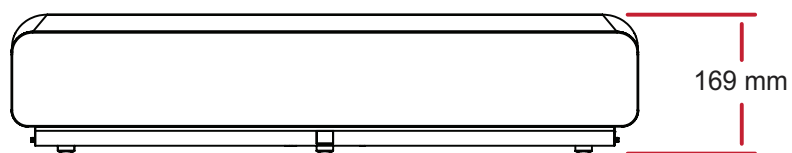
Thông số kỹ thuật

Mục	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
Máy chiếu	Loại	0,47" 4K-UHD, LED
	Kích thước màn hình	60"~150"
	Khoảng cách lệch tâm	0,159 m~0,657 m (100 inch ở mức 0,379 m)
	Ống kính	F = 1,91, f = 2,51 mm
	Zoom quang học	Cố định
	Loại đèn	Đèn LED RGBB
	Tuổi thọ đèn (Bình thường)	đến 30.000 giờ
	Màu hiển thị	1,07 tỷ màu
	Chỉnh vuông hình	-/+ 14 (Đọc)
Tín hiệu vào	HDMI	f_h : 15K~135kHz, f_v : 23~120Hz,
Độ phân giải	Gốc	3840 x 2160
	Hỗ trợ	VGA (640 x 480) đến 4K (3840 x 2160)
Bộ nhớ trong	Tổng số	16 GB
	Khả dụng	12 GB
Đầu vào	Ngõ vào âm thanh (3,5 mm)	1
	HDMI	3 (HDMI 2.0, HDCP 1.4/2.2)
	USB Type-C	1
	USB Type-A	3 (1 đầu đọc USB 3.0; 2 đầu đọc USB 2.0)
	Ngõ Vào RJ45	1
	Đầu vào Wi-Fi	1 (5G)
Đầu ra	Ngõ ra âm thanh (3,5 mm)	2
	Loa trầm phụ	1 (dùng chung với cổng Audio Out)
	S/PDIF	1
	Loa	20W Cube x 2
	Cổng USB Type-A (Nguồn)	3 (USB 3.0, 5V/2A; USB 2.0, 5V/900mA; USB 2.0, 5V/900mA [dùng cho bộ thu phát Wi-Fi])
Adapter nguồn ¹	Điện áp đầu vào	DC IN 100-240V, 50/60 Hz (tự chuyển đổi)
Các điều kiện hoạt động	Nhiệt độ	0°C - 35°C (32°F - 95°F)
	Độ ẩm	0% đến 90% (không ngưng tụ)
Kích thước	Thực tế (Rộng x Cao x Dày)	757 x 169 x 291 mm (29,8" x 6,65" x 11,46")
Trọng lượng	Thực tế	9,44 kg (20,79 pound)
Mức tiêu thụ điện	Bật	200W (Chuẩn)
	Tắt	< 0,5W (Chế độ chờ)

¹ Vui lòng chỉ sử dụng adapter nguồn từ ViewSonic® hoặc một đại lý ủy quyền.

Kích thước máy chiếu

757 mm (Rộng) x 169 mm (Cao) x 291 mm (Dày)



Biểu đồ định giờ

Định giờ Video HDMI/USB C

Định giờ	Độ phân giải (chấm)	Tốc độ làm mới (Hz)
SDTV (480i)	720 x 480	60
SDTV (480p)	720 x 480	60
SDTV (576i)	720 x 576	50
SDTV (576p)	720 x 576	50
HDTV (720p)	1280 x 720	50 / 60
HDTV (1080P)	1920 x 1080	24 / 25 / 30 / 50 / 60
HDTV (1080i)	1920 x 1080	50 / 60
UHDTV (4K)	3840x2160	24 / 25 / 30 / 50 / 60
VGA	640 x 480	59 / 67 / 72 / 75 / 85
720 x 400	720 x 400	70
SVGA	800 x 600	56 / 60 / 72 / 75 / 85 / 120
832x624	832x624	75
XGA	1024 x 768	60 / 70 / 75 / 85
1024x576	1024x576	60
XGA+	1152 x 864	75
1152x870	1152x870	75
WXGA	1280 x 768	60 / 75 / 85
WXGA	1280 x 800	60 / 75 / 85
SVGA	1280 x 1024	60 / 75 / 85
1280 x 720	1280 x 720	120
1280 x 960	1280 x 960	60 / 85
HD	1360 x 768	60
WXGA+	1440 x 900	60 / 75 / 85
1400X1050	1400X1050	60
1600x1200	1600x1200	60
WSXGA+	1680x1050	60
WUXGA	1920 x 1200	60

Định giờ máy tính hỗ trợ cổng HDMI/USB C

Độ phân giải	Tốc độ làm mới (Hz)	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số xung nhịp (MHz)
640 x 480	59,940	31,469	25,175
	72,809	37,861	31,500
	75	37,500	31,500
	85,008	43,269	36
	119,518	61,910	52,500
720 x 400	70,087	31,469	28,3221
800 x 600	56,250	35,156	36
	60,317	37,879	40
	72,188	48,077	50
	75	46,875	49,500
	85,061	53,674	56,250
	119,854	77,425	83
1024 x 768	60,004	48,363	65
	70,069	56,476	75
	75,029	60,023	78,750
	84,997	68,667	94,500
	119,804	98,958	137,750
1152 x 864	75	67,500	108
1280 x 768	60	47,396	68,25
	59,870	47,776	79,5
	74,893	60,289	102,25
	84,837	68,633	117,50
1280 x 800	59,810	49,702	83,500
	74,934	62,795	106,500
	84,880	71,554	122,500
1280 x 1024	60,020	60	108
	75,025	79,976	135
	85,024	91,146	157,500
1360 x 768	60,015	47,712	85,500
1366 x 768	60,015	47,712	85,500
1400 x 1050	59,978	65,317	121,750

Độ phân giải	Tốc độ làm mới (Hz)	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số xung nhịp (MHz)
1440 x 900	60	55,469	88,75
	59,887	55,935	106,500
	74,984	70,635	136,75
	84,842	80,430	157
1600 x 1200	60	75	162
1680 x 1050	59,883	64,674	119
	59,954	65,290	146,250
1920 x 1200	59,950	74,038	154
3840 x 2160	30	67,5	297
3840 x 2160	60	135	594

Định giờ hỗ trợ 3D

HDMI 3D (BlueRay 3D có khung hình thông tin)				
Tín hiệu	Độ phân giải (chấm)	Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	Tốc độ làm mới (Hz)	Hỗ trợ
Gói khung				
1080p	1920 x 1080	16:9	23,98/24	Có
720p	1280 x 720	16:9	50/59,94/60	Có
Liên kề				
1080i	1920 x 1080	16:9	50/59,94/60	Có
Đỉnh & Đáy				
1080p	1920 x 1080	16:9	23,98/24	Có
720p	1280 x 720	16:9	50/59,94/60	Có

Cài Đặt Thủ Công 3D (HDMI/USB C)				
Tín hiệu	Độ phân giải (chấm)	Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)	Tốc độ làm mới (Hz)	Hỗ trợ
SVGA	800 x 600	4:3	60*/120**	Có
XGA	1024 x 768	4:3	60*/120**	Có
HD	1280 x 720	16:9	60*/120**	Có
WXGA	1280 x 800	16:9	60*/120**	Có
HDTV (1080p)	1920 x 1080	16:9	60	Có
LƯU Ý:				
* Tín hiệu 60Hz được hỗ trợ cho khung tuần tự, liên kề và trên dưới.				
** Tín hiệu 120Hz chỉ được hỗ trợ cho khung tuần tự.				

Bảng chú giải

Phần này mô tả bảng chú giải thuật ngữ chuẩn được sử dụng trong tất cả các mẫu máy chiếu. Mọi thuật ngữ đều được liệt kê theo thứ tự bảng chữ cái.

LƯU Ý: Một số thuật ngữ có thể không áp dụng cho máy chiếu của bạn.

A Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)

Đề cập đến tỷ lệ từ chiều rộng đến chiều cao hình.

B Brightest Mode (Chế độ sáng nhất)

Tối đa hóa độ sáng của hình chiếu. Chế độ này lý tưởng cho các môi trường cần độ sáng siêu cao, chẳng hạn như sử dụng máy chiếu trong các phòng đủ ánh sáng.

Brightness (Độ sáng)

Điều chỉnh mức độ sáng của hình ảnh trên màn hình

C CEC (Điều khiển điện tử tiêu dùng)

Đồng bộ hóa thao tác bật/tắt nguồn qua kết nối HDMI. Nghĩa là, nếu một thiết bị hỗ trợ chức năng CEC được kết nối với đầu vào HDMI trên máy chiếu, thì khi tắt nguồn máy chiếu, nguồn điện của thiết bị vừa kết nối cũng sẽ tự động tắt. Khi bật nguồn thiết bị vừa kết nối, nguồn điện của máy chiếu cũng sẽ tự động bật.

Color (Màu sắc)

Điều chỉnh độ bão hòa màu.

Color Temp (Nhiệt độ màu)

Cho phép người dùng chọn các cài đặt nhiệt độ màu cụ thể để tùy chỉnh thêm trải nghiệm xem của họ.

Contrast (Độ tương phản)

Điều chỉnh độ khác biệt giữa nền sau hình ảnh (mức độ đen) và nền trước (mức độ trắng).

D Dynamic Black

Tính năng này thêm độ sâu cho ảnh bằng cách điều chỉnh mượt mà độ sáng và tín hiệu để tạo ra độ tương phản cao xuất sắc. Các vùng sáng sẽ trở nên rõ ràng hơn trong khi các vùng tối vẫn đảm bảo đủ chi tiết với màu đen sâu và ánh sáng trong trẻo.

F Focus (Lấy nét)

Cải thiện độ rõ nét của hình chiếu.

G Gamma

Cho phép người dùng tự tay chọn đường cong dải màu xám của máy chiếu.

H HDMI Range (Phạm vi HDMI)

Cho phép người dùng chọn dải màu xám HDMI trong khoảng 0 ~ 255 (toàn dải), 16 ~ 235 (dải giới hạn) hoặc Tự động theo loại tín hiệu được phát hiện.

HDR (Dải động cao)

Duy trì độ sáng và tăng cường chi tiết ở mức tối.

High Altitude Mode (Chế độ cao trình)

Chế độ tùy chọn cho người dùng sống trong môi trường có độ cao từ 1.500 - 3.000 mét so với mực nước biển và nhiệt độ nằm trong khoảng từ 5°C - 25°C. Kích hoạt chế độ này sẽ cải thiện khả năng làm mát và hiệu suất của máy chiếu.

I Information (Thông tin)

Hiển thị chế độ định giờ (đầu vào tín hiệu video) số serial.

Input Select (Lựa chọn đầu vào)

Chuyển đổi giữa các tùy chọn đầu vào khác nhau khả dụng cho máy chiếu.

K Keystone (Chỉnh vuông hình)

Xảy ra độ biến dạng hình ảnh do chiếu hình ảnh lên bề mặt góc cạnh.

L Light Source Level (Mức đèn)

Sử dụng chế độ bình thường hoặc tiết kiệm để điều chỉnh mức độ sáng và mức tiêu thụ điện.

M Movie Mode (Chế độ xem phim)

Chế độ hình thích hợp để xem phim, đoạn video đầy màu sắc từ máy ảnh kỹ thuật số hoặc video kỹ thuật số qua đầu vào máy tính. Tối ưu cho môi trường thiếu ánh sáng.

S Sharpness (Độ sắc nét)

Điều chỉnh chất lượng hình ảnh.

Khắc phục sự cố

Phần này mô tả một số vấn đề phổ biến mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy chiếu.

Vấn đề hoặc sự cố	Giải pháp khả thi
Máy chiếu không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo dây nguồn được cắm đúng cách vào máy chiếu và ổ cắm điện.• Nếu quá trình khởi động chưa kết thúc, hãy đợi cho đến khi kết thúc rồi thử bật lại máy chiếu.• Nếu cách trên không hiệu quả, hãy thử ổ cắm điện hoặc thiết bị điện khác có cùng ổ cắm điện.
Không có hình	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo đã cắm cáp nguồn video đúng cách và đã bật nguồn video.• Nếu nguồn tín hiệu vào không được chọn tự động, hãy chọn đúng nguồn tín hiệu bằng phím Source (Nguồn tín hiệu) trên máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.
Hình ảnh bị nhòe	<ul style="list-style-type: none">• Chỉnh lấy nét bằng điều khiển từ xa sẽ giúp chỉnh tiêu cự ống kính chiếu một cách chính xác.• Đảm bảo máy chiếu và màn hình được căn chỉnh thích hợp. Nếu cần, điều chỉnh chiều cao máy chiếu cũng như góc và hướng chiếu.
Nếu điều khiển từ xa không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và máy chiếu, và chúng phải đặt cách nhau 8 mét (26 foot).• Pin có thể hết thời hạn sử dụng, hãy kiểm tra và thay thế nếu cần thiết.

Bảo dưỡng

Biện pháp phòng ngừa chung

- Đảm bảo đã tắt máy chiếu và rút cáp nguồn ra khỏi ổ cắm điện.
- Đừng bao giờ tháo bất kỳ bộ phận nào khỏi máy chiếu. Liên hệ với ViewSonic® hoặc đại lý bán lẻ khi bạn cần thay thế bất kỳ bộ phận nào của máy chiếu.
- Đừng bao giờ xịt hoặc đổ bất kỳ chất lỏng nào trực tiếp lên vỏ máy.
- Hãy cầm nắm máy chiếu cẩn thận vì nó có màu tối hơn; nếu bị trầy xước, máy chiếu có thể hiển thị các dấu vết rõ hơn so với máy chiếu màu sáng hơn.

Vệ sinh ống kính

- Dùng bình khí nén thổi sạch bụi.
- Nếu ống kính vẫn chưa sạch, hãy dùng giấy vệ sinh ống kính hoặc thấm ướt khăn mềm bằng dung dịch vệ sinh ống kính và lau nhẹ lên bề mặt.

THẬN TRỌNG: Đừng bao giờ chà xát ống kính bằng chất liệu ăn mòn.

Lau vỏ máy chiếu

- Sử dụng khăn mềm khô không có xơ để loại bỏ bụi bẩn.
- Nếu vỏ máy vẫn chưa sạch, hãy bôi nhẹ một lượng nhỏ chất tẩy rửa không chứa amoniac, cồn và chất ăn mòn lên khăn mềm sạch không có xơ rồi lau sạch bề mặt.

THẬN TRỌNG: Đừng bao giờ sử dụng sáp, cồn, benzen, chất pha loãng hoặc chất tẩy rửa hóa học khác.

Cất giữ máy chiếu


Nếu bạn định cất giữ máy chiếu trong một thời gian dài:

- Đảm bảo nhiệt độ và độ ẩm tại khu vực cất giữ phải nằm trong phạm vi khuyến nghị.
- Rút gọn hoàn toàn chân điều chỉnh.
- Tháo pin ra khỏi điều khiển từ xa.
- Đóng gói máy chiếu bằng hộp đựng gốc hoặc hộp đựng tương đương.

Khước từ trách nhiệm

- ViewSonic® không khuyến dùng bất kỳ chất tẩy rửa có chứa amoniac hoặc cồn để lau ống kính hoặc vỏ máy chiếu. Một số chất tẩy rửa hóa học đã được báo cáo làm hỏng ống kính và/hoặc vỏ máy chiếu.
- ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý về thiệt hại do sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa nào có chứa amoniac hoặc cồn.

Đèn báo LED

Ánh sáng	Trạng thái và mô tả
	
Nguồn điện	
Đỏ	Chế độ chờ (5 giây) (< 0,5W)
Lam	Bật nguồn
Lam	Chế độ hoạt động thường
Lục	Chế độ Bluetooth

> Thông tin quy định và dịch vụ

Thông tin tuân thủ

Phần này giải quyết mọi yêu cầu và tuyên bố liên quan đến các quy định. Những ứng dụng tương ứng đã xác nhận sẽ đề cập đến các nhãn trên biển hiệu và nhãn hiệu liên quan trên thiết bị.

Tuyên bố tuân thủ FCC

Thiết bị này tuân thủ phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động của thiết bị phải tuân thủ hai điều kiện sau: (1) thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận mọi hiện tượng nhiễu sóng thu được, kể cả nhiễu sóng có thể gây ra hoạt động không mong muốn. Thiết bị này đã được thử nghiệm và chứng minh là tuân thủ các giới hạn về thiết bị số Loại B theo Phần 15 của Quy định FCC.

Các giới hạn này được thiết kế để giúp bảo vệ thích hợp đối với hiện tượng nhiễu sóng có hại trong hệ thống lắp đặt chung cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phân tán năng lượng tần số vô tuyến và nếu không được lắp đặt và sử dụng theo các hướng dẫn có thể gây ra nhiễu sóng có hại cho các phương tiện liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng việc nhiễu sóng sẽ không xảy ra trong hệ thống lắp đặt đặc biệt. Nếu thiết bị này gây nhiễu sóng có hại cho việc thu sóng vô tuyến hay truyền hình vốn có thể được xác định bằng cách bật và tắt thiết bị liên quan, người dùng nên cố gắng khắc phục hiện tượng nhiễu sóng qua một hoặc nhiều cách sau:

- Đổi hướng hoặc bố trí lại ăng-ten thu sóng.
- Tăng khả năng tách sóng giữa thiết bị và máy thu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm trên một mạch khác với ổ cắm máy thu.
- Hãy tham khảo ý kiến của đại lý phân phối hoặc kỹ thuật viên vô tuyến/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Không được lắp đặt (các) ăng-ten của máy phát này cùng một vị trí hoặc cùng với bất kỳ ăng-ten hoặc máy phát nào khác.

Thiết bị đã được kiểm định và tuân thủ các quy trình và tiêu chuẩn đo lường được nêu trong FCC CFR Title 47 Part 15 Subpart C.

Cảnh báo: Lưu ý rằng các thay đổi hoặc sửa đổi chưa được chấp nhận hoàn toàn bởi bên chịu trách nhiệm tuân thủ có thể vô hiệu hóa quyền của bạn để dùng thiết bị này.

Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ FCC

Thiết bị này tuân thủ theo giới hạn phơi nhiễm bức xạ FCC đặt ra cho một môi trường không kiểm soát. Người sử dụng cuối cùng phải tuân thủ các hướng dẫn sử dụng để đảm bảo phơi nhiễm RF theo quy định.

Không được lắp đặt máy phát này cùng một vị trí hoặc cùng với bất kỳ ăng-ten hoặc máy phát nào khác. Phải lắp đặt và sử dụng thiết bị này ở khoảng cách tối thiểu 20 cm giữa bộ tản nhiệt và cơ thể của bạn.

Cắm nang người dùng hoặc cắm nang hướng dẫn cho bộ tản nhiệt lắp có chủ định hoặc không có chủ định phải cảnh báo người dùng rằng nếu tùy tiện thay đổi hoặc hiệu chỉnh khi chưa được phê duyệt bởi bên liên quan sẽ làm cho người dùng bị mất quyền sử dụng.

Nội Dung Cảnh Báo IC

Thiết bị này tuân thủ (các) tiêu chuẩn RSS miễn giấy phép của Canada. Hoạt động của thiết bị phải tuân thủ hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu và (2) thiết bị này phải chấp nhận các hiện tượng nhiễu, bao gồm cả hiện tượng nhiễu mà có thể làm cho thiết bị hoạt động không đúng.

Le présent appareil est conforme aux CNR d'Industrie Canada applicables aux appareils radio exempts de licence. L'exploitation est autorisée aux deux conditions suivantes : (1) l'appareil ne doit pas produire de brouillage, et (2) l'utilisateur de l'appareil doit accepter tout brouillage radioélectrique subi, même si le brouillage est susceptible d'en compromettre le fonctionnement.

Nội Dung Quy Định cấp Quốc Gia

Đối với sản phẩm được bày bán trên thị trường Mỹ/Canada, chỉ có thể hoạt động được từ kênh 1 đến kênh 11. Không thể chọn được các kênh khác.

Pour les produits disponibles aux États-Unis/Canada du marché, seul le canal 1 à 11 peuvent être exploités. Sélection d'autres canaux n'est pas possible.

Quy Định Phơi Nhiễm Phóng Xạ IC

Thiết bị này tuân thủ giới hạn phơi nhiễm phóng xạ IC RSS-102 được áp dụng cho các môi trường không có kiểm soát. Phải lắp đặt và sử dụng thiết bị này ở khoảng cách tối thiểu 20 cm giữa bộ tản nhiệt và cơ thể của bạn. Thiết bị cho dải tần 5150-5825 MHz chỉ được sử dụng trong nhà để tránh rủi ro gây nhiễu cho các hệ thống vệ tinh di động cùng kênh.

Cet équipement est conforme aux limites d'exposition aux rayonnements IC établies pour un environnement non contrôlé. Cet équipement doit être installé et utilisé avec un minimum de 20cm de distance entre la source de rayonnement et votre corps. Les dispositifs fonctionnant dans la bande 5150-5825 MHz sont réservés uniquement pour une utilisation à l'intérieur afin de réduire les risques de brouillage préjudiciable aux systèmes de satellites mobiles utilisant les mêmes canaux.

Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu

CE Thiết bị tuân thủ Chỉ thị EMC 2014/30/EU và Chỉ thị điện áp thấp 2014/35/EU. và Chỉ thị về Thiết bị Vô tuyến 2014/53/EU.

Thông tin sau đây chỉ áp dụng cho các quốc gia thành viên EU:

Dấu hiệu bên phải là tuân thủ Chỉ thị về Rác thải Điện và Điện tử số 2012/19/EU (WEEE). Dấu hiệu cho biết yêu cầu KHÔNG xử lý các thiết bị là rác thải đô thị chưa phân loại, nhưng sử dụng hệ thống thu hồi và thu gom theo luật địa phương.



Tuyên bố tuân thủ RoHS2

Sản phẩm này đã được thiết kế và sản xuất theo Chỉ thị 2011/65 /EU của Nghị viện châu Âu và Hội đồng về việc hạn chế sử dụng một số chất nguy hại trong thiết bị điện và điện tử (Chỉ thị RoHS2) và được xem là tuân thủ các giá trị về nồng độ tối đa do Ủy ban Điều chỉnh Kỹ thuật châu Âu (TAC) ban hành như sau:

Chất liệu	Nồng độ tối đa đề xuất	Nồng độ thực tế
Chì (Pb)	0,1%	< 0,1%
Thủy ngân (Hg)	0,1%	< 0,1%
Cadmium (Cd)	0,01%	< 0,01%
Crom hóa trị sáu (Cr6 ⁺)	0,1%	< 0,1%
Polybrominated biphenyl (PBB)	0,1%	< 0,1%
Ête diphenyl polybrominated (PBDE)	0,1%	< 0,1%
Bis (2-Ethylhexyl) phthalate (DEHP)	0,1%	< 0,1%
Benzyl butyl phthalate (BBP)	0,1%	< 0,1%
Dibutyl phthalate (DBP)	0,1%	< 0,1%
Diisobutyl phthalate (DIBP)	0,1%	< 0,1%

Một số thành phần của những sản phẩm nêu trên được miễn tuân thủ Phụ lục III của các Chỉ thị RoHS2 như ghi chú dưới đây. Ví dụ về các thành phần được miễn trừ gồm:

- Thủy ngân trong đèn huỳnh quang catôt lạnh và đèn huỳnh quang điện cực ngoài (CCFL và EEFL) cho các mục đích đặc biệt không vượt quá (trên mỗi đèn):
 - » Chiều dài thuộc loại ngắn (500 mm): tối đa 3,5 mg mỗi đèn.
 - » Chiều dài thuộc loại trung bình (> 500 mm và 1.500 mm): tối đa 5 mg mỗi đèn.
 - » Chiều dài thuộc loại dài (>1.500 mm): tối đa 13 mg mỗi đèn.
- Chì trong thủy tinh của đèn tia catôt.
- Chì trong kính của đèn huỳnh quang không quá 0,2% trọng lượng.
- Chì như một thành phần hợp kim trong nhôm chứa đến 0,4% trọng lượng chì.
- Hợp kim đồng có chứa đến 4% trọng lượng chì.
- Chì trong chất bán dẫn loại nhiệt độ nóng chảy cao (ví dụ như các hợp kim chì chứa từ 85% trọng lượng chì trở lên).
- Các thành phần điện và điện tử chứa chì trong kính hoặc gốm sứ khác so với gốm sứ cách điện trong các tụ điện, ví dụ như các thiết bị điện áp, hoặc trong hợp chất ma trận thủy tinh hoặc gốm sứ.

- Pin:

- » Mức nhiệt độ cực cao hoặc cực thấp mà pin có thể chịu được khi sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển; và mức áp suất khí thấp ở vùng cao.
- » Thay pin khác loại có thể sẽ gây mất an toàn (ví dụ, loại pin lithium);
- » Vứt pin vào lửa hoặc lò nóng, hoặc cắt hoặc ép pin có thể gây nổ;
- » Để pin ở nơi có nhiệt độ quá cao có thể gây nổ hoặc rò khí hoặc rò chất lỏng dễ cháy;
- » Để pin ở nơi có áp suất khí quá cao có thể gây nổ hoặc rò khí hoặc rò chất lỏng dễ cháy;

Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ

Tuyên bố hạn chế chất thải nguy hại (Ấn Độ). Sản phẩm này tuân thủ "Quy định về rác thải điện tử Ấn Độ năm 2011" và cấm sử dụng chì, thủy ngân, crôm hóa trị sáu, polybromhenat biphenyl hoặc ête diphenyl polybromin với nồng độ vượt quá 0,1% trọng lượng và 0,01% trọng lượng catmi, ngoại trừ các khoản miễn trừ được quy định trong Phụ lục 2 của Quy định.

Thải bỏ sản phẩm khi kết thúc vòng đời sử dụng

ViewSonic® tôn trọng môi trường và cam kết làm việc và sống trong không gian xanh. Cảm ơn bạn đã trở thành hội viên của Sáng kiến Máy tính Thông minh hơn, Xanh hơn. Vui lòng truy cập trang web của ViewSonic® để tìm hiểu thêm.

Mỹ & Canada:

<http://www.viewsonic.com/company/green/recycle-program/>

Châu Âu:

<http://www.viewsoniceurope.com/eu/support/call-desk/>

Đài Loan:

<https://recycle.epa.gov.tw/>

Thông tin bản quyền

Bản quyền © Công ty ViewSonic®, 2021. Bảo lưu mọi bản quyền.

Macintosh và Power Macintosh là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Apple.

Microsoft, Windows và logo Windows là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Microsoft tại Mỹ và các quốc gia khác.

ViewSonic®, logo ba con chim, OnView, ViewMatch và ViewMeter là thương hiệu đã đăng ký của Công ty ViewSonic®.

VESA là thương hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association. DPMS, DisplayPort và DDC là thương hiệu của VESA.

ENERGY STAR® là thương hiệu đã đăng ký của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ (EPA).

Với tư cách là đối tác của ENERGY STAR®, Công ty ViewSonic® đã xác định rằng sản phẩm này đáp ứng các nguyên tắc của ENERGY STAR® về hiệu quả năng lượng.

Miễn trừ trách nhiệm: Công ty ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm về các lỗi kỹ thuật hoặc biên tập hoặc những thiếu sót có trong sổ hướng dẫn sử dụng này; Công ty cũng sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả từ việc cung cấp vật liệu này, hoặc việc sử dụng hoặc hiệu suất của sản phẩm này.

Với mong muốn tiếp tục cải tiến sản phẩm, Công ty ViewSonic® có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của sản phẩm mà không cần thông báo. Thông tin trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần thông báo.

Không được phép sao chép, tái bản hoặc truyền tải bất cứ phần nào của tài liệu này dưới mọi hình thức, vì bất kỳ mục đích nào mà không có văn bản cho phép trước của Công ty ViewSonic®.

Dịch vụ khách hàng

Để được hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ sản phẩm, bạn có thể xem bảng dưới đây hoặc liên hệ với đại lý bán máy chiếu.

LƯU Ý: Bạn cần phải có số serial của sản phẩm.

Quốc gia/Khu vực	Website	Quốc gia/Khu vực	Website
Châu Á - Thái Bình Dương & Châu Phi			
Australia	www.viewsonic.com/au/	Bangladesh	www.viewsonic.com/bd/
中国 (China)	www.viewsonic.com.cn	香港 (繁體中文)	www.viewsonic.com/hk/
Hong Kong (English)	www.viewsonic.com/hk-en/	India	www.viewsonic.com/in/
Indonesia	www.viewsonic.com/id/	Israel	www.viewsonic.com/il/
日本 (Japan)	www.viewsonic.com/jp/	Korea	www.viewsonic.com/kr/
Malaysia	www.viewsonic.com/my/	Middle East	www.viewsonic.com/me/
Myanmar	www.viewsonic.com/mm/	Nepal	www.viewsonic.com/np/
New Zealand	www.viewsonic.com/nz/	Pakistan	www.viewsonic.com/pk/
Philippines	www.viewsonic.com/ph/	Singapore	www.viewsonic.com/sg/
臺灣 (Taiwan)	www.viewsonic.com/tw/	ประเทศไทย	www.viewsonic.com/th/
Việt Nam	www.viewsonic.com/vn/	South Africa & Mauritius	www.viewsonic.com/za/
Châu Mỹ			
United States	www.viewsonic.com/us	Canada	www.viewsonic.com/us
Latin America	www.viewsonic.com/la		
Châu Âu			
Europe	www.viewsonic.com/eu/	France	www.viewsonic.com/fr/
Deutschland	www.viewsonic.com/de/	Қазақстан	www.viewsonic.com/kz/
Россия	www.viewsonic.com/ru/	España	www.viewsonic.com/es/
Türkiye	www.viewsonic.com/tr/	Україна	www.viewsonic.com/ua/
United Kingdom	www.viewsonic.com/uk/		

Bảo hành hạn chế

Máy chiếu ViewSonic®

Nội dung bảo hành:

ViewSonic® bảo hành cho các sản phẩm của mình để không có các lỗi về vật liệu và kỹ thuật dưới điều kiện sử dụng bình thường trong thời hạn bảo hành. Nếu sản phẩm cho thấy có lỗi về vật liệu hay kỹ thuật trong thời hạn bảo hành, ViewSonic® sẽ tự sửa chữa hoặc thay thế bằng một sản phẩm tương tự. Sản phẩm hay phụ kiện thay thế có thể bao gồm các bộ phận hay linh kiện đã được tái sản xuất hoặc tân trang.

Bảo hành chung giới hạn ba (3) năm:

Theo chế độ bảo hành giới hạn hơn là một (1) năm được nêu dưới đây; cho khu vực Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành ba (3) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, ba (3) năm cho nhân lực và một (1) năm cho đèn gốc kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng.

Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý hoặc văn phòng ViewSonic® tại địa phương để biết thông tin về bảo hành.

Bảo hành sử dụng nhiều giới hạn một (1) năm:

Trong cài đặt sử dụng nhiều, trong đó việc sử dụng máy chiếu bao gồm hơn mười bốn (14) giờ sử dụng trung bình mỗi ngày; khu vực Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm cho nhân lực và chín mươi (90) ngày cho đèn gốc kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng; Châu Âu: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm cho nhân lực và chín mươi (90) ngày cho đèn gốc kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng. Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý hoặc văn phòng ViewSonic® tại địa phương để biết thông tin về bảo hành. Đèn được bảo hành theo các điều khoản và điều kiện, quy trình xác minh và phê duyệt. Chỉ áp dụng cho đèn được lắp đặt bởi nhà sản xuất. Tất cả các đèn phụ mua riêng từ nhà sản xuất sẽ được bảo hành trong 90 ngày.

Đối tượng hưởng chính sách bảo hành:

Chính sách bảo hành này chỉ có hiệu lực đối với người mua tiêu dùng đầu tiên.

Nội dung không được bảo hành gồm:

1. Bất kỳ sản phẩm nào có số serial đã bị xóa, sửa đổi hoặc gỡ bỏ.

2. Thiệt hại, hỏng hóc hoặc trục trặc do:

- » Tai nạn, sử dụng sai, lơ đãng, hỏa hoạn, nước, sấm chớp hoặc các hiện tượng tự nhiên khác, sửa đổi sản phẩm trái phép hoặc không thực hiện theo các hướng dẫn kèm theo sản phẩm.
- » Hoạt động không tuân thủ các thông số kỹ thuật sản phẩm.
- » Hoạt động của sản phẩm khác với mục đích sử dụng thông thường hoặc không tuân thủ các điều kiện bình thường.
- » Sửa chữa hoặc cố sửa chữa bởi những người không được ViewSonic® ủy quyền.
- » Mọi hư hỏng đối với sản phẩm do vận chuyển.
- » Tháo hoặc lắp đặt sản phẩm.
- » Các nguyên nhân bên ngoài sản phẩm, chẳng hạn như dao động điện hoặc sự cố nguồn điện.
- » Sử dụng các phụ kiện cung cấp hoặc bộ phận không đáp ứng các thông số kỹ thuật của ViewSonic®.
- » Hao mòn thông thường.
- » Bất cứ nguyên nhân nào khác không liên quan đến lỗi sản phẩm.

3. Phí dịch vụ tháo rời, lắp đặt và thiết lập.

Cách nhận dịch vụ bảo hành:

1. Để biết thông tin về cách nhận dịch vụ thuộc chính sách bảo hành, hãy liên hệ với Trung tâm hỗ trợ khách hàng của ViewSonic® (Vui lòng tham khảo trang “Hỗ trợ khách hàng”). Bạn cần phải cung cấp số serial của sản phẩm đã mua.
2. Để nhận được dịch vụ bảo hành, bạn sẽ được yêu cầu cung cấp: (a) biên nhận gốc ghi ngày mua hàng, (b) tên bạn, (c) địa chỉ nhà, (d) bản mô tả về sự cố và (e) số serial của sản phẩm.
3. Mang hoặc vận chuyển hàng hóa trả cước trước theo thùng chứa gốc tới Trung tâm bảo hành ủy quyền của ViewSonic® hoặc tới ViewSonic®.
4. Để biết thêm thông tin về tên của Trung tâm bảo hành ViewSonic® gần nhất, hãy liên hệ ViewSonic®.

Giới hạn dịch vụ bảo hành gián tiếp:

Không có các dịch vụ bảo hành, dù trực tiếp hay gián tiếp, nằm ngoài phạm vi bản mô tả sản phẩm gồm dịch vụ bảo hành gián tiếp về khả năng được sản phẩm và sự phù hợp của sản phẩm vào một mục đích đặc biệt.

Loại trừ các thiệt hại:

Trách nhiệm pháp lý của ViewSonic® được giới hạn ở chi phí sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm. ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm về:

1. Thiệt hại đối với tài sản khác do bất kỳ lỗi nào về sản phẩm, những thiệt hại do sự bất tiện gây ra, thiệt hại từ việc sử dụng sản phẩm, mất thời gian, thất thu, mất cơ hội kinh doanh, mất tín nhiệm đối với khách hàng, gián đoạn các mối quan hệ kinh doanh hoặc thất thu thương mại khác, dù đã được thông báo về khả năng xảy ra những thiệt hại này.
2. Mọi thiệt hại khác, dù là ngẫu nhiên, do hậu quả hay các nguyên nhân khác.
3. Mọi khiếu kiện chống lại khách hàng từ bất kỳ bên nào khác.

Hiệu lực của luật tiểu bang:

Chính sách bảo hành này cung cấp cho bạn các quyền hợp pháp cụ thể, và bạn cũng có thể hưởng các quyền khác tùy theo từng nhà chức trách địa phương. Một số chính quyền địa phương không cho phép hạn chế về các chính sách bảo hành ngụ ý và/hoặc không cho phép loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả, vì vậy những hạn chế và loại trừ ở trên có thể không áp dụng cho bạn.

Bán hàng bên ngoài Mỹ và Canada:

Về thông tin và dịch vụ bảo hành đối với các sản phẩm ViewSonic® được bán ngoài nước Mỹ và Canada, hãy liên hệ ViewSonic® hoặc đại lý ViewSonic® tại địa phương của bạn.

Thời hạn bảo hành cho sản phẩm này ở Trung Hoa Đại lục (trừ Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan) phải tuân theo các điều khoản và điều kiện của Thẻ bảo hành.

Đối với người dùng ở châu Âu và Nga, bạn có thể tìm thấy đầy đủ các chi tiết về chính sách bảo hành tại: <http://www.viewsonic.com/eu/> trong “Thông tin hỗ trợ/bảo hành”.



ViewSonic®
See the difference®